

NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG



Lời Tòa Soạn ĐĐT: Nhà sử học Tạ Chí Đại Trưởng hiện cư ngụ tại miền Nam California vừa rồi đã được Quỹ Văn Hóa Phạm Chu Trinh tại Việt Nam trao giải thưởng hằng năm về công trình văn hóa của ông. Không về nước được để nhận giải thưởng, ông đã viết bài Những Vòng Kim Cô của Nền Sử

tiếp theo trang 2

ĐÁP XE VỚI THANH TÂM TUYỀN

HOÀNG HAI ĐẠT



Một buổi chiều nọ, đang ngồi ở trong bếp, tôi bỗng buột miệng, "Chắc phải đáp xe lại. Lâu quá không đáp. Sắp đốt đến nơi rồi. Hay là đốt rồi mà mình chưa biết đó thôi."

Xem trang 32

TÂM BÚT

HỌC TIẾNG NÀO TỐT NHẤT?

TRẦN TRUNG ĐẠO



Tháng trước tôi đi thăm Ấn Độ, nơi tiếng Anh chế ngự trong hầu hết các sinh hoạt của đời sống và môi trường chuyên nghiệp. Khi vừa về lại nhà đọc tin Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam

tiếp theo trang 16



Ảnh: SYEN NGUYEN

MỘT THỜI TRUYỀN LUẬT

TUỆ SỸ

Nguyễn Du khi cho Kiều đi tu phía sau vườn của nhà Hoạn Thư, chỉ cho cô thọ tam quy ngũ giới. Nhiều Thầy phàm đối, cho là Nguyễn Du không hiểu luật xuất gia nên nói như vậy, vì người xuất gia, theo luật, thấp nhất là thọ mười giới sa-di. Sự phàm đối này thiếu cơ sở lịch sử về vấn đề truyền thọ giới và thọ giới ở nước ta. **XEM TRANG 6**

HIỆN TƯỢNG NỔI DANH NHỜ MẠNG INTERNET

TRINH THANH THÚY



Từ ngày thế giới bước vào thế kỷ Internet chưa bao giờ còn người cảm thấy gần nhau hơn bao giờ hết. Một tin tức nóng

tiếp theo trang 34

THANH TÂM TUYỀN ÂM VANG KHÁC

NGUYỄN LƯƠNG VY

Thi sĩ Thanh Tâm Tuyền (15.03.1936 - 22.03.2006,) một trong những thành viên sáng lập trụ cột của Tạp Chí Sáng Tạo (1956 - 1960,) một trong những thi tài tâm cổ nhất của thi ca miền Nam (1954 - 1975,) với 2 thi tập tiêu biểu: Tôi Không Còn Cô Độc (NXB Người Việt, 1956), Liên, Đêm, Mặt Trời Tim Thấy (NXB Sáng Tạo, 1964.) Là người tiên phong của phong trào Thơ Tự Do, một phong cách thơ phóng khoáng, cách tân, hiện đại và đầy tinh sáng tạo. "Tôi đi tìm tiếng nói/ Cho có họng của tôi." Thanh Tâm Tuyền đã tạo được ảnh hưởng và



Xem trang 33

KHI SỰ XẤU HỔ DẪN TRỞ THÀNH HIỂM HỌI

SONG CHI

www.ngnoi-viet.com



MỘT XÃ HỘI
THiếu VẮNG
LÒNG TỰ TRỌNG

Một cô gái trẻ mới ngoài 20 tuổi, đi du lịch bụi qua nhiều quốc gia, sau đó viết sách kể lại những trải nghiệm của mình, kiếm được khá

tiếp theo trang 2

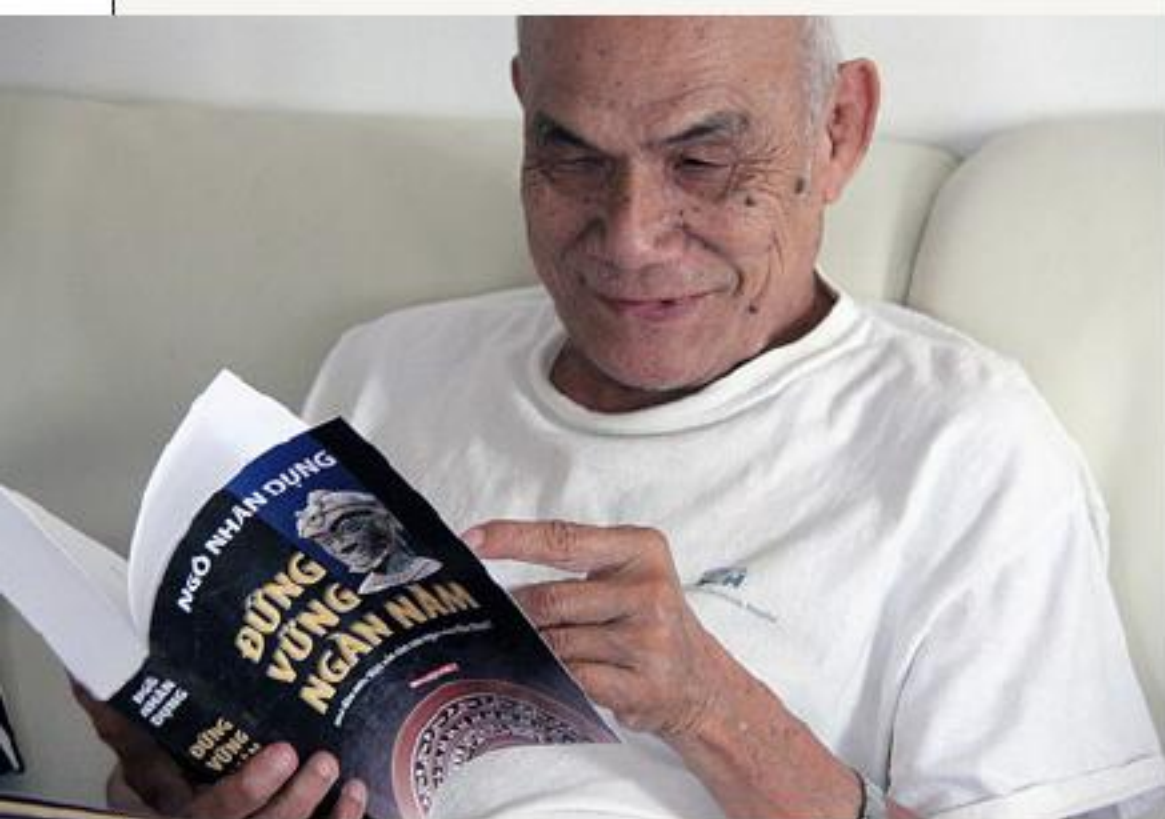
ĐÔI MƠI NHƯ MỘT SỔ PHẬN VÀ MỘT PHIÊU LƯU

NGUYỄN HƯNG QUỐC trang 26



NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

Học Việt Nam gửi vé tham dự để được trình bày trong buổi lễ trao giải. Mời quý độc giả theo dõi bài viết sau đây.



Hình vẽ họa TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG - Họa: TUYÊN NGUYỄN

GARDEN GROVE
ngày 12 tháng Ba năm 2014.
Kính thưa Bà Chủ tịch
Quý Văn hoá Phạm Châu Trinh,
Kính thưa Quý vị trong Ban
Điều hành Quý Văn hoá
Phạm Châu Trinh,
Kính thưa Quý vị hiện diện,

Trước hết tôi xin được tỏ lòng
biết ơn với tất cả những ai có
long để cử tôi vào việc nhận
Giải của Quý Văn hoá Phạm
Châu Trinh lần thứ VII này. Tôi
đã có lần nhắc đến câu Tái ông
thất mã cho trường hợp viết một
quyển sách của mình. Đến nay,
tuy không muốn cho ý tưởng
mang tính định mệnh tiêu cực
của câu nói trên chen vào quyết
định đầy hướng vị tha nhưng
chắc cũng phải gặp nhiều trở
ngại này của Quý vị, tôi cũng
vấn cứ muốn nhắc lại nó để giữ
vị trí kẻ bên lề của tình hình
ng-hiễn của sử học trong một nước
mà tôi không được quyền tham
dự. Theo tôi, có như thế, một
kẻ suốt mấy mươi năm không
bước chân vào một thư viện lớn
nhỏ nào, không chịu sự kiểm
thúc của một cơ quan nghiên
cứu nào như tôi mới có thể vượt
it ra là một chút mất lòng, khi
nhìn lại những vương mặc cụ
thể ngay từ trong quá khứ đến
những hiện hiện trước mắt của
một nền sử học muốn là khoa
học cho Việt Nam. Xin Quý vị
cho tôi tỏ bày:

NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

Một nền sử học truyền thống
khu vực chưa qua...
Việt Nam có một nền sử học
lâu đời lấy từ truyền thống
viết sử khu vực Đông Á, điều
này không phải gây tranh cãi.
Chúng ta còn đó: Đại Việt sử

ki toàn thư. (Đại) Việt sử lược,
Khâm định Việt sử thông giám
cuong mục, Thực lục của nhà
Nguyễn... Nhưng nằm trong
phát triển riêng biệt của khu
vực, các công trình ghi nhận
quá khứ ấy cũng phải chịu
nhiều ràng buộc từ thể chế
chính trị, áp lực văn hoá xâm
sinh ra nó, chuyển biến từ trung
tâm Trung Hoa lan ra vùng
ngoại biên, ở đây là Việt Nam
với tính chất riêng của vùng thụ
nhận.

Trước tiên việc viết sử nước, với
khởi thủy là của triều đại, là do
một cơ quan chuyên trách ăn
lương nhà nước, được gọi là
Quốc sử quán, Quốc sử viện...
tuy thời vụ. Tuy khi thiết lập thể
chế, hoặc được thúc đẩy bởi
những lý tưởng cao cả, hoặc từ
thực tế muốn tạo sự quân bình
quyền lực, người ta đã đưa ra
cả một khuôn mẫu lý thuyết
và thực hành để người viết sử
có thể thực hiện nhiệm vụ của
mình nhưng mỗi tương quan
bất bình đẳng giữa người chủ
lâm-lịch-sử có quyền lực và
kẻ làm công viết-lịch-sử vẫn
là điều không tránh khỏi. Ở
Trung Quốc, các ông sử quan
uon ngọc hùnh hó xuất hiện
trong các đời Xuân Thu Chiến
Quốc mờ mịt, nhưng sự thực có
thể kiểm chứng được là trường
hợp Tư Mã Thiên bị thiên và
Bam Cố nằm ngục của triều đại
Hán. Địa vị người cầm bút ở
Việt Nam càng thấp kém hơn
khi đối với giới cầm quyền, họ
chỉ là kẻ phụ thuộc với chỉ danh
chung, "thư gia" còn mang chút
né trọng của Li, đến số sảng:
"thư nhi", "gia thần" của các
hoàng tộc Trầm trong tiếng gọi
thường tình, và chỉ hểm là "nô"
khi cầm phải trượng trị... Cho nên

TRONG SỐ NÀY

Số 20

CHỦ NHẬT, 29 THÁNG 3, 2014

MỘT THỜI TRUYỀN LUẬT - TUỆ SỸ,
tr.1 • THANH TÂM TUYẾN, AM
VANG KHẮC - NGUYỄN LUONG
VY, tr.1 • NHỮNG VÒNG KIM CÔ
CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM - TẠ
CHÍ ĐẠI TRƯỞNG, tr.1 • ĐÁP XE
VỚI THANH TÂM TUYẾN - HOÀNG
MAI ĐẠT, tr.1 • HỌC TIẾNG NAO
TỐT NHẤT? - TRẦN TRUNG ĐẠO,
tr.1 • HIỆN TƯỢNG NÓI DANH NHỎ
MẠNG INTERNET - TRỊNH THANH
THÙY, tr.1 • KHI SỰ XẤU HỔ DẦN
TRỞ THÀNH HIỂM HỌI - SONG CHI,
tr.1 • PHẬT GIÁO VIỆT NAM, BIẾN
CỐ VÀ TƯ LIỆU - VHQ, tr.3 • SỨC
MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM
- NGÔ NHÂN DUNG, tr.4 • LỤC BÁT
HOÀI KHANH: BẦY NHIỀU RỒI NHÌ
HỒI TRẦN GIÂN KIA? / TIẾNG QUÊ
HUONG, tr.9 • GẬP GÕ TRÊN
FACEBOOK - NGUYỄN HUNG
QUỐC, tr.10 • THƠ PHỐ ĐÔNG:
CHIẾU QUÊ, tr.15 • TRÊN SỢI DÂY
ĐÀN - HOÀNG LONG, tr.20 • THƠ
NGÔ VĂN QUY: DUONG NHU
HẠNH NGỘ, tr.25 • ĐỐI MỐI NHU
MỘT SỐ PHẬN VÀ MỘT PHIẾU LƯU
- NGUYỄN HUNG QUỐC, tr.26 •
CHÚNG TÔI KHÔNG CHỊU NÓI
NƯA RỒI!!! - NGUYỄN TẤN CỬ, tr.29
THƠ LÊ VINH TÀI: ĐÊM, tr. 31 •
THƠ PHẠM CÔNG THIÊN: MỘNG /
CÓ MỘT BÀI THƠ, tr.34 • THƠ
THANH TÂM TUYẾN: THỐI BIỆT
MÙ TỐI... / BÀI CA NGỌI TÌNH YÊU,
tr.41, 42 và 43

Hình ảnh minh họa của:

LÊ VĂN HUNG, ĐĂNG MINH, NHA
TRANG QUÊ TÔI, HUYEN MINH
NGUYEN, UYÊN NGUYỄN IMI-
CHAEI TRAN và CỔ HỌA SĨ TRẦN
NHẬT TÂN

Nhóm Kết Tập HOA ĐÀM

Chịu trách nhiệm:

NGUYỄN VIỆT

9741 Bolsa Ave Suite: 216,
Westminster, California 92683,
714.765.9844

Mọi kiến xây dựng,
đóng góp bài vở, tranh, ảnh,
xin gửi về địa chỉ:
hoadamnews@gmail.com

KHI SỰ XẤU HỔ DẪN TRỞ THÀNH HIỂM HỌI

khá tiến nhuận bút. Tiếc rằng khi cuốn sách ra đời, rất nhiều độc giả nhận ra sự vô lý, cường điệu, dối trá của một số chi tiết. Chưa kể một số việc làm của cô gái tưởng thuật lại trong sách có thể bị xem như vi phạm pháp luật của nước khác như đi lậu vé, lao động "chui," nhập cảnh trái phép vào xứ người...

Cô gái bị dư luận "ném đá," nhiều người đòi tác giả và nhà xuất bản phải thu hồi cuốn sách, trả lại tiền cho người mua, như một hình thức "xin lỗi" độc giả. Nhưng rồi cuối cùng sự việc cũng qua đi, cuốn sách không bị thu hồi, tác giả cũng chẳng bị gì, và không chừng vài năm sau, cô còn có thể viết thêm vài cuốn sách khác. Cuộc sống ở Việt Nam vốn ngày nào cũng tràn ngập thông tin mới, nhiều chuyện khác lớn hơn, nóng hơn nên mọi người chóng quên.

Một biên tập viên khá nổi của đài truyền hình quốc gia VTV, đã từng hai lần, tại hai quốc gia khác nhau, bị bắt quả tang ăn cắp hàng trong siêu thị, nhưng vẫn tiếp tục được làm việc, phụ trách một chương trình thuộc về lĩnh vực văn hóa. Ai biết chuyện thì biết, mà có biết cũng chẳng làm gì được nhau!

Một nghệ sĩ điện ảnh nổi tiếng một thời, do đầu tư làm phim bị thất bại, thua lỗ dẫn đến phá sản, ngôi nhà đang ở bị ngân hàng thu hồi, liền lên báo kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người. Nhưng phát ngôn của nhân vật chính, những sự thật dần dần được tiết lộ xung quanh thông tin vô nọ và nhiều chi tiết khác đã khiến dư luận từ sự thương cảm ban đầu chuyển sang những phản ứng trái chiều, thậm chí phẫn nộ.

Câu chuyện đang lùm sùm làm nóng các trang báo lẫn các diễn đàn xã hội. Nhưng chắc chắn, chỉ cần một thời gian ngắn nữa, mọi chuyện sẽ lại bị lấp dưới hàng núi thông tin mới. Người nghệ sĩ dù có é dè vì đã tự đánh mất hình ảnh của chính mình trong lòng người hâm mộ, nhưng cũng đã đạt được điều mà mình mong muốn khi công khai "cởi cả đời tư" (một cụm từ mới trên báo chí trong nước về chuyện này.)

Đó là được tiếp tục ở lại trong ngôi nhà của mình thêm một thời gian, nhận được sự giúp đỡ từ quần chúng.

Một ví dụ khác, thông tin về những biệt thự "khủng," nhà đất, tài sản của một ông nguyên tổng thanh tra chính phủ mới đây khiến dư luận xôn xao. Bởi vì ai cũng hiểu rằng với tiền lương của một quan chức, cho dù là tổng thanh tra chính phủ, cả đời cũng không thể có được những tài sản như thế, hơn nữa đây lại là người giữ chức vụ thanh tra các vụ việc tham nhũng, từng có những phát biểu rất hùng hồn về chống tham nhũng.

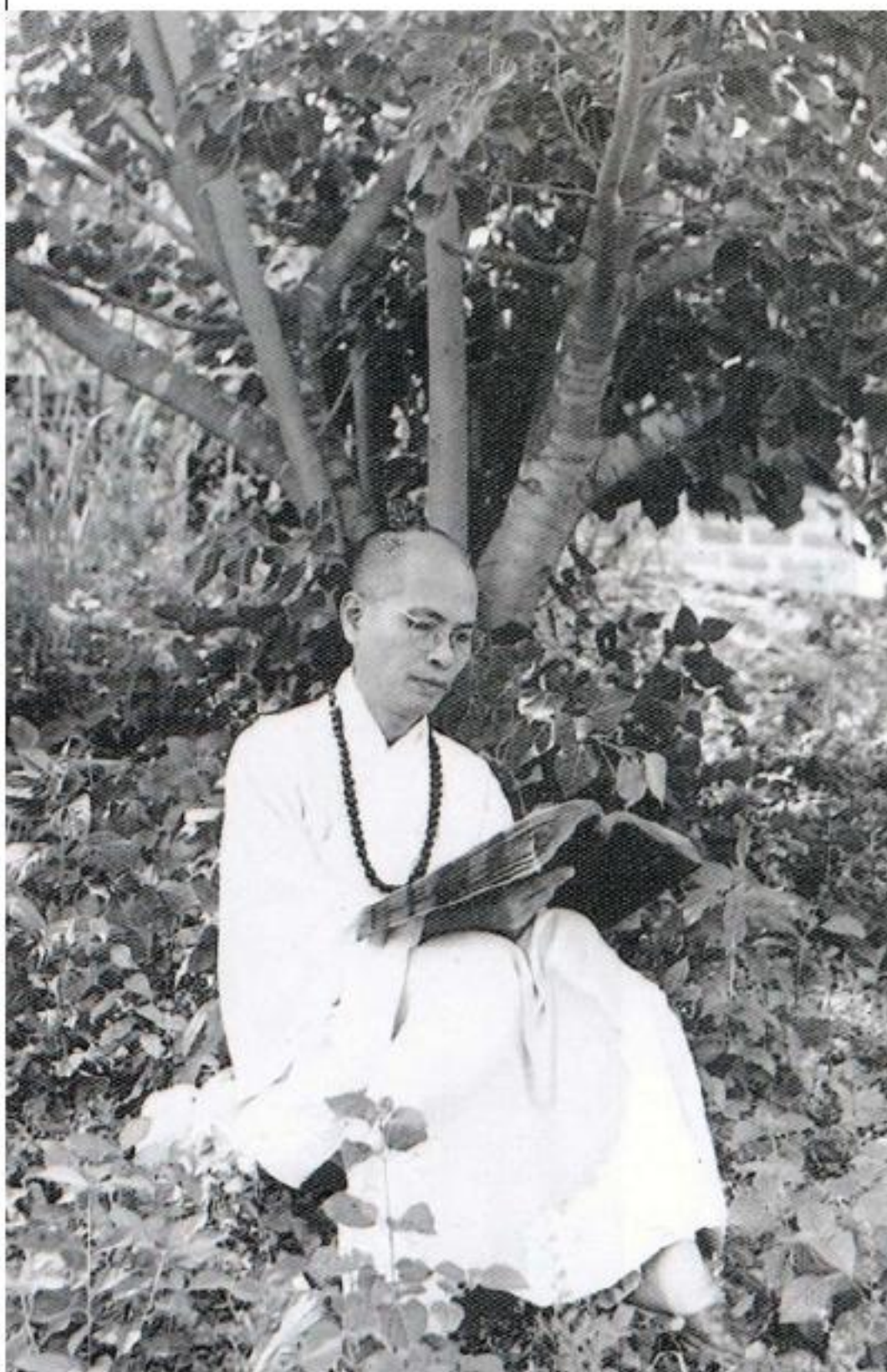
Nếu nhìn vào mức độ quan tâm của báo chí dư luận lúc thông tin vừa bị lộ ra, cứ ngỡ như ông nguyên tổng thanh tra chính phủ sẽ bị Ban Nội Chính Trung Ương cho điều tra ngay, từ khối tài sản đáng ngờ đến việc ông này ký bố nhiệm hàng chục người một cách bất thường trong thời gian ngắn trước khi về hưu...

tiếp theo trang 15

PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Theo tư liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

01.04.1984: HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ
BỊ BỨC TỬ



Di ảnh Cố HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ

Trong khi công an bao vây chùa Già Lam để bắt giam các vị học giả lỗi lạc của Phật giáo, Hòa thượng Thích Trí Thủ bị giữ lại ở Ty Công An thành phố. Chính quyền kết tội Hòa thượng đã mượn danh nghĩa Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Giáo Hội Nhà Nước) để bao che cho các vị học giả Phật giáo âm thầm hoạt động chống lại chính quyền. Sự việc giam giữ lâu một vị Hòa thượng cao đức và vô cùng uy tín sẽ đưa đến biến động lớn trong nước, chính quyền thả ngài về chùa Già Lam, nhưng mỗi ngày đều bắt ngài phải đến thăm tra tại Ty Công An thành phố. Trong vòng ba ngày liên tục, Hòa thượng bị căng thẳng tinh thần, đổ bệnh, phải nằm dưỡng. Các bác sĩ Phật tử thân tín tận tâm điều trị cho Hòa thượng ngay tại chùa Già Lam nhưng công an nơi có Hòa thượng là nhân vật có chức quyền đang làm việc với Giáo hội Nhà nước nên Nhà nước có trách nhiệm phải trực tiếp chăm sóc ngài. Viện có ấy, Nhà nước cho đưa Hòa thượng vào bệnh viện Thống Nhất (bệnh viện Vi Dân cũ.) Ở bệnh viện vài ngày, bệnh tình Hòa thượng hơi thuyên giảm thì ông dung bị đứt mạch máu não sau khi vài nhân viên y tế vào tái khám cho ngài. Hòa thượng viên tịch trên giường bệnh vào ngày 01.04.1984.

Trong vòng chưa đầy một tháng sau, Hòa thượng Thanh Trí, Chánh Đại Diện Miền Vàm Hạnh GHPGVNTN, cánh tay mặt của Hòa thượng Thích Trí Thủ, cũng viên tịch một cách bất ngờ và mờ ám tại bệnh viện Huế với một căn bệnh tương tự. (Còn tiếp)

"Vào những ngày cuối đời, Hòa thượng càng lưu tâm tha thiết với sự mệnh giáo dục tăng ni. Khi lâm đến tôi được thả ra khỏi trại giam, chưa trở về chùa ngay; Hòa thượng gọi tôi đến dạy: Một ngày không thể thiếu mặt trời. Tăng chúng cũng không thể một ngày thiếu tu, thiếu học. Và do vậy lớp học tại chùa Già Lam được Hòa thượng vun mang rộng rãi bốn năm. Thời giam không dãi dãi, nhưng một thời thu thược, và chịu đựng, thời giam đo không phải ngắn." - TUỆ SỸ



SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM

NGÔ NHÂN DỤNG

trích chương 25, ĐỪNG VÙNG
NGÀN NĂM, Người Việt nam thân
tại Hoa Kỳ, 2013

Truyền thuyết kể rằng sau khi thắng Hai Bà Trưng năm 43, Mã Viện đã dựng một cột đồng đánh dấu chiến công của mình. Khi nước ta độc lập rồi, có ông vua bên Tàu muốn sách nhiễu còn cho người sang đi tìm cột đồng Mã Viện. Cột đồng không biết có thật hay không. Nhưng trong sách sử còn ghi một hành động đặc biệt khác của Mã Viện.

Sách Thái Bình Quảng Ký kể trước khi rút quân về nước, Mã Viện đã cho một số binh lính của ông ta lưu lại, định cư tại trong vùng sông Gianh bấy giờ. Nhưng người này vẫn tiếp tục nói tiếng Hoa với nhau, đều lấy họ Mã, dân Giao Châu

gọi họ là "Mã Lưu" tức là dân lưu ngụ họ Mã.

Nhưng sách sử Việt Nam đời sau không thấy người họ Mã nào đóng một vai quan trọng trong vùng này. Tại sao như vậy? Có thể vì nhóm người này rất nhỏ, hiện tượng Mã Lưu được người viết Thái Bình Quảng Ký chú ý chỉ vì muốn đề cao công trạng Mã Viện. Chắc họ không quay trở về Trung Quốc; bởi vì thời đó giao thông cách trở, một khi tình nguyện lưu lại thì chắc họ đã quyết định cư. Sách Thái Bình Quảng Ký viết các người lính ở lại là do mệnh lệnh của Mã Viện; nhưng thực tế có thể khác. Nhiều người lính viên chinh chỉ cướp của cải

đem về, cũng có người phiêu lưu muốn tìm nơi đất mới để lập nghiệp. Những người vốn là tù nhân được xung vào lính càng có lý do tình nguyện hoặc đào ngũ để ở lại, khỏi phải về quê cũ. Con cháu những người họ Mã trong những thế kỷ sau chắc đã đổi sang họ khác. Nhưng tại sao lại đổi họ?

Có thể đoán rằng các người lính của Mã Viện lập gia đình với phụ nữ địa phương, sống lẫn với dân bản xứ. Sau nhiều đời thông hôn, con cái sống cùng họ hàng nhà mẹ, tập theo phong tục người Việt vẫn chiếm đa số, dần dần biến thành người Việt. Con cái chắc chỉ nói theo tiếng "mẹ đẻ" và theo họ mẹ.

Họ cũng không có lựa chọn nào khác, nếu người địa phương vẫn còn giữ những tục lệ thời mẫu hệ. Sau đời Mã Viện vài trăm năm mà vẫn còn nhiều ông quan Tàu báo cáo rằng có dân Cửu Chân không biết họ của cha mình là gì, nên các quan phải dạy họ tập tục mới! Tức là vào thời đó con không theo họ bố cũng là bình thường.

Chắc họ vui vẻ nói tiếng Việt; vì đám lính họ Mã này có thể xuất thân từ nhiều tỉnh trong nước Tàu; nói các thổ ngữ khác nhau. Hiện tượng người Hoa di dân đến nước ta trong thời Bắc thuộc dần dần trở thành người địa phương, là một đề tài



Ảnh: Bk - MINH HOYEN NGUYEN

it được chủ ý, không được coi như một đề mục riêng đáng nghiên cứu. Nhiều người Hoa được Việt hóa đã đóng góp vào quá trình gây dựng và nuôi dưỡng ý thức tự chủ; cũng như tham gia cuộc tranh đấu lâu dài của dân Việt tiến dần tới nền độc lập. Sử gia Trần Gia Phụng nhận xét: "...người Hoa di cư đến có Việt đã được Việt hóa, nói tiếng Việt và theo tập quán của người Việt, chứ người Việt không bị đồng hóa theo văn hóa Trung Hoa;" (Việt sử Đại cương, tập 1). Vì hội nhập với dân Việt, tự coi mình cũng thuộc hạng dân bị trị, cho nên các di dân gốc Hoa cũng sẵn sàng cùng người Việt chống các quan đồ hộ.

Di dân bất phục tùng
Trong thế kỷ đầu tiên theo công nguyên, đã có nhiều di dân người Hoa tới miền Bắc nước ta, như các cuộc kiểm tra nhân khẩu và hộ khẩu vào các năm 2 và 140 cho thấy tỷ lệ gia tăng cao hơn một chút so với mức sinh sản bình thường. Tuy số di dân đến Giao Châu không nhiều bằng tới vùng Quảng Châu, nhưng có thể đoán phần lớn những người lính đến đồn trú ở nước ta lâu ngày thì sẽ ở lại định cư. Nhiều người là những tù nhân bị lưu

xung vào lính, hoặc những người mang máu phiêu lưu. Những người Hoa đi lính sang nước ta, hoặc đi tị nạn vì triều đại thay đổi, hay bị lưu đày, chắc tất cả đều độc thân. Họ phải lập gia đình với phụ nữ Việt; chính họ hoặc con cái dần dần trở thành người Việt. Những người này có thể trở thành địa chủ hay phủ thương khi mãn nhiệm, họ thuộc tầng lớp khá giả trong xã hội. Khi đã nhập vào đời sống thường dân thì những người này, và con cái họ, tự nhiên thấy quyền lợi kinh tế của mình đi đôi với người bản xứ hơn là với các quan lại người Hán.

Quận Giao Chỉ trong vùng sông Hồng là nơi tập trung bộ máy quan lại, quân đội và các di dân, cho nên ảnh hưởng Hán hóa mạnh hơn hai quận phía Nam. Số người Hán di dân sang Giao Chỉ đông hơn, còn ở Cửu Chân (Thanh Nghệ Tĩnh) và Nhật Nam (Quảng Bình và Quảng Trị trở vào) thưa thớt hơn. Những người Mã Lưu đã chìm vào trong biển người Việt vì họ rất ít người so với dân cư bản địa.

Keith Taylor, trong *The Birth of Vietnam*, đã bàn về tỷ lệ tăng dân số ở Cửu Chân và Nhật Nam qua hai

cuộc kiểm tra nhân khẩu vào năm 2 và năm 140 (Mã Viện sang đánh nước ta vào năm 40, giữa hai lần kiểm kê này). Ông thấy sau gần một thế kỷ ruổi dân số hai quận này chỉ tăng thêm từ một phần tư đến một nửa, trung bình 31%. Đó là tỷ lệ gia tăng dân số trong điều kiện bình thường, tức là số di dân mới đến không đáng kể so với người địa phương. Sau một cuộc nổi dậy, triều đình còn ra lệnh quan thái thú phải đưa các di dân từ Nhật Nam về Giao Chỉ khiến số người gốc Hoa ở phía Nam càng ít hơn so với dân địa phương.

Ở quận Nhật Nam số người Hán vào thời đó nếu có thì phần lớn gốc binh dân ở nước họ chứ không thuộc các đẳng cấp cao, họ dễ sống hòa mình với người bản xứ hơn. Có những chứng cứ khảo cổ học cho thấy số người Hoa vào đến vùng trong rất ít, đa số thuộc giới binh dân.

Một số mộ bằng gạch theo kiểu đời Hán được khai quật ở vùng phía Bắc sông Gianh, vào sâu hơn phía Nam của quận Nhật Nam thì không thấy nữa. Từ đó có thể suy ra số người gốc Hoa tại họ thuộc thành phần xã hội thấp bên Trung

Quốc. Vốn gốc từ giới binh dân cho nên không ai xây mộ lớn, với các đồ "tùy táng" chôn theo như tập tục của các nhà hào phú đời Hán ở Trung Quốc. Còn các quan lại thì chắc đã trở về quê trước khi giã, không chôn ở đất khách quê người.

Nhưng suy diễn như vậy tức là cũng giả thiết rằng những di dân người Hoa khi tới sống ở vùng phía Nam sông Gianh vẫn còn muốn giữ các phong tục của người Hán ở bên Trung Quốc. Chúng ta cũng có thể nghĩ cách khác, rằng chính các di dân từ miền Hoa Nam muốn định cư ở nước ta không phải gốc người Hán, mà cũng chưa bị Hán hóa. Cho nên dù đi theo quân nhà Hán sang tới Cửu Chân, Nhật Nam, họ vẫn giữ những phong tục cũ của các sắc dân phía Nam Trường Giang. Phong tục đó vẫn chưa thay đổi hết, dù sau nhiều thế kỷ Hán hóa. Gần ngàn năm sau, Chu Hi đời Tống vẫn còn không hài lòng khi thấy phụ nữ ở Phúc Kiến "tự do" quá. Vào cuối thế kỷ 12, khi ông tổ các vua nhà Trần từ Phúc Kiến di cư sang nước ta, lúc đó người làm nghề biển Phúc Kiến vẫn còn về mình. Như vậy thì nhiều người Hoa sang sống

MỘT THỜI TRUYỀN LUẬT

TUỆ SỸ

Ngày nay chúng ta đã quen với các từ tỹ kheo, đặt đầu danh hiệu nhiều vị xuất gia: Tỹ kheo Thích như vậy như vậy. Nhưng cách đây chừng nửa thế kỷ, việc ký danh ký hiệu như vậy thật là hiếm thấy. Các vị trưởng lão thời trước như Hòa thượng Thiện Hoa mà trước tác của Ngài còn lưu lại rất nhiều, trong đó chỉ thấy thường ghi "Sa môn Thích Thiện Hoa", chứ không ghi "Tỹ kheo Thích Thiện Hoa" như trong các Thông bạch của các Trưởng lão hiện tại. Điều này tất có lý do lịch sử. Thứ nhất, đó là do thói quen thâm thượng tôn giáo luật. Danh hiệu tỹ kheo, với

đầy đủ phẩm chất như được quy định trong luật, cả đến nhiều vị thiền sư nổi tiếng cũng không dám tự nhận. Như luật Trùng Tri Tỹ Ni Sự Nghĩa Tập Yếu của ngài Tri Húc đời Minh có kể chuyện: Có người hỏi Thiền sư Thọ Xương, "Phật chế tỹ kheo không được quật đạp tổn thượng thảo mộc. Nay sao các ngài tự cấy bừa, tự gieo trồng, tự gặt hái?" Đáp: "Bọn chúng tôi chỉ cốt ngộ được tâm Phật, kham truyền ý Tổ, chỉ thị đường cò, khiến cho biết rõ tâm tính, thế thôi. Nếu quy cách theo Chánh pháp, thì chỉ có xưng là "Cư sĩ cạo tóc" mà thôi. Đâu dám xưng danh mình là tỹ kheo!"

Trả lời của Thiền sư Thọ Xương thật ngụ nhiều ý nghĩa. Nhưng ở đây chúng ta không luận bàn chi tiết. Chỉ cốt nêu lên để thấy rằng, ngay từ xưa, tại Trung Quốc, phẩm lớn các Thiền sư không thọ giới tỹ kheo như ngày nay chúng ta tưởng. Thêm nữa, xã hội Trung Hoa có xu hướng tôn trọng ẩn sĩ. Nhiều người lánh đời ẩn dật, mà đư hạnh cao khiết, nhiều đời sau, thậm chí cả đến vua chúa cũng phải kính trọng. Cho nên, người xuất gia chỉ cốt ở phẩm hạnh cao khiết hơn đời. Thọ giới chỉ là hình thức. Như được thấy trong câu trả lời của Thiền sư Thọ Xương.

Thêm nữa, ngày nay chúng ta cũng quen với lối viết tiểu sử của những vị xuất gia, trong đó lúc nào cũng thấy ghi năm xuất gia và thọ đại giới. Điều này cũng ít thấy trong các sử truyện, nhất là sử Thiền tại Trung Quốc. Ngay như sử thiền nước ta, Thuyền Uyên Tập Anh chép truyện các Thiền sư cũng ít khi nói các ngài thọ giới lúc nào, hay ở đâu. Theo tập quán như vậy, nên khi chép truyện ngài Pháp Thuận, Hòa thượng Thanh Từ viết: "Sư họ Đỗ, không rõ quê quán ở đâu, xuất gia từ thuở bé, thọ giới với Thiền sư Long Thọ Phú Tri.." Thực ra, đoạn này Tập Anh chỉ nói: "Nhỏ đã xuất gia, thọ thiền sư

Phú Tri chùa Long Thọ làm thầy." Theo thấy lúc còn nhỏ, thì lúc ấy không thể thọ đại giới được.

Thế cho nên, không nên vội vàng mà kết luận "Cụ Nguyễn Du không biết gì về đạo Phật", lý do là nói xuất gia mà chỉ thọ năm giới. Thật sự năng Kiếu chưa phải xuất, chỉ bị cách ly khỏi Kim Trọng, nên Hoàn Thư mượn tiếng nấu sòng khoát lên cho năng để mình khỏi bị mang tiếng ghen. Chẳng có ai làm thầy, trong cái Quan Âm các nhà họ Hoàn, làm gì có Thầy truyền giới? Chúng ta không nên tự hào là mình biết rõ thời đại của Cụ Nguyễn Du hơn Nguyễn Du, trong

tiếp theo trang 1

NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

nhỏ sinh Đoàn Như Hài sửa thực lục, đốt bỏ bản cũ hẳn là đã làm đúng chức phận của tầng lớp mình. Có thể chức lại cho hợp với đời mới thì bấy tôi của vua, "quốc thần" cũng vẫn bị Lê Thánh Tông mắng sà sà như thường.

Cái luy vì làm kẻ đi sau, có khuôn mẫu để ngưỡng mộ đã khiến cho sử Việt có dấu vết được chép qua những hình ảnh xuất hiện ở phương Bắc trước đó. Ví dụ chuyện giữa Đinh-Ngô với vai trò trung gian Đinh Liễn có dáng của Lưu Bang, Hạng Vũ, chuyện Trần Thánh Tông đốt bỏ hòm sắc đầu hàng đã thấy ở Tam Quốc chi diễn nghĩa. Hoàng hậu Trần che cho chồng tránh con báo sống chuồng như chuyện trên một họa đồ cũ của Hán. Và điều này thì không phải là chuyện thóc mách của người đời nay; Nguyễn Nghiễm đã từng thốt

mắc chuyện Lê Hoàn cướp ngôi Đinh quá giống mìn Bình biến Trần Kiếu của Triệu Khuông Dã... Có thể coi những ghi chép này chỉ là kết quả vài trường hợp cụ thể của đường nét tiến triển chung học được về quan niệm thịnh suy của triều đại, như khi Ngô Sĩ Liên mượn nói về sự suy sụp đời thượng cổ, "chỉ vì vua Hùng say sưa, bỏ việc nước"! Cái "nước" đó cũng có khuôn mẫu là một hệ thống cai trị chuẩn mực quyền hành sâu sát từ trung ương đến địa phương, đầy tự tin cho sử thm!

Tại họa này ra cho tình trạng quá khứ Việt xuất hiện không đúng với sự thật, có phần cũng chỉ vì sử được viết bằng chữ nước ngoài, một điều kiện bất khả kháng của tiến triển dòng tộc cai trị trong suốt thời gian dài. Bỏ cáo của triều đình phải có người "dịch" ra cho dân chúng hiểu. Ngoài

ngữ Hán đã khiến sử quan không đủ chữ để diễn tả các sự vật, sự việc chung quanh, nhất là khi tầng lớp cai trị trên cao còn có sinh hoạt gần với dân chúng, như trong thời gian của những thế kỉ đầu độc lập. Con khi đã chen được vào các sinh hoạt của khuôn mẫu thì sự ghi chép lại trở nên nhảm chán vì quen thuộc như chúng đắm ở giai đoạn Lê Trung hưng trong Toàn thư. Người học, học xong đã đuối thì thấy gì tương tự để chép ngay làm của mình cho khỏe. Một khuôn mẫu có sẵn phát triển trên một vùng đất chật hẹp không tạo ra nhiều tình huống phức tạp cũng là nguyên nhân khiến cho phẩm sử cổ, trung đại Việt Nam bị bó gọn trong một khuôn, gom lại có tên rút gọn ngày nay là Toàn thư, được coi như là bằng có chắc nịch của quá khứ, chỉ để noi theo, kẻ khác thêm bớt, tán rộng chứ không phải là những chứng cứ để chịu đựng sự tra xét nghiêm ngặt khi muốn tìm hiểu quá khứ như đối với bất cứ tài liệu nào có dưới tay sử gia. Thái độ đó đã thấy ở người xưa, với Ngô Thì Sĩ trong Đại Việt sử kí tiền biên, và, thật tội nghiệp, như vắn

thấy hầu hết ở "công trình sử học" của các danh gia lớn nhỏ bấy giờ. Quyển thông sử cương mục của nhà Nguyễn chỉ nói bật ở phẩm chủ đề địa lí, tuy mượn mềng nhưng cũng là mang lại thành công đáng kể ở khía cạnh mới. Lối lặp lại, ghi chép qua loa không phải ở sử quan Nguyễn bởi vì phẩm lớn họ cũng xuất thân từ đất của các vương triều Lê, Trần, Lê, nơi cũng chỉ để lại trong quá khứ chừng ấy chuyện, không biết phải tìm thêm ở đâu khác, bởi vì những người đồng sự bậc tiền bối của họ không chịu khó làm việc chữ nghĩa ngoài phạm sự "dân chi phụ mẫu" trên trước. Một số ít công trình lược lược đầu đó về những sắc màu biến chuyển của những thành phẩm bên ngoài nơi chốn cung đình, hay cả những sự kiện nằm trong triều đình, hình như đã không đủ mức độ uy tín khiến cho các sử quan khi sử dụng chúng phải dón vào trong hình thức chúng từ mơ hồ "dã sử", rõ ràng là mang tính coi nhẹ ngay từ khởi đầu. Cái khuôn khổ chật hẹp được định hình rồi lại đã gây khó khăn cho các ý thức cởi mở khi đất nước lớn rộng, chưa

chấp các đối tượng mang nhiều màu sắc phức tạp, khó nắm bắt.

Tính chất "độc quyền" lưu giữ quá khứ của quyền Toàn thư có nguyên nhân bởi chính thế chế đã tạo ra nó, lại vẫn chưa đựng những yếu tố lâu dài chực chờ yếm trợ hay biện minh cho những diễn biến tiếp nối. Quan niệm về lịch sử duy trung tâm có thể xuất hiện bất cứ ở đâu có một chính quyền mạnh nhưng ở vùng Á Đông thì đã có tên riêng khởi đầu trong vùng châu thổ Hoàng Hà với một Trung Quốc văn minh, bao quanh bằng một lũ Di Man phải được nâng cấp cho theo kịp vùng trung tâm, tất cả theo một tiến trình mang tên là Vương hoá. Rồi đi theo với sự lan truyền trong thời gian, trên đất cụ thuộc địa của đế quốc Hán, Đường trở nên độc lập, lại có thêm một khuôn mẫu Trung Quốc tự xưng khác mang những tên An Nam, Đại Việt, cũng coi những tập đoàn chung quanh là Di Man với các tên riêng biệt của họ: Nùng, Thố... Lâm Ấp, Chiêm Thành, Chăm Lạp, Cao Miên (Khmer). Quan niệm về trung tâm ưu việt và tính chính

thời đó, Phật Giáo được hành như thế nào, Tăng đồ sinh hoạt như thế nào. Đem sinh hoạt người xuất gia thời ta mà gán cho thời đại Nguyên Du, chẳng khác nào tự nhiên cho ngài Pháp Loa hay Huyền Quang khi xuất gia theo Trúc Lâm Đại Đầu Đà thì cũng học Ti Ni Nhật Dụng Thiết Yếu, như các chủ tiêu ngày nay tại các chùa Báo Quốc hay Từ Hiếu!

Nguyên Du cho Kiều tự xuống tóc, tự xuất gia, cho thọ tam quy ngũ giới mà chẳng có thấy Tăng truyền; vấn đề như vậy cần phải được nghiên cứu cẩn thận, vì liên hệ đến sinh hoạt Tăng gia và cư sĩ thời Nguyên Du. Chúng ta cũng biết rằng trước đó Ngô Thời Nhiệm và một bộ phận lớn các đại thần của vua Quang Trung cũng theo Ngô Thời Nhiệm làm sư, mà không nói gì đến thọ sa-di hay tỳ kheo. Ngô Thời Nhiệm nhận là Tổ thứ tư của Thiền phái Trúc Lâm.

Cho nên, hình ảnh Phật Giáo mà ta thấy hôm nay, với trật tự tăng gia, tổ chức sinh hoạt tu tập cho các Phật tử, không phải tự nhiên một sớm một chiều, cũng không phải được truyền thừa

ý như vậy, liên tục từ đời nọ sang đời kia cho đến ngày nay.

Có một giai đoạn vận động phục hưng Phật Giáo, trong đó thật sự đã trải qua không biết bao nhiêu khó nhọc, thậm chí không chỉ nước mất mà cả máu cũng phải đổ. Đọc quyển Năm Mươi Năm Chấn Hưng Phật Giáo của Cố Trưởng Lão Thích Thiện Hoa, nguyên Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, để thấy rõ những đoạn đường gian khổ mà các bậc Tôn Túc trong Tăng gia, cùng với các Cư sĩ, các vị đã trải qua như thế nào.

Trong số những bậc Tôn Túc ấy, hiển hiện hình bóng của Trưởng Lão Thích Trí Thủ, cùng với các vị khác nữa, như Thừa Thiên Huế có Ngài Đôn Hậu, chùa Linh Mục; ngoài Bắc có Sư Cụ Bình Minh, trong Nam có Trưởng lão Thiện Hòa, Trưởng lão Hành Trụ; những vị đã dày công bồi dưỡng, hoằng truyền Luật Tạng.

Học, nghiên cứu Luật, hành trì Luật, và hoằng truyền Luật, thật không đơn giản, không dễ dàng. Tất

nhiên cái học và cái hành nào cũng có chỗ khó; với Luật, cũng có những khó khăn riêng. Trước hết, Phật Giáo khởi nguyên từ Ấn độ. Tăng gia và các quy tắc sinh hoạt của Tăng gia tất cũng chịu ảnh hưởng của phong tục tập quán, và cả đến tín ngưỡng đặc thù, của xã hội và dân tộc, chúng tộc khác nhau tại Ấn Độ. Một điều như "khẩn thố quyết địa", trong tín ngưỡng nhâm gian của Ấn độ thời cổ, tại địa phương mà điều luật ấy được chấp hành, điều này được hiểu rất đơn giản. Cao hơn nữa, ngày nay người ta có thể hiểu nó qua ảnh hưởng sinh thái học. Nhưng đối với truyền thống Trung Quốc Trung Quốc thì điều đó hơi khó hiểu, và cũng khó thực hành. Hàm Dũ, khi đề nghị dẹp bỏ Phật Giáo, trong đó có lý do nói đến cộng đồng tăng lữ, là "bọn không cấy mà có cơm ăn; không dệt mà có áo bận". Cộng đồng ấy chỉ là bọn ăn bám, gây hại cho xã hội. Thành ra, chấm ngồn sống thiền của ngài Bách Trượng "nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực" có một giá trị xã hội rất lớn đối với Phật Giáo tại Trung Quốc; nhưng tại

các nước nam phương như Thái Lan hay Tích Lan, chấm ngồn đồ không áp dụng cho tăng lữ được, vì nó trái với tinh thần của Luật Phật chế. Nhưng Trung Quốc lại là một xã hội thượng tôn pháp luật, có xu hướng thủ cựu. Danh từ "pháp của Tiên vương" thường thấy được nhắc nhở rất nhiều trong sử, khi các triều thần muốn can gián vua chưa một điều gì. Với tinh thần đó, thì những gì được xem là Phật chế, được truyền từ Ấn độ sang, không ai được phép sửa đổi. Người ta thấy Tổ Bách Trượng chỉ dám viết Bách trượng thanh quy, đề nghị những quy tắc sinh hoạt cho thiền môn thích hợp với xã hội Trung Quốc, chứ ngài không hề dám sửa một điều gì trong Luật được truyền là do Phật chế, truyền từ Ấn độ sang. Những gì không thực hành được, các ngài tự cho là vì "khứ Thánh thời điều, Phật pháp sinh sơ, nhâm địa giải đãi..." Vì thế không hành nói. Nhưng vì phương tiện độ sinh, có thể hạ thấp xuống cho hợp căn cơ thời đại. Như vậy có nghĩa là hành trì từ thấp lên cao, chứ không phải kéo giới luật Phật chế xuống ngang tầm thời

đại, cho hợp khẩu vị thời đại.

Thừa trước, có một vị Thiền sư nhận thấy những điều trong giới bốn tỳ kheo không còn thích hợp bên sườn đời. Thiền sư hỏi ý kiến học trò của mình, như để thăm dò căn cơ thời đại cho thích hợp. Nhưng gặp phải người học trò thủ cựu, hỏi lại Thấy: "Giới luật Phật chế, sao Thấy dám tự tiện sửa?" Thấy đáp: "Không giữ được, thì nên sửa. Chứ để như vậy mà làm gì?" Người học trò tỏ thái độ: "Thấy giữ không được thì mặc kệ Thấy. Ai giữ được, để người ta giữ. Sao Thấy lại tự tiện sửa?"

Cả hai tinh thần, vừa thượng tôn pháp luật, vừa thủ cựu tuân theo cựu chế của tiền nhân, cả hai khiến cho vấn đề nghiên cứu luật tại Trung Quốc rất phức tạp. Ngày nay, sự hành trì luật của nước ta cũng chỉ phỏng theo các tông truyền luật của Trung Quốc, nên khó khăn lại càng gấp bội. Thế nhưng, như một xã hội tồn tại được ổn định do bởi luật pháp trong sáng, được giới thích chính xác, và được áp dụng hợp

tiếp theo trang 22



Ảnh: LÊ VĂN BƯNG

nghĩa của quyền lực nằm ở trung tâm ấy đã khiến xảy ra những cuộc tàn phá, huỷ hoại chủng tộc của những tập đoàn yếu thế, cùng chúng tộc hay không, như Việt đối với Chiêm Thành, Trịnh Lê đối với Mạc, Nguyễn Gia Miêu đối với Tây Sơn. Quan niệm trung tâm ưu việt đó vẫn thấy tiếp nối đến ngày nay với những huênh hoang dù có lúc ngưng

ngừng; Ta là Nhất, là Riêng Biệt.

Sử sách Việt được viết tiếp nối theo quan niệm ủng hộ đồ với các dân tộc lân bang, cũng lại tiếp tục được đem dùng với cả những người ở xa, với bọn Dương Di "mất danh như của những xác chết trôi", bị ghê tởm dù đã đi trên những tàu chiến áp đảo. Thực tế tương quan quyền

lực dễ dàng làm thay đổi cách đối phó với nhóm người này nhưng sự tiếp xúc với thế giới to rộng cũng gây một chút điều chỉnh lòng tự ái với nhóm người cũ. Vào thời cổ động một thế giới đại đồng, chống đối thực dân xâm lược, quyền sử của VNDCCH, ngoài những nguyên nhân khác, đã né tránh đến việc phát triển phẩm đất phía nam trên chủ

quyền của dân tộc Chiêm Thành. Công cuộc kinh dinh của một chúa Nguyễn bị thù ghét, đem lại một nửa diện tích cho đất nước ngày nay lại chỉ được trình bày trong vài chục trang ngắn ngủi. Và khi sửa lại sách của Trần Trọng Kim, tái bản năm 1999, người ta không nệ vấn đề tác quyền, đã bỏ cả vài mục "nhọy cảm" trong quyền sách.

Nhưng những điều chỉnh lật vạt đó không ngăn chặn được vai trò to lớn của quyền Toàn thư vì sự độc quyền chép sử khu vực khá liên tục lâu dài trên phần đông bán đảo Đông Dương. Nó được khai thác theo với sự thành lập nước Việt Nam độc lập mới, không những mang những kiến giới huênh hoang khá lạ lùng mà còn đang được



Ảnh: Ảnh: NHA TRANG QUÊ TÔI

tếp theo trang 2

NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

sử dụng theo hướng
thành lập một nền
Quốc giáo, cho là dựa
trên các sử liệu chắc
nịch cũ để đảm bảo
cho một chủ nghĩa dân
tộc thẩm thuyết dần
vào tương lai.

SỰ ĐỨT ĐOẠN CỦA, MỚI

Những ràng buộc cụ
thể hay vô hình, khác
ngiệt hay loi lỏi
tưởng có thể mất đi
với sự sụp đổ của triều
Nguyễn, triều đại gắn
liền với một truyền
thống viết sử mang
nhiều hệ lụy vật chất,
tinh thần mà người viết
sử phương Đông phải
gánh chịu qua nhiều
ngàn năm. Bởi vì người

Pháp xâm lăng Việt
Nam không phải chỉ
tước quyền một triều
đại mà còn đem lại
một vũ trụ quan, một
nhân sinh quan mới
trong đó có chỉ ra cách
nhìn, cách viết về quá
khứ theo đường lối
phát triển của họ.

Nói đúng ra, ngay cả
khi mất quyền cai trị
đất nước, triều Nguyễn
vẫn còn giữ được một
dáng hình phụ trợ cầm
thiết với hệ thống vua
quan, cả đến tận chức
quyền xóm làng để
có thể lưu giữ những
co quan vô hại như
Quốc sử quán, được
tiếp tục làm công việc
trong thẩm lạng của
minh. Các sách địa

chỉ lịch sử để xuống
từ đầu đời, viết về thời
gian còn chủ quyền,
mới đến gần cuối thế
kì XIX, đầu thế kỉ XX
mới thấy đem ra in ấn
chính thức, mà theo lối
cũ, nghĩa là bằng bàn
văn chữ Hán, in mộc
bản. Trong giai đoạn
mất quyền thực sự của
các đời cuối, vua quan
gần như hết chuyện
làm, đã cố vót vát ghi
thực lục trong vài mươi
trang bản thảo lưu lạc
chìm lấp, chỉ mới trở
lại in, dịch trong thế kỉ
XXI.

Dòng sử kí âm thầm,
nuối tiếc ghi chép với
một chút âm ục đối
với người cai trị mới
đó, rõ ràng không đủ
biểu hiện những biến
chuyển đã xảy ra trên
toàn đất nước trong
cùng thời gian. Người
Pháp đã đem lại một
quan niệm mới về cách
nhìn quá khứ của dân
chúng trên phần đất
họ chiếm được, ghi
chép từ những sự việc

vừa xảy ra, mới xảy
ra cho đến việc tìm tòi
đi sâu vào những mù
mò, tối tăm của lịch sử;
đầu tiên là họ tự làm,
nơi thường được gọi
là Trường Viễn Đông
Bắc Cổ đặt ở Hà Nội,
và hội đoàn Les Amis
du Vieux Hue nằm ở
xứ Huế, hội Khảo Cổ
Đông Dương ở Sài
Gòn. Người cai trị lo
giữ gìn sự trị an, ép
buộc dân chúng thuộc
địa chuyển đổi theo
cách cắt đứt quá khứ,
bỏ chữ Hán thay bằng
"quốc ngữ", xây dựng
co sở hạ tầng, thiết lập
các thể chế xây dựng
kinh tế, cai trị theo thời
mới, từng bước chuyển
đổi giáo dục... khiến
dân Việt dù muốn hay
không cũng phải đi
vào sinh hoạt toàn
cầu, đứt khoát không
cò đường trở về lối
cũ. Người Pháp chưa
phải quan tâm tới việc
đào tạo một thế hệ sử
quan mới, sử quan
khoa học nhưng chính
những thay đổi mang

tính "cách mạng" (đối
đời) của chế độ thuộc
địa cũng mang lại một
lớp người nhiều sắc
màu, có lúc nhìn về
quá khứ dân tộc, đất
nước theo cách phản
kháng nhưng vẫn
khuyết lấp chấp nhận
những âm huệ từ cung
cách thay đổi đất nước
của những người cầm
quyền thực dân.

Cũng có thể kể trường
hợp riêng biệt về
Trương Vĩnh Kỳ như
một sử gia Việt (tự do)
đầu tiên nằm trong
giai thời nhưng với
những ồn ào tranh
chấp nghiêng nhiều
về tính chất chính trị,
kèm cặp với thành
phần tôn giáo của
ông, khiến hình như
chưa ai có nhận định
kĩ xem quyền sử Việt
viết bằng tiếng Pháp
của ông đã mang tính
chất gì trong dòng sử
học chung. Theo kịp
với cái cách giáo dục
mới, nhà giáo Trần
Trọng Kim đã nhanh

lục bát HOÀI KHANH

Tiếng quê hương

Quê hương tôi ở chốn nào
Phải chăng Châu Âu buồn đau ngút ngàn
Mẹ hiền sớm chít khăn tang
Màu hương khói lạnh đông hoang, chiến trường
Núi cao lạnh suốt trời sương
Sông sâu ròn cội đọt trường nhân sinh
Tung niên kỷ vô trên mình
Cành đa vắn rụng mái đình hoang sơ
Một đời tôi mãi bơ vơ
Nhìn sông nước chảy và thơ ấu tàn
Nhìn trời mây trắng đi hoang
Nước ơi có vọng cùng non nôi gì
Quê hương từ dạo phân ly
Tung đêm... tiếng hát kinh kỳ mót mư.



Bấy nhiêu rồi nhĩ hỡi trần gian kia?

Ngược xuôi bao kẻ đi về
Tấm thân bẽ mọn bèn lế tốn vong
Chuyện đời có có không không
Phủ vắn một áng bụi hồng mư mư
Có sao thiên hạ người ta
Vấn chưa tròn một Quê-nhà-bao-dung?
Vấn chưa tỉnh giấc hãi hùng?
Trong con trường mộng vô cùng thời gian?

chống khai thác sử liệu cũ, mới tập hợp thành quyển *Ân Nam sử lược* (1918) nhưng có vẻ lạc loài trong tình hình kiến thức chung, chúng tôi là nó chỉ nổi bật trong quần chúng theo tên sửa lại Việt Nam sử lược đi theo với khuôn khổ chính trị mang tên Quốc gia Việt Nam của thời Hoàng đế Bảo Đại trở lại chính trường. Tất nhiên là tôi chưa nói đến những người được đào tạo chính danh về sau qua các trường Đại học mở ở Hà Nội hay dạy du học sinh tại Pháp, đã trực tiếp đào tạo Nguyễn Văn Huyên, Trần Văn Giáp... gián tiếp gây thành tựu cho một Hoàng Xuân Hãn. Nhưng một tinh thần khoa học mới thấm nhuần qua nền giáo dục cải cách cũng có tác động lên tầng lớp trí thức *Ân Nam* làm việc trong công quyền, chuyên môn hay không. Không những có một Nguyễn Văn Tố với vai trò trưởng ngành hành chính của Viện Đông Bắc Cổ, vượt được công việc giấy má chắc là công kênh nhậm chức, để tôi bày thêm khả năng sửa chữa vắn từ cho ông Viện trưởng mà còn thoát thân ra ngoài xã hội làm cây bút chính của tờ *Tạp chí Tri Tân*, nghiên

cứu sử Việt phần lớn còn rụt rè theo những văn bản, thư sử cũ. Cả những người đến Trường Viễn Đông Bác Cổ, thoáng qua so với thời gian lập nghiệp to lớn, như Phạm Quỳnh mà cũng thấy thâm nhập quan điểm mới để nghi ngờ rằng thời đại Hai Bà Trưng chắc không vĩ đại như hình ảnh "đầu voi phát ngọn cỏ vàng" đi tra thù chống, hùng dũng trong sử sách thơ ca hoà nhịp với những diễn tập ón ào hàng năm ở các hội làng. Nhưng tất cả những người ấy sẽ lại trở thành những nạn nhân của một thời mới không thành hình của một đường hướng lịch sử khác, bắt nguồn từ tinh thần bảo thủ truyền thống trong khu vực, mà lại lung lay, có sự đóng góp của những người cai trị thực dân đang muốn chuyển đổi truyền thống như đã thấy.

Khởiướng đầu tiên là thành phần ưu tú chống đối chế độ thuộc địa. Lúc nào cũng cần phải có người cầm đầu nên phong trào Cần vương xuất hiện trong thời gian xung đột mất chủ quyền đầu tiên. Trước sức mạnh không chối cãi được của súng đạn, người ta không tin vào thế

lực thế tục của chính mình nữa nên phải viện dẫn đến thần thánh. Ở cuối phần đất phương nam, thêm vào hình ảnh một ông Gia Long tấu quốc / phục quốc có một ông Minh vương được chờ đợi xuất thế, đôi khi dưới dạng ông Minh Mạng có chữ "minh"! Trên phần đồng bằng phía Bắc, người ta không cần đến dạng hình mơ hồ Minh vương, lại đang sẵn cảm ghét một Minh Mạng "cấm quần không đày", gọi đến một triều đình với người khai sáng chiếm đất vua cũ của họ mà tội lỗi "công răn cấm gả nhà" hiện hình ngay trong hiện tại với các thân dòng dõi: "Ai về điện phủ hỏi Gia Long, Khải Định thẳng này phải cháu ông?" (Ngô Đức Kế). Các nhà trí thức chống đối ở đây đã đi tìm đáng thiêng liêng ngay trong hình ảnh được ghi chép trên quyển sử độc nhất có thẩm quyền như đã nói. Và vua cũ đã mư đời, quá mờ mịt thì hình ảnh ông tổ đất nước, dân tộc càng đậm thêm nhiều thẩm thiết, ước ao.

Đã nói đến cái lối nhìn Toàn thư như hình tượng chân thật của quá khứ chứ không phải như một chùng

từ còn gây tranh luận, này thêm với tình cảm thúc đẩy, người ta đã coi chuyện Ngô Sĩ Liên đem kỉ Hồng Bàng vào phần mở đầu lịch sử nước như một xác nhận không phải bàn cãi, quên rằng ông sử quan cũng có lúc ngơ vạc, phân vân, thấy có quá đậm nên nhắc câu Di nghị truyền nghi, như bất cứ ông nho sĩ nào của thời đại ông, giống như đã bắt gặp luôn cả ở các ông sử quan Triều Tiên / Đại Hàn khi họ nói về khởi thủy của đất nước mình. Cũng có việc biện minh về sự kiện "truyền miệng" để Ngô Sĩ Liên làm có che chắn nhưng câu chuyện Hồng Bàng thì rõ là một thư tập hợp bất nháo, xáo trộn từ những quyển sách gốc Trung Quốc, có tác giả, chỉ về một khu vực chứng minh đáng gì đến lưu vực sông Hồng không dễ dàng di chuyển đến khi chưa có máy bay. Sách có căn cước sai lầm chỉ rõ được, không phải đợi đến một vài tác giả ngày nay bài bác để bị mắng chửi mà ngày xưa ông Ngô Thì Sĩ cũng thấy ra rồi! Nhưng không hề gì, còn có trong khu vực một cái đền của thủ lĩnh địa phương Tây Thái nào đó, nối kết tên Hùng Vương

lầm lộn Lạc Vương còn lưu vài dòng chữ của khoảng thế kỉ V, VI đủ để các nhà nho Việt thế kỉ XIV cho nổi cánh tay dài lên đến tận hồ Động Đình, để lập một phả hệ cho đất nước, với tâm ý có lẽ như một sự tự hào trong sự tranh đoạt vai trò Trung tâm / Trung Quốc. Nhưng chút ít như thế cũng là đủ cho các nhà nho, các người chống đối chế độ thuộc địa viện dẫn thành ưu thế tinh thần trong cuộc chiến đấu bất cân xứng, mà với đương thời của họ cho thấy toát ra một chút hụt hơi tuyệt vọng...

Sự cố gắng kêu gào đến quá khứ con Rồng cháu Tiên cũng đến tại người cầm quyền mới đế, với sự tinh ranh quen thuộc của nhà chính trị, họ đem ra khai thác lấy lợi về phẩm mình. Đã có cái quảng cáo Rồng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tộc trong Thế chiến I, nhắc mãi về sau thành chúng có tội lỗi tấy đình cho một con người nổi tiếng. Và thật đúng, những lời tuyên truyền vô về dân chúng như thế cũng mang lại hiệu quả là người Pháp đã giữ yên được thuộc địa Đông Dương có khoảng 15 triệu người Việt, với chỉ vài ngàn quân trấn

GẶP GỠ TRÊN FACEBOOK



NGUYỄN HƯNG QUỐC
Facebook

Cuối cùng, tôi cũng bị mắc lưới facebook.

Nói cuối cùng, vì đã năm bảy năm nay, tôi cố gắng khoanh tay đứng ở ngoài. Kinh nghiệm chỉ. Đọc báo, tôi biết không có mạng lưới truyền thông đại chúng nào phát triển nhanh như facebook. Chỉ ra đời mới có 10 năm, đến đầu năm nay, mỗi tháng đã có 1.23 tỉ người, tức một phần sáu dân số thế giới, sử dụng facebook. Riêng ở Mỹ, số người sử dụng facebook lên đến 71% tổng số người trưởng thành.

Ở Việt Nam, theo báo Nhân Dân vào đầu tháng 2 vừa rồi, có 19.6 triệu người sử dụng facebook, chiếm 74.1% số người dùng internet và 20% dân số cả nước.

Có thể nói, trong lịch sử nhân loại, chưa bao giờ có một phương tiện

truyền thông đại chúng nào lan rộng một cách nhanh chóng như vậy. Báo chí, dưới hình thức in, mất cả mấy trăm năm mới đến được, phần nào, những tầng lớp bình dân. Cả radio lẫn ti vi đều mất trên dưới nửa thế kỷ mới thực sự được đại chúng hóa, đặc biệt, ở các nước nghèo. Hơn nữa, cái gọi là mạng lưới ở tất cả các phương tiện truyền thông truyền thống ấy chỉ có ý nghĩa rất giới hạn, chủ yếu, giữa những người sản xuất. Quấn quanh, từ độc giả đến khán giả và thính giả, lúc nào cũng chỉ là những kẻ tiêu thụ thụ động và xa cách. Họ, dù đóng đảo đến mấy, vẫn đứng ngoài. Sự tương tác, nếu có, cũng thật hạn chế. Facebook thì khác. Nó đúng là một mạng lưới buộc mọi người lại với nhau. Ai cũng có quyền lên tiếng. Mọi người đều bình đẳng như nhau. Chỉ có một khác biệt

ở phạm vi: người được nghe nhiều, người được nghe ít. Vậy thôi.

Mà không cần đọc báo, chỉ cần lắng nghe bạn bè tán gẫu trong các buổi nhậu nhẹt, tôi cũng biết được là facebook phổ biến đến độ nào. Hầu như ai cũng vào facebook. Một số người ăn dặm ở đây trên facebook. Để tìm các câu chuyện của họ phần lớn châu tuần chung quanh facebook. Niềm vui và nỗi giận của họ nảy sinh từ facebook. Bạn bè của họ, những kẻ họ thường tâm sự và lắng nghe tâm sự, cũng đến từ facebook. Nghe, tôi vừa thêm thương vừa sợ hãi. Thêm thương trước cái thế giới mệnh mỏng của họ. Sợ hãi vì số thời gian trong ngày họ bỏ ra cho facebook. Bởi vậy, suốt cả mấy năm, facebook, với tôi, vừa là một sự quyến rũ lại vừa là một đe dọa. Tôi biết tôi không có nhiều thì giờ để

phẩy bứt phẩy biếc. Tôi cũng biết tình tôi không thích đắm đuối, ngay trong đời thật, đừng nói gì trong thế giới ảo. Nhưng lúc ấy, bạn bè thường rủ tôi vào facebook. Tôi đều từ chối.

Vậy mà, cuối cùng, cách đây một tuần, tôi lại «đều lòng». Cũng mở trang facebook riêng. Cũng post bài này bài nọ. Cũng kết bạn kết bè và cũng lao «ao» «like» với người này người khác. Hơi chột thẹn thùng, tôi dùng hai câu thơ của Trầm Lê Kỳ vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 để phêm bua: «Thấy ai ai ta cũng ai ai / Ai ai ấy thì ta cũng... ấy».

«Ấy» trên facebook, tôi có niềm vui là được gặp gỡ rất nhiều bạn bè. Trước, tôi chỉ có một số bạn, chủ yếu thuộc hai giới: các nhà văn/nhà thơ và các nhà giáo, hai lãnh vực sinh hoạt chính

trong đời sống của tôi. Trong cả hai giới, tôi biết nhiều nhưng để gọi được là thân thì lại rất ít. Thực sự tâm sự được, chỉ có vài người. Trên facebook thì khác. Không những có bạn mà còn có bạn của bạn rồi bạn của bạn của bạn, v.v... Rất nhiều người, được gọi là bạn trên facebook nhưng tôi chưa bao giờ gặp, chưa bao giờ nghe tên. Nhưng tôi lại có thể THẤY được họ. Không phải là thấy mặt mũi hay dáng dấp hay quần áo và nhà cửa của họ. Mà là thấy được tình cách và phần nào tâm tư của họ. Chỉ cần vào trang facebook của từng người, qua những gì được họ đăng tải hay bình luận, chúng ta cũng có thể thấy được người ấy thích gì, thường quan tâm đến vấn đề gì; nếu những vấn đề ấy liên quan đến chính trị, chúng ta cũng thấy được khuynh hướng cũng

NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

giữ, cùng một hệ thống hành chính «vệ» vì đã mất nhiều cán bộ phải làm chiến ở chính quốc. Hết chiến tranh, tuy ở phe thắng nhưng quyền lực vẫn mong manh, người Pháp lại phải o bế tiếp dân thuộc địa, và có vẻ vì thấy hiệu quả của môn hàng con Rồng cháu Tiên, họ lại chăm chú khai thác tiếp. Họ để vua bù nhìn Khải Định vun cánh tay dài ra đất Bắc, mang tiền của dồi dào tu sửa đền Hùng, dựng bia kỉ niệm, đặt mốc ngày tế hàng năm khiến cho một lễ hội mùa xuân cơ dân trở thành có tính cách chính quy; ngày 10 tháng Ba, chọn lựa tỉnh cô trong khoảng mười ngày hội lễ hàng năm ở đấy, sẽ mở đường cho sự thành hình cố định một Quốc lễ. Người ta đã thấy trong những năm 1920 sự thờ cúng Hùng Vương trên đất Bắc nhộn nhịp hơn bao giờ hết. Sự phồn tạp của hình tượng đến

đầu phải dẫn đến một nội dung phong phú của đối tượng tế lễ. Cho nên có thể nói là các ông Hùng Vương xưa, với các thứ bực theo số lượng, trải qua đến cuối mùa Nguyễn vẫn chỉ có hai thụy hiệu Hùng Duệ Vương, Hùng Hiến Vương trên bia đá, chắc chắn là có đủ tên 18 ông ngay trong bản gốc Ngọc phả được sáng tác vào thời kì phục dựng này, trong hai hay ba dị bản mà người ta còn giữ để đem trưng bày trong các cuộc hội thảo ngày nay. Cho nên dù đã được Lê phong là Thánh tổ, ông thẩm đến Hùng đến giữa thế kỉ XX mới thừa lượm đủ uy thế quần chúng để làm mưa làm gió trong tiến trình tranh đấu cho nền độc lập thống nhất mới. Và chông chênh cho nền sử học nước nhà những hệ lụy trên những vòng kim cô cù nặng áp lực mới hơn.

VÀ MỘT THỜI ĐẠI SỬ HỌC KHOA HỌC NHIỀU GƯƠNG TRÒ

Tình hình chuyển biến trên thế giới đến mùa thu 1945 mở ra một nước Việt Nam độc lập, kéo dài phức tạp trong sự tranh chấp quyền hành với chính quyền cai trị cũ, với các phe phái trong ngoài. Tuy nhiên nước đã có thì việc nhìn lại quá khứ quốc gia dân tộc không phải chỉ bằng bạc trong tâm ý một số người mà còn được cố định bằng những cơ quan chuyên trách, nhất là khi đất nước Việt Nam độc lập, ngay từ lúc đầu đã nằm trong sự quản lí của một nhóm lãnh tụ đi theo một ý thức hệ không chừa cho một sự buông lỏng nào hết. Thế là mối tương quan giữa người làm lịch sử và người viết lịch sử trở lại theo chiều hướng «mẫu, càng lúc càng đem đến sự đổ vỡ không cơ cù vắn cho một nền sử học khoa học vẫn phải len lách chật vật cho hợp thời đại.

Đã thấy người Pháp, trong khi cai trị thuộc địa, mang đến một lễ lối suy nghĩ theo hướng thực nghiệm, không phải chỉ làm

toà dân bên trong đất nước mà còn có cơ hội mời gọi từ ngoài thế giới văn minh, qua sự trung gian của tiếng Pháp (trước khi là của tiếng Anh), giống như ngày xưa, qua văn tự Hán mà nhà nho Việt đã bước ra khỏi cổng làng mình. Ông Hoàng Xuân Hãn không tốt nghiệp một trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn nào hết mà viết được quyển Lý Thường Kiệt hẳn là từ cung cách thu nhận bài vở, lời giảng dạy trong ngôi trường không có thầy đồ bình vắn và môn sinh «sách thánh hiền cũ. Mẫu hình làm việc cho sử Việt có thể tìm ngay trong các bài vở tiếng Pháp của nhân viên Viện Bác Cổ hay của Hội Đồ Thành Hiếu Cổ chẳng hạn. Rõ rệt hơn hết là trường hợp trưởng thành của học giả Đào Duy Anh. Và ảnh hưởng không thu nhận từ các tên thực dân đáng căm ghét kia đã bằng bạc trong nền sử học của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dù vẫn có những tiếp tay của thế giới xã hội chủ nghĩa đồng thời.

Chỉ vì trong giai đoạn đầu của thời kì giành

độc lập, các cán bộ sử ăn lương nhà nước đã có cơ hội thực hành chuyên môn của mình ít gặp «áo trộn» như ở những bộ phận khác. Tất nhiên khi tổ chức thành hình thì người cầm quyền cũng không chịu đánh mất sự hiện diện của mình, như đã thấy trong một vài bài mang hơi hướng chỉ dẫn đường lối của ý thức hệ mới. Nhưng có lẽ vì thực tiễn ở một nước thuộc địa khuất lấp không hề có trong đầu óc của các lãnh tụ khởi «xương mao», các đồ đệ ở «xứ tư bản» cũng chưa kịp định hình để khai thác loại lí thuyết Phương thức sản xuất châu Á cổ đại chẳng hạn, còn các nhà mao xít Trung Hoa thì cũng chưa nghĩ ra cách thức «hoá lí thuyết cộng sản», nên chuyện vạch ra một đường lối sử học «xã hội chủ nghĩa» cho lớp người mới đào tạo ở Việt Nam có lẽ chỉ dùng lại nhiều ở các cuộc họp hành đảng bộ hoặc đoàn thể mà thôi. Và lại thời thế còn dành chỗ khá rộng cho các nhà nghiên cứu mới có công ăn việc làm với đề tài trước mắt về công cuộc chống ngoại xâm xưa và nay, và dĩ nhiên, hứa hẹn mang nhiều

như trình độ và mức độ nhận thức của họ ra sao, v.v... Ngay với những người tôi quen biết ngoài đời, khi vào facebook, có cảm giác như họ là kẻ khác. Ngoài đời, họ hiền lành, khiêm tốn, nhỏ nhẹ bao nhiêu, trên facebook, họ di dõm, hoạt ngôn, kông káo trong các cuộc tranh luận bấy nhiêu.

Nhưng thích nhất trên facebook là được gặp lại những người quen và những người thân.

Quen, phần lớn là bạn học cũ và bạn cùng làng ngày xưa. Bạn học cũ, từ tiểu học và trung học của tôi, đều ở Quảng Nam và Đà Nẵng. Sau năm 1975, vào Sài Gòn, tôi mất liên lạc với tất cả. Bạn học ở đại học, hầu hết đều ở Sài Gòn, sau ngày tôi vượt biên, qua Pháp rồi sang Úc, cũng dần dần bắt tằm. Bây giờ, qua facebook, tôi mới được gặp lại một số. Nhìn hình, thấy ai cũng già và lạ hoặc, hầu như không thể nhận ra được. Nhưng qua họ, bao nhiêu kỷ niệm hồi nhỏ lại sống dậy và tủa về, nuốm nợp. Tự dưng thấy báng khuáng. Và hình như có chút nhớ nhung. Chả nhớ ai cụ

thể cả. Chỉ nhớ. Hay nói như Xuân Diệu, "biết nhớ ai đành chỉ nhớ «ai mới»".

Người thân, nhiều nhất là trong gia đình và họ hàng. Đã gần 10 năm nay, tôi không được về Việt Nam, ngay với anh em ruột, cũng không được gặp gỡ. Lâu, thật họa hoằn, mới điện thoại hay email cho nhau. Cùng lâu, thật lâu, mới gửi cho nhau vài bức ảnh. Thì cũng hình dung được ít nhiều cuộc sống của nhau. Nhưng chỉ khi vào facebook, tôi mới thực sự THẤY các em tôi. Thấy được mặt mũi. Thấy được các sinh hoạt. Thấy được các suy nghĩ. Thấy được các tác phẩm chúng đã hoàn tất. Và thấy cả bạn bè của chúng.

Có thể nói, trên facebook, người ta không những gặp nhau mà còn thấy được nhau. Cái gọi là tình bạn trên facebook, do đó, vừa ảo vừa thật. Hơn nữa, có khi còn thật hơn cả thật.

Xưa, bạn bè chỉ giới hạn trong một không gian nhất định: bạn cùng làng, cùng lớp, cùng trường, cùng số. Tất cả đều gắn liền

FACEBOO MONTHLY USERS		FACEBOOK SOURCE
1m		2004
6m		2005
12m		2006
58m		2007
145m		2008
360m		2009
608m		2010
845m		2011
1,056m		2012
1,230m		2013

với một địa điểm. Từ đời sống nông thôn đến đời sống thành thị, khái niệm địa điểm ấy thay đổi chút xiu: ở nông thôn, địa điểm ấy thường gắn liền với các đơn vị hành chính: làng, xã, huyện, và, hiếm hơn, tỉnh; ở thành thị, địa điểm ấy thường gắn liền với các đơn vị nghề nghiệp: chợ, công sở hay công ty. Nhưng tất cả những sự gắn gũi ấy chưa chắc đã giúp người ta thấy được nhau một cách trọn vẹn. Thường, chỉ một góc. Có khi chỉ là một góc thật nhỏ. Trên facebook, tình cách của người ta hiện ra rõ nét hơn. Dường như, cho đó là một thế giới ảo, nhiều người rất thành thục trong việc khoe khoang cũng như giấu bày tâm sự. Bất kể nội dung hay mức độ của sự khoe khoang hay giấu bày ấy thế

nào, riêng sự thành thục như vậy đã đáng quý. Thành thục đến mức quên cả ý niệm về sự riêng tư.

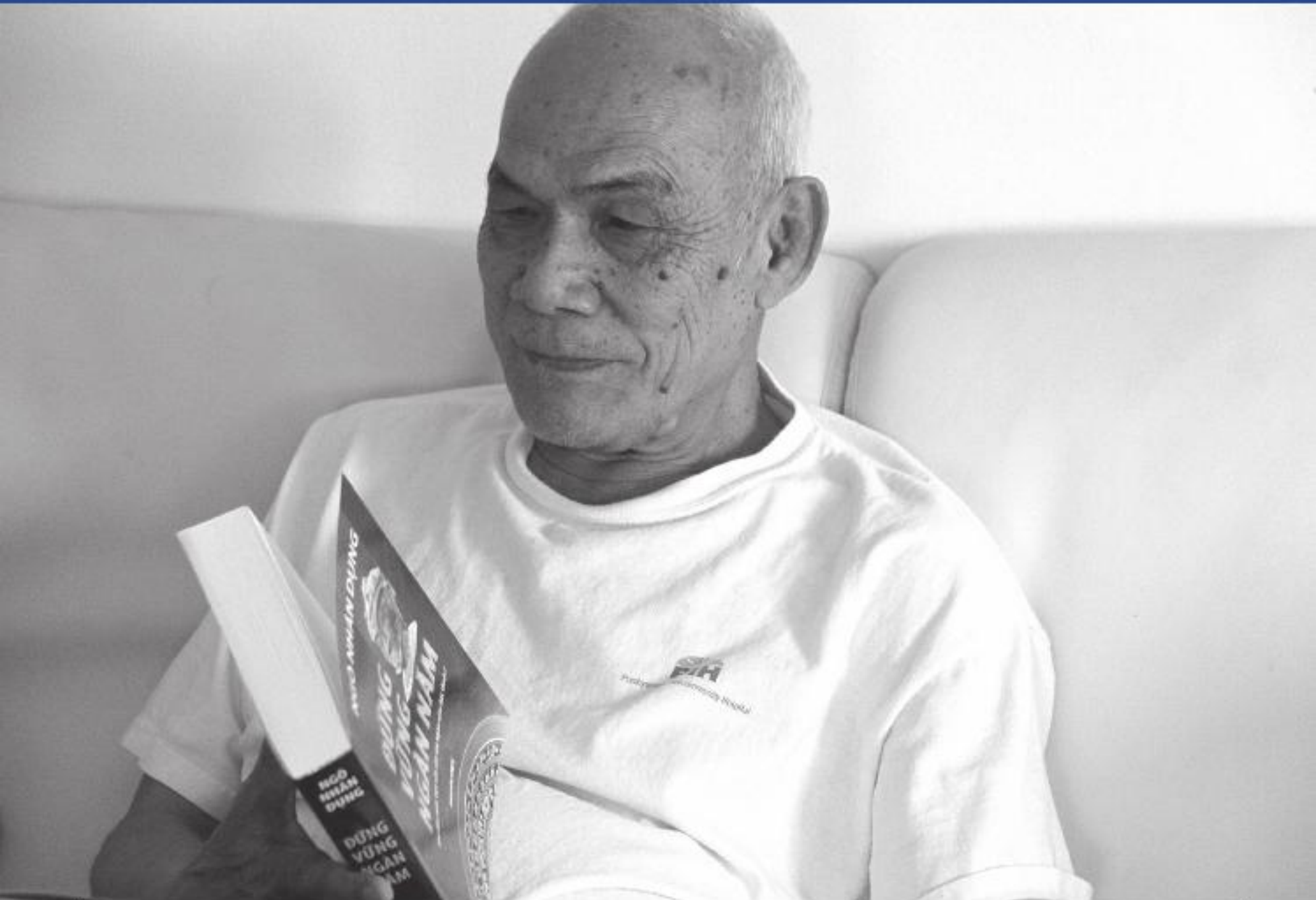
Cũng có thể nói, facebook dần dần làm thay đổi quan hệ cá nhân giữa người và người. Theo Pew Research Center, khoảng một nửa những người sử dụng facebook có trên 200 bạn.

Trời, với những người ngoại đạo của facebook, nghe con số ấy, hẳn không khỏi kinh ngạc. Bạn ở đâu mà lắm thế? Giới hạn trong không gian và địa điểm, bạn, theo nghĩa truyền thống, cả đời đón lại may mắn mới được vài chục người. Bây giờ, người ta có cả hàng trăm người; một số, có cả hàng ngàn người. Con số ấy sẽ trở thành một

lực lượng đáng kể. Trước hết, lực lượng cho giới làm thương mại: đó là đối tượng để người ta quảng cáo và là một trong những nguồn lợi lớn, cực lớn cho người sáng lập Facebook, Mark Zuckerberg. Dĩ nhiên, nó cũng là một lực lượng rất có ý nghĩa cho các thay đổi về chính trị và xã hội. Cuộc cách mạng tại Trung Đông và Bắc Phi cách đây mấy năm là một ví dụ.

Nhiều người đã thấy điều đó. Dĩ nhiên công an Việt Nam cũng thấy. Bởi vậy, trong cái đám bạn bè đông đúc trên facebook, chắc là có khá nhiều công an giả dạng để theo dõi và quấy rối. Chém.

NGUYỄN HÙNG QUỐC



Pho sử học TỖ CHỈ ĐẠI TRƯỞNG - Pho. OVIN NGUYỄN

hãnh diện là khai thác vấn đề nguồn gốc dân tộc tiếp theo công trình của học giả Viên Đông Bác Cổ.

Và đến đây thì có sự hội nhập với quá khứ, để truyền thống được tôn trọng bằng khoa học, một ngành khoa

học thực nghiệm mới: khoa khảo cổ học. Ngành mới, người mới thật dễ dàng cho một sinh hoạt gây nhiều tự tin và nhà nước đổ tiền của, vun bồi khuyến khích cũng không thấy phải uống công. Kết quả là một tập hợp bốn tập Hùng Vương

dựng nước ra đời làm căn cứ cho niềm tự tin về một quá khứ lâu đời của quốc gia dân tộc, mang chúng có vật chất dồi dào qua những giai đoạn văn hoá có tên Đông Sơn, Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun tạo hấp dẫn cả trên phần đất

phía Nam đang dần chìm trong khói lửa. Dù ngay đương thời các công trình đó cũng đã lộ ra những sơ hở, rồi về sau xuất hiện sơ sót càng nhiều nhưng quan điểm thành hình về một ông vua Hùng thời cổ đại được chúng minh, đã trở thành

"di sản thiêng liêng của dân tộc", nói như một quan chức sử học đương thời (Phạm Huy Thông 1985) "không cho phép ai lấy danh nghĩa khoa học mà phát ngôn tự tiện". Chỉ có trong riêng tư người ta mới xì xầm về những kết quả giả tạo

HIỆN TƯỢNG NỔI DANH NHỜ MẠNG INTERNET

hỏi hay một biến cố vừa xảy ra vài phút sau cả thế giới đều biết. Vòng tay lớn của con người ngày một khảm khít hơn. Một ông bố đã coi thường và đánh giá thấp sức mạnh của liên mạng và Facebook nên đã

thách thức với các con của ông rằng "Các con sẽ được một con chó con khi các con lấy được 1 triệu chữ "likes" trên Facebook. Ryan Cordell đã nói đùa với hai cô con gái, Cadence 12 và Emerson 9 tuổi như vậy khi

các cô và ba em trai đòi có một con chó mới thay thế cho con chó của gia đình đã chết vì ung thư. Các em hỏi xin bố vì thấy các con của gia đình Urbano ở Newton, Massachussetts đã được phép nuôi mèo khi các em

có được 10 ngàn chữ likes trên Facebook. Các em đã chụp một bức hình 5 em bé cùng cầm một tờ giấy với hàng chữ "Mến chào thế giới toàn cầu, chúng tôi muốn có một con chó con, bố nói rằng nếu chúng tôi xin được 1 triệu chữ 'likes', chúng tôi sẽ có chó". Các em còn chưa thêm hàng chữ bên cạnh rằng "Ông không nghĩ chúng tôi có thể xin đủ số chữ likes".

Chuyện không thể ngờ được chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ, các em đã có trên 1.2 triệu chữ "likes" và gia đình đã phải thực hiện lời hứa. Năm 2012 có thể gọi là năm của cộng đồng mạng quốc tế vì nhờ nổi mạng mà có các nhân vật ở những nơi khác nhau trên thế giới, khác quốc tịch, tôn giáo, văn hoá, ngôn ngữ, vẫn được

người ta biết đến và nói danh. Xưa nay những sinh hoạt văn học nghệ thuật hay âm nhạc nổi tiếng thế giới thường xuất phát từ Phương Tây. Những ca nhạc sĩ Pop, Rock hay Rap thường nổi danh trên sân khấu trời Âu, Mỹ. Có ai ngờ năm 2012 cả thế giới cùng lắc lư theo một điệu nhảy, hát theo một ngôn ngữ rất lạ tại xuất phát từ một nước Á Châu.

Đó là trường hợp của một ca sĩ nhạc pop Nam Hàn Park Jae Sung phát hành một điệu nhảy của anh vào tháng 7, 2012. Vũ điệu "Gangnam Style" đã trở nên thông dụng và nổi tiếng khắp thế giới và đạt kỷ lục 500 triệu lần xem trên hệ thống You Tube. Nó trở thành một cơn sốt trong cộng đồng cư dân Hàn Quốc, lan rộng khắp



NHỮNG VÒNG KIM CÔ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

của đường hướng sử học mới, mang những lần cắt, có khi trảm áp thô bạo đối với những ý kiến khác biệt.

Có điều khó thật khó chấp nhận với nhiều người ngày nay, là sử Việt thật nghèo nàn tài liệu để có thể kéo dài một bộ thông sử từ một tập của Trần Trọng Kim ra hai tập của Việt Nam DCHH thế kỉ XX, ba tập của CHXHCN Việt Nam

đầu thế kỉ XXI, với dự tính 15 tập chưa thực hiện đủ ở thập niên trước và 24 tập, nhất định hoàn thành theo tuyên bố mới đây (BBC 15-2-2014). Ít tài liệu không phải chỉ là lời nhận định bị quạn của triết gia Kim Định. Ít tài liệu mà không thể dùng lại việc "bàn sử" thì phải kéo dài nó ra, "vẽ" thêm tài liệu mà khôn ngoan che giấu bằng luận thuyết, gọi là sử dụng "huyền

sử". Đứng ra thì cũng không có gì sai sót nặng nề ở ông linh mục triết gia này nếu ông vẫn dùng lại bên mép bờ huyền sử như ông đã quen với các hình ảnh ẩn dụ trong sách Cựu ước của ông để "lâu lâu nói chơi cho vui" với các nhân vật huyền sử Việt, hay đây đưa tìm tôi về một nền tảng uyên áo nào đó trong lẽ lời suy nghĩ của người dân cùng tổ quốc với ông. Có điều những biến động mang tính toàn cầu đón dập xảy ra trên đất nước đã tạo ra ảo tưởng quá phận về những ý tưởng bất chợt lại tìm được quán chúng, khiến cho kết luận "Việt vào Tàu trước" của ông đã mở

đường cho những khai thác được gọi là sử học có thể nhìn theo hai hướng. Một hướng của những kẻ liêu linh, nói huyền thiên, không cảm chúng mình, "không chịu trời mình vào văn bản" - "có thể mới gọi là huyền sử", viện dẫn những bằng chứng do nghe ngóng, càng cao cấp càng tốt, càng dễ đem ra hù dọa, phát xuất từ những kẻ tìm cách chơi đạ để hiện diện bên cạnh những người có đôi chút tiếng tăm. Cung cách ăn nói mạnh bạo, hùng hổ đôi san bằng, xoá bỏ toàn bộ kiến thức cũ để đem đến một thứ Copernic mới, tuy chỉ là một lối ghép-chữ của những người Cừ

tuông biết được chữ là viết được sử, nhưng vì có ẩn giấu một thứ mặc cảm bị trị chống thực dân vẫn còn bị chen ép nên những bài vở loại này cũng được xuất hiện cả trên những đối đáp học thuật được nhún nhường trước, gọi là "trao đổi", "phản biện". Hướng thứ hai của những người kín đáo hơn -- để khiến có kẻ phải lên tiếng chỉ trích, tố cáo -- nhằm khai thác đại loại những thứ "Việt li tổ nguyên" trong li số từ vi, trong khái niệm âm dương, Dịch li để tìm ra, ví dụ tính chất "trọng âm", "âm tính" trong văn hoá người Việt, hay chuyển qua loại để tài Bách Việt,

Bài: LÊ VĂN HƯNG

châu Á, thậm chí làm điên đảo cả châu Âu và Mỹ. Gangnam Style cũng trở thành một cụm từ thời thượng, được sử dụng như một câu cửa miệng của giới trẻ, trở thành một trào lưu mạng tên "Gangnam Style". Điều này nảy phỏng theo dáng cười ngựa, lắc người, đập tay vào nhau của một rapper có thân hình mũm mĩm với giai điệu có điệp khúc đơn giản: "Oppan Gangnam Style". Đáng sau điệu nhảy là một bài luận xã hội tinh tế châm biếm những người giàu mới nổi ở Gangnam. Tuy Gangnam chỉ là một góc nhỏ của Seoul nhưng nó nổi tiếng với tiệc tùng xa hoa, là nơi người dân phung phí tiền của vào các mặt hàng xa xỉ để làm nổi bật sự giàu có của họ. Gangnam trở thành địa chỉ được thêm muốn nhất ở Hàn Quốc nhưng cũng khiến người ta nảy sinh sự đổ kỵ, dị ứng. Và "Gangnam Style" - một khái niệm phổ biến ở Hàn Quốc - chính là để chỉ phong cách sống của tầng lớp người giàu mới nổi này.

Sức mạnh truyền đạt cảm thông của thế giới ảo đã khơi dậy tình nhân bản của con người nhanh hơn bao giờ hết. Câu chuyện một giám thị xe bus (Bus Monitor) tại New York, tháng 6 năm 2012, bị một đám học sinh trung học chế nhạo, được ghi lại

trong một video clip được tung lên mạng, đã làm cư dân mạng phấn uất. Karen Klein, 68 tuổi, lãnh một mức lương rất thấp 15.000 đô một năm, đã bị lũ học sinh giễu cợt, báng bổ, làm nhục và đem ra làm trò cười. Một diễn đàn Viral Philanthropy đã ra sức quyên góp và những người hảo tâm đã gom tặng bà hơn nửa triệu đô (700 ngàn) để bà có thể thực hiện một kỳ hè (vacation) tuyệt vời như bà từng mơ ước. Karen đã dùng một phần tiền tặng từ này mở ra một tổ chức chống lại các sự nhạo báng, chàm chọc. Tháng 3, 2012, mạng lưới Invisible Children đã tung ra một cuốn phim tài liệu nhắm vào Joseph Kony. Hầm ta là một lãnh tụ của Uganda đã bắt cóc, lường gạt trẻ em biến chúng thành những chủ lính ti hon và nô lệ tình dục. Tội ác dã man của hắn đã được hơn 100 triệu cư dân mạng xem duyệt và phẫn nộ. Hàng triệu người đã bàn tán, chỉ trích tạo nên ngọn lửa giận phùng phùng thổi về Uganda. Invisible Children đã tạo được sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ cộng đồng mạng trong một hành động hỗ trợ cho sự thù ghét cái ác.

Hình chụp bìa số báo tháng 5 tạp chí Time đã gây tranh luận dữ dội trên mạng và Twitter. Nhìn hình bà mẹ Jamie Lynne Grumet chống nạnh, áo trần

hỏ một bên vú cho cậu con trai 4 tuổi lớn tòng ngóng bú, ai cũng giật mình. Một câu hỏi nhanh chóng được đặt ra "Bà mẹ Grumet có đủ tư cách làm mẹ không?".

Trước khi quả bom thời sự này bùng nổ, tâm hình của Grumet đã được truyền nhau, đăng tải khắp nơi nhất là trên mạng và trở nên một đề tài bốc lửa. Trung tâm của các cuộc tranh luận quay quanh vấn đề cho con bú hay không?. Người ủng hộ, kẻ chế bài, thành kiến, đạo đức, sức khỏe, sự liên hệ thẩm thiết giữa bà mẹ và đứa bé, tất cả các đề tài liên quan đều được mổ xẻ tận tình. Có những bà mẹ nêu ra những điểm tích cực của việc cho trẻ bú sữa mẹ và ủng hộ việc này. Có bà thì thật đã cho con bú tới lúc đứa bé 3, 4 tuổi và sẽ cho nó tiếp tục bú tới lúc 5 tuổi. Người thì nhạo báng việc ấy và cho rằng cho một đứa bé từ 3 tuổi trở lên bú là quá đáng. Kẻ ủng hộ nêu ra những điểm lợi của sữa mẹ khiến đứa bé ít bệnh tật và mạnh mẽ. Dù hệ thống phong bệnh của cơ thể đứa bé được phát triển sau 2 tuổi nhưng nếu nó được tiếp tục hỗ trợ bằng sữa mẹ, đứa bé được bú vẫn mạnh khỏe hơn đứa bé không bú sữa mẹ. Cho nên một đứa bé được bú đến năm 6, 7 tuổi cũng chẳng sao mà tình thân giữa người mẹ và đứa con càng

bén chặt.

Grumet đã biến thành một hiện tượng xã hội lây lan nhanh chóng, cư dân mạng đã lấy hình của bà và con bà chỉnh sửa lại thành những tấm hình độc đáo nổi tiếng và mạng Twitter đã dành riêng một ngày để bình luận về đề tài này.

Nhìn lại những hiện tượng nổi danh nhờ hệ thống mạng ảo này, ai có cái nhìn sắc sắc cũng nhận ra cái gì lên càng mau thì xuống càng lẹ. Quấn quýt vốn chóng chán với cái gì lập đi lập lại và ưa thích đổi thay. Điều này ngựa "Gangnam Style" sẽ mau lẹ chìm vào quên lãng, người ta lại hòa nhau ưa chuộng một điệu nhảy, một bài hát khỏi hẳn khác trong tích tắc. Điều chúng ta cần suy ngẫm là những hiện tượng sốc nổi này dạy chúng ta bài học gì về xã hội chúng ta hiện tại. Có phải ngày nay chúng ta có khuynh hướng chuộng cái gì ngắn hạn, thời sự và luôn luôn đòi hỏi những gì có tính lạ thường? Có phải các hệ thống truyền thông, TV, liên mạng làm giảm giá trị con người vì các môn ăn tình thân của con người ngày càng có tính thương mại.

Tinh nhất thời của các nhân vật nổi danh nhờ ngọn lửa Internet chỉ là một ví dụ nhỏ thôi. Những kỹ thuật tân tiến đã cho ra đời bao

hiệu là điện thoại đời mới với tiện dụng tinh vi, mp3, Ipad, video games và bao nhiêu thiết bị tân thời nữa. Cái cũ được đào thải nhanh chóng và cái mới được sản sinh lẹ lả vì mục đích thương mại khiến con người cư phách chạy theo cho kịp với sự đổi thay không thì bị bỏ lại phía sau. Tinh ưa thay đổi sẽ ăn sâu vào thế hệ trẻ bây giờ và cái gì sẽ xảy ra với liên hệ tình cảm của con người và đời lứa? Thói quen chuộng sự đổi thay sẽ tiềm ẩn mầm tử và đi vào tư duy con người như một điều ắt có.

Thế giới nhỏ bé nhờ liên mạng, con người xích lại gần nhau. Con người thích bàn tán, nhỏ to nên tranh luận nó ra rôm rã. Càng phê bình sự yếu, thích hay chê, ghét, càng thắt chặt mối quan hệ của con người với ngôi nhà ảo liên mạng. Sự thật hiển nhiên ai cũng thấy là người ta dùng và nghiện Internet nhiều hơn. Tuy nhiên điều chúng ta cần hỏi lại chính chúng ta, là xã hội noi chúng ta sống sẽ đi về đâu khi con người bây giờ chỉ thích bỏ cái cũ chạy theo cái mới dù biết rằng "cái gì bạo phát, thì bạo tàn".

TRỊNH THANH THUY

Tài liệu tham khảo
- 15 People Made Famous by the Internet in 2012

luôn những Viêm Đế, Xi Vu, Câu Tiên, Triệu Đà... dưới dạng hình map-Google tân thời.

Phải chịu đựng lại ở "huyền sử" vì Kim Định chỉ là một ông thầy giáo của phần nửa phía nam Việt Nam, nơi cũng nhận được phần truyền đạt mơ hồ lảng lảng về nguồn gốc con Rồng cháu Tiên, hay vừa mới cụ thể hoá bằng câu "ca dao": Mồng mười tháng Ba... từ nhóm người di cư đầy quyền lực quần chúng mang vào sau năm 1954. Tiếp theo, đối với tập đoàn chiến thắng 1975 gồm những người từng khai thác hiệu quả khẩu hiệu "4000 năm giữ nước và dựng nước" và lớp người kế tiếp xuất thân đồng quê, tách biệt đến với thế hệ với quan niệm về chúng nghiệm khoa học của thế giới mới, đối với những người này, huyền sử là sự thật lịch sử không còn phải phân vân gì

nữa. "Người dân Việt Nam bắt nguồn từ Trung Quốc. Vua của Việt Nam cũng khởi tổ từ Trung Quốc, coi vua Trung Quốc như anh như cha..." Câu nói gây phản ứng ớn ào của Đỗ Ngọc Bích (17-10-2010) không phải chỉ là lời thất thổ vụng dại mà rõ ràng là được un đúc từ sinh hoạt cổ sử đã trở thành bình thường trong nước, trong đó dấu ấn địa danh Trung Quốc (Ngũ Lĩnh, Động Đình), nhân danh anh/em Đế Nghi / Lộc Tục của Hồng Bàng thì đã thấm vào tận tâm ý nhà khoa bảng.

Hướng vọng xã hội chủ nghĩa cụt đường cũng mở lối cho ý định tìm một căn bản sâu thẳm nhằm kết tập toàn thể dân chúng dưới tay. Thế là có sự chuyển hướng chính sách của Đảng, của Nhà nước nhắm vào việc phục hồi "có chọn lọc" các giá trị truyền thống, công nhận những lễ

hội trong đó có ngày Giỗ Tổ Hùng Vương. Những xây cất đồn dập tạo cơ sở vật chất để quyết định năm 2007 của Quốc hội CHXHCN VN mang tinh chỉnh thống mới đối với dân nước, tiếp theo bằng sự chuẩn nhận Lễ hội của quốc tế năm 2013, đồng thêm dấu ấn quyền lực trên sự gia thời mới về một vấn đề sử học vốn thuộc về quá khứ mà theo họ, vẫn phải chỉ được nhìn theo hướng chúng nghiệm đã qua mà thôi.

Những người làm lịch sử hiện tại như thế đã tạo được, không biết kéo dài trong bao lâu, mối tin tưởng về một lịch sử thần thuyết của dân tộc để trang bị cho một chủ nghĩa huyết thống tập thể cần thiết cho sự cai trị dân nước dưới tay. Li thuyết đó có quyền lực chính trị bên trên, có sự ủng hộ của quần chúng bên dưới vẫn mang tâm hồn nhiều

thế kỷ trước, không cần và cũng không màng đến một sự biện biệt nghiêm túc. Tất nhiên chính quyền cũng thấy cần có những li thuyết gia để, trước hết là phải đánh bật các quan điểm cũ, mới nâng cấp được hệ thống thần thuyết của mình. Nhưng bởi tinh chất của một đất nước đắm chìm lâu dài vào một nền văn chương rón rảng, mơ triết li thu thập ở mức trung bình, với những người chưa từng nghe đến tinh thần thực nghiệm, vẫn hiểu sử như lúc đang bàn sử, nên các tri thức này, hoặc thốt ra những lời bài bác thô lỗ cục cằn, hoặc ba hoa những li thuyết lạc đề sử sự. Nghe họ nói, viết thấy cứ như người lên đồng trên giàng đường, trước đám quần chúng vô danh trong những cuộc mít tinh chính trị, hay ở tập hợp quần chúng vô hình thời đại internet. Không hề gì, họ vẫn hiện diện, đầy uy thế.

Lấy ra ví dụ cụ thể về một vấn đề sử học, vấn đề nguồn gốc dân tộc như thế, với tình trạng những người không chuyên môn đòi dạy dỗ chuyên viên khi họ xum lại mắng mỏ Trần Trọng Dương, hay cao ngạo lăm lăm lướt các sử gia im tiếng khác qua khúc đoạn Kinh Dương Vương của nhà Hán Nôm, mới thấy được áp lực trùng trùng của những kim cô quyền lực trong quá khứ đối với sử gia đã không nhẹ bót đi mà còn găm như bít hãm con đường phát triển của một nền sử học khoa học hừng mong ước.

Có bị quan hay không thì đó cũng là hiện trạng không thể che giấu trên đất nước này, trong thời đại bây giờ.

Garden Grove
11-3-2014
Xin Kính chào Quý vị.

**TẠ CHI
ĐẠI TRƯỞNG**

SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM

ở nước ta không phải gốc Hán tộc; khi theo các tập quán của dân Việt họ cũng đang trở về với những phong tục của chính tổ tiên họ.

Thêm một yếu tố khác, là di sản văn minh gốc Đông Nam Á của dân Việt tại vùng Cửu Chân, Nhật Nam còn rất mạnh đã cuốn hút được các di dân mới. Người dân ở phương Bắc cuối ngựa, bắn cung, khi tấn công cướp bóc các khu định cư nông nghiệp thì họ cũng cướp phụ nữ đem về để gia tăng việc truyền giống. Người phụ nữ đi lấy chồng là chịu phục tùng. Trong tinh thần người phương Bắc, các ông vua nhà Hán đem công chúa hoặc cung nữ gả cho các "thuyền vụ," thì các tù trưởng di, địch, coi đó là một cử chỉ nhường nhịn, chịu khuất phục. Vì họ không cần binh đao mà cũng đoạt được chiến lợi phẩm. Tập tục này thích hợp với các sắc dân du mục. Ở phương Nam, phong tục khác hẳn. Dân Đông Nam Á định cư sớm hơn Trung Quốc nhờ việc trồng lúa

xuất hiện sớm hơn. Khi người ta bắt đầu bỏ lối sinh nhai bằng công việc săn bắn, hái lượm chuyển qua việc trồng trọt, thì người phụ nữ ở nhà trông coi mảnh đất, khu vườn, dần dần sẽ chiếm địa vị quan trọng. Họ tạo ra thực phẩm cần bằm cho gia đình một cách đều đặn, nguồn cung cấp này chắc chắn hơn. Việc kiếm ăn của người chồng đi săn bắn có khi kiếm được mới, có khi về tay không. Trong những xã hội còn theo truyền thống mẫu hệ, khi người con trai vào "làm rể" một gia đình thì cũng đồng ý mình thuộc vào gia đình nhà vợ. Xã hội Việt vốn tôn trọng phụ nữ hơn bên Trung Quốc, những người di cư hay theo lính tráng sang ở nước ta sau khi lấy vợ địa phương đã được gia đình bên vợ chấp nhận. Cho nên không có gì lạ nếu những người lính của Mã Viện, ở lại phía Nam quận Cửu Chân đã dần dần hòa thành người bản địa. Chỉ cần qua đến đời thứ hai, con cái họ đã theo họ mẹ, thành người Việt. Số di dân người Hán ở

quận Nhật Nam thua thốt hoặc phần lớn đã đồng hóa rồi, cho nên các cuộc nổi dậy ở Tượng Lâm, Nhật Nam đa số do người bản xứ tham gia.

Di dân gốc Hoa sống ở tuổi các quận phía Nam hội nhập cùng người bản địa, trong vài ba đời chắc chắn đã thành người Việt. Dân vùng này lại sẵn tinh thần đối kháng rất mạnh cho nên gây ảnh hưởng, lôi kéo ngay đám lính đồn trú nổi loạn theo.

CÁC CUỘC NỔI DẬY LIÊN TỤC

Sách giáo khoa môn sử Việt Nam trước đây thường không nói tới các cuộc nổi loạn nhỏ trong thời gian giữa hai cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng, ở Mê Linh, và Bà Triệu ở Nông Cống, Thanh Hóa. Người đọc có thể tưởng lầm rằng khoảng thời gian từ năm 43 đến năm 248 chế độ cai trị của nhà Hán được hoàn toàn bình yên. Thực ra không phải như vậy. Chúng ta hiểu được biến cố Bà Triệu khởi

nghĩa khi biết trong thế kỷ trước bà vẫn có nhiều cuộc nổi dậy của dân và lính ở Nhật Nam, Cửu Chân và lan tới cả Giao Chỉ, nhiều lần do chính các di dân hoặc binh sĩ người Hoa chủ xướng. Nếu không có những cuộc nổi dậy liên tiếp đó thì ta phải ngạc nhiên tại sao sau 200 năm "bình trị" lại có một phụ nữ 20 tuổi như bà Triệu Thị Trinh chiếu mộ được tới "một ngàn tráng sĩ làm thù hạc," cùng kéo nhau từ núi về giúp ông anh Triệu Quốc Đạt tấn công thành Cửu Chân, rồi cầm cự được sáu tháng mới chịu thua. Quận Nhật Nam là đất nổi tiếng dân bất trị. Keith Taylor trích dẫn các sử gia người Nhật Katakura Minoru (1972), Goto Kimpei (1975), thấy rằng quận Nhật Nam vẫn không bao giờ được yên sau khi Mã Viện đặt hệ thống cai trị chặt chẽ hơn trước. Các quan lại từ Trung Quốc gửi sang thường không ở được bao lâu đã bị đối xử. Quân Hán không thể nào bình định được Tượng Lâm; một vùng trong quận Nhật Nam,

hak-hak. MINE HUYNH NGUYEN





Ảnh: INTERNET

tiếp theo trang 3

KHI SỰ XẤU HỔ DẪN TRỞ THÀNH HIỂM HỌI

Nhưng rồi vài ba bữa sau mọi chuyện lại chìm xuống.

Nói cho ngay, nếu bây giờ mà truy ra thì quan to quan nhỏ ở nước này mấy ai không tham nhũng, không có biệt thự "khủng," tài sản "khủng" trong và ngoài nước, biết bỏ tù bao nhiêu cho hết? Còn nói theo kiểu ông Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Sinh Hùng trước đây tại phiên chất vấn của Quốc Hội sáng 12 tháng Sáu, 2010: "Hôm nay thấy sai một chút chỗ này xử lý, 'cách chức đi, kỷ luật đi,' ngày mai thấy sai chỗ kia, 'cách chức đi, kỷ luật đi,' lấy ai mà làm việc các đồng chí?"

Từ sự dối trá, thiếu đi lòng tự trọng cho đến tình trạng tham nhũng trong xã hội đã trở thành... phổ biến, bình thường. Khi bắt cứ một sự việc, một cá nhân cụ thể nào bị "lộ sáng," dư luận chĩa mũi dùi, phẩm nộ, "ném đá"...tung bùng, nhưng chỉ vài bữa, mọi chuyện lại lắng xuống, nhường chỗ cho sự việc tiêu cực khác lại vụt xảy ra.

Những cá nhân bị lôi ra mổ xẻ kia chỉ cảm "nín thở chịu đựng" một chút, mặt dày một chút là qua, ai còn nhớ nữa, trong một đất nước có quá nhiều điều tệ hại? Lòng tự trọng, nói xấu hổ lâu dần trở thành của hiếm, cứ dày mặt mà sống để đạt/giữ được điều mình muốn, nhìn quanh có ai tốt đẹp hơn ai?

* Nói buồn người Việt "xấu xí"

Dường như lâu lắm rồi những thông tin về Việt Nam trên các cơ quan truyền thông quốc tế, trong con mắt người nước ngoài chà mảy khi tốt đẹp, mà ngược lại. Về phía nhà cầm quyền, thì chỉ thấy những "thành tích" tệ hại về điều hành kinh tế, về nhân quyền, tình trạng đàn áp tôn giáo, đàn áp tự do ngôn luận, với số blogger, nhà báo bị bắt vì bày tỏ quan điểm một cách ôn hòa chỉ thua Trung Quốc trong khu vực Đông Á, hiện tượng công an sử dụng nhục hình khi điều tra xét hỏi dẫn đến chết người trở thành phổ biến v.v...

Quan chức Việt Nam

thì "nổi tiếng" nhưng nhiều, đôi hồi lộ khi làm ăn với các đối tác nước ngoài. Mấy ngày nay báo chí Nhật, báo chí Việt Nam đang "nóng" nghi án một số quan chức lãnh đạo ngành đường sắt Việt Nam nhậm hồi lộ 16 tỷ Việt Nam đồng, từ hơn 780.000 USD, từ công ty Tư Vấn Giao Thông Nhật Bản (JTC) để họ được trúng thầu thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ODA của Nhật.

Đây không phải lần đầu tiên. Năm 2008 báo chí Nhật đã khai ra vụ công ty tư vấn quốc tế Thái Bình Dương của Nhật (gọi tắt là PCI) đưa hồi lộ 820.000 USD cho nguyên phó giám đốc Sở Giao Thông-Vận Tải thành phố HCM, ông Huỳnh Ngọc Sỹ, để thắng thầu dự án đại lộ Đông-Tây ở TP.HCM, từ vốn ODA. Vụ việc này bị Việt Nam "ngâm tôm" suốt một thời gian dài, mãi cho tới khi phía Nhật từ giận, tuyên bố tạm ngưng cấp vốn viện trợ, nhà cầm quyền Việt Nam mới đem ông Huỳnh Ngọc Sỹ ra xử.

Còn trong vụ hồi lộ các quan chức Việt Nam có liên quan đến việc in ấn tiền polymer của công ty Securency, Úc, bị báo chí Úc khai ra từ năm 2009, với số tiền lên đến 10 triệu USD, và nhân vật cao cấp nhất dính tới vụ việc là thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam lúc đó là Lê Đức Thuý thì hoàn toàn chìm xuống cho tới nay. Nhà cầm quyền thì

như vậy, số đông quan chức thì như vậy, còn hình ảnh người dân Việt Nam?

Cũng lại liên quan đến Nhật. Thông tin nóng hồi về việc một tiếp viên hàng không Vietnam Airlines bị bắt tại Nhật cùng một số tiếp viên, cơ phò khác đang bị điều tra vì vận chuyển, mua bán hàng hóa có nguồn gốc ăn cắp, làm người Việt cảm thấy hết sức xấu hổ. Và đây cũng không phải là lần đầu tiên, đội ngũ tiếp viên, kể cả phi công Vietnam Airlines bị dính vào những vụ buôn lậu, tiêu thụ hàng ăn cắp tại Nhật.

Rồi nào câu chuyện về một số cửa hàng, siêu thị ở Nhật, Đài Loan, Thái Lan có gắn bản thông báo bằng tiếng bản xứ và tiếng Việt để cảnh báo nạm ăn cắp vặt của người Việt, bức tâm thư của một du học sinh Nhật về những điểm chưa hay trong văn hóa Việt... chỉ là những ví dụ gần đây nhất.

Đối với dân Anh và một số quốc gia Đông Âu thì cộng đồng người Việt nổi tiếng bởi nạm trộm "cỏ" từ cấm sá, bị cảnh sát số tại bắt nhiều vụ, hoặc vượt biên trái phép, ở lậu trên xứ người... Với Hàn Quốc, Đài Loan là tình trạng cô dâu Việt bằng mọi giá lấy chồng xứ họ, với Thái Lan, Cambodia lại là hình ảnh những cô gái Việt, thậm chí cả trẻ em gái, chấp nhận bán phấn buôn hương ở xứ người v.v...

Nên đừng trách vì sao đôi khi người Việt có cảm giác không muốn nhận mình là người Việt khi đi ra nước ngoài. Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt từng phát biểu ông cảm thấy nhục nhã khi cầm cái hộ chiếu Việt Nam, câu nói đã bị cắt ra khỏi ngữ cảnh, bị chỉ trích dữ dội bởi báo chí Việt Nam lúc đó, trong khi ai cũng biết đây là một sự thật và lẽ ra chúng ta phải nhìn vào đó để sửa đổi.

Nhưng có lẽ, cũng như những câu chuyện đáng buồn về việc thiếu lòng tự trọng, nạm tham lam, tham nhũng ở trong nước, những sự việc đáng xấu hổ, làm xấu hình ảnh Việt Nam trong mắt bè bạn quốc tế rồi cũng sẽ qua đi, sau vài ngày gọi lên đủ trạng thái giận dữ, nhục nhã, buồn rầu trong chúng ta. Sẽ lại có thêm những chuyện khác. Và mọi thứ cứ thế tiếp tục tồn tại.

Chỉ cần 40 năm, kể từ khi Việt Nam thống nhất dưới sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của đảng cộng sản, đã quá đủ để biến đất nước này thành một quốc gia lạc hậu thua xa tất cả các nước láng giềng về mọi mặt và người dân thì trở nên "xấu xí" như vậy!

SONG CHI

Chiều quê

PHỐ
ĐỒNG

Lúa xanh reo nắng đậu
Cánh cò mới đường qua
Lặng lội bỏ sương cũ
In hình điểm đồng xa.

Lũy tre thêm gió lộng
Bóng ngà chiều mòng lung
Chiều quê êm đềm xuống
Mùi lúa thoảng đưa hương.

Đất thơm mùi cỏ dại
Tanh nồng nước phen cay
Quyên thêm mùi rom rạ
Bức tranh quê hiện bày.
Mực đồng lung trâu cỡi
Trâu thông thả đường về
Tiếng sáo diều thoang thoang
Gió hiu thổi bốn bề.

Chuông chùa buông nhẹ tiếng
Lay động bóng chiều qua
Đèn nhà ai mới tỏ
Giọt nắng vắng bờ xa.



ĐẠI VIỆT SỬ

tiếp theo trang 14

SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM

từ Quảng Bình vào gần tới Quảng Nam bây giờ. Vùng đất này ở rất xa trung tâm nên giữ truyền thống để kháng, nuôi tinh thần tự chủ rất cao, từ đời Hán

n đến cuối đời Đường. Trong hai thế kỷ đầu,

các quận Nhật Nam và Cửu Chân cứ mỗi thế hệ lại xảy ra ít nhất một cuộc nổi dậy, như trong những năm 100, 136, 144, 157 (Chu Đạt), 178 (Lương Long), và 184. Các biến cố năm 136 và 144 đều do binh lính

nổi loạn. Tới năm 157, Chu Đạt từ miền núi ở Cư Phong tiến xuống đánh quận thành Cửu Chân, giết quan đô hộ là Nghê Thục ngay tại trạm; sau đó bị tướng nhà Hán là Ngụy Lang đem quân tới dẹp. Hậu Hán Thư ghi chép vụ

này, trong khi các cuốn sử nước ta như Việt Sử Lược và Đại Việt Sử Ký Toàn Thư bỏ qua không nhắc đến biến cố Chu Đạt. Cho nên có giả thuyết đoán Chu Đạt là một người Hoa; ông ta nổi loạn nhưng không lôi kéo được dân địa phương ủng hộ vì người Việt nhìn đó như một cuộc tranh chấp giữa các người chỉ huy đám quân nhà Hán. Nhưng hành động của Ngụy Lang chém đầu hai ngàn quân nổi dậy, kể cả Chu Đạt, cho thấy chính sách đàn áp tàn nhẫn của họ không phân biệt người gốc Hoa hay người gốc Việt. Đó là một lý do

khiến nhiều người lính viên chinh và di dân gốc Hoa thấy họ gần người bản địa hơn. Trước cách cai trị tham tàn người ta không còn thấy di dân và người bản xứ khác nhau nữa. Sử gia Trần Gia Phụng nhận xét rằng, "Nhìn chung, các cuộc khởi nghĩa do người bản địa có Việt hay người Hoa đi cư lãnh đạo, thường bùng nổ trong thời gian các viên chức đô hộ là người gốc từ Trung Hoa gọi sang cai trị" (Việt Sử Đại Cương, 2004). Trong các cuộc nổi loạn trên, nhiều người gốc Hoa đóng vai khuấy động, xúi dục và xung phong đứng đầu, chỉ

tiếp theo trang 1

HỌC TIẾNG NÀO TỐT NHẤT?

vừa công bố một dự thảo đưa tiếng Hoa vào bậc tiểu học và trung học với lượng thời gian bốn tiết mỗi tuần. Tôi ngạc nhiên tự hỏi tại sao lại có một chính sách giáo dục đi ngược đà tiến của thế giới đến như vậy. Nhưng sau đó, một thông cáo khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo giải thích là "học sinh dân tộc Hoa ở Việt Nam".

Dù chỉ dành cho học sinh các "dân tộc thiểu số" thôi, tôi vẫn nghĩ đó là một chủ trương sai. Ngoại ngữ là phương tiện để hội nhập vào thế giới. Học

ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước. Với thời gian và nguồn năng lực giới hạn, học sinh Việt Nam nói chung chỉ nên tập trung vào một hay hai ngoại ngữ, trong đó Anh ngữ phải được xếp quan trọng hàng đầu.

Hai trong số những ưu thế của Ấn Độ là dân chủ và Anh ngữ, nhưng có dịp trực tiếp làm việc vài tuần ở đó tôi mới hiểu rõ hơn về sức mạnh của dân chủ và sự tiện dụng của tiếng Anh trong đời sống tại quốc gia này. Tôi xin trích vài đoạn trong kỷ sự về chuyến đi thăm Ấn Độ của tôi

có liên quan đến việc học tiếng nước nào tốt nhất qua mỗi giao tình với một anh tài xế taxi và đời sống của các chuyên viên kỹ thuật ở Ấn.

Cuối tháng Hai, sau hai tuần đi với nơi trên miền bắc, chúng tôi từ New Delhi trở lại Bangalore, thành phố lớn nhất ở miền nam và được xem như "Silicon Valley" của Ấn Độ. Càng đi về phía nam như Chennai, Madurai, chúng ta sẽ gặp người dân Ấn có màu da đen hơn. Theo lịch sử văn minh Ấn, người miền bắc gốc Aryans da trắng và miền nam gốc Dravidians da đen. Các cuộc di dân giữa hai miền qua suốt chiều dài lịch sử đã làm cho màu da ngày càng báo hóa dần nhưng vẫn còn khá rõ giữa dân Ấn hai miền nam bắc. Giống như người Việt, người Ấn hay nhấn mạnh về lịch sử bảy ngàn năm của họ. Đứng ra, các

nhà văn minh học chỉ công nhận năm ngàn năm lịch sử Ấn, còn hai ngàn năm kia dựa vào các huyền sử hơn là các khám phá khoa học.

Đón gia đình tôi ở phi trường cũng là VJ. Tôi sẽ gọi tên anh như vậy trong bài này. VJ là người tài xế đầu tiên đưa đón tôi ở Bangalore hai tuần trước. Gặp lại nhau ở Bangalore, anh rất mừng. Tôi kể anh nghe chuyện đi từ bắc xuống nam. Nhiều nơi tôi đến như Varanasi, Samath anh chưa từng qua. Trong bốn tài xế đưa đón chúng tôi trong thời gian làm việc và thăm viếng ở Ấn, VJ xuất sắc trong nhiều lãnh vực. Anh học đại học nhưng vì lý do gia đình nên không hoàn tất. Ba anh mất sớm, anh phải đi làm để nuôi mẹ, rồi mẹ cưới vợ cho anh và vợ chồng anh có con đầu lòng. Bây giờ trở lại trường rất khó. Anh được tuyển dụng làm

tài xế xe tắc xi cho một công ty du lịch hợp đồng đưa đón khách cho bộ phận Ấn Độ của công ty tôi đang làm việc. Nhờ khả năng tiếng Anh, đức tính tốt và tinh thần làm việc tận tụy, hãng thường yêu cầu anh đón đưa các khách từ Mỹ sang. Trình độ tiếng Anh giúp cho anh VJ có một đời sống khá đầy đủ trong lúc các tài xế khác cùng công ty vất vả hơn nhiều. Khách Mỹ sang thăm Ấn thường tặng tiền thưởng rộng rãi vì ngoại thời quen cho tiền "tip" và tỉ giá cao của đô la so với Rupee, tiền thưởng chẳng phải tiền từ túi riêng của họ. Về Mỹ họ sẽ khai chi phí chuyến đi và được hoàn trả lại đầy đủ. Tiếng Anh không những giúp VJ có được các tiện nghi của đời sống nhưng quan trọng hơn là kiến thức và những giá trị tinh thần khác làm phong phú thêm đời sống con người anh.

huy. Nhưng đây chỉ là những cuộc nói loạn vì bất mãn, đòi thay đổi chính sách và người cai trị, không phải vì tinh tự dân tộc. Việc khởi nghĩa đòi độc lập phải chờ tới khi các thủ lãnh của giống dân Việt trong hệ thống có truyền tham gia hoặc xuống xuất.

Trong hai thế kỷ, các viên quan do họ đa số thuộc hàng "khố lại," tức là quan ác, chưa có người địa phương được bổ nhiệm. Mỗi lần lính hay dân nổi dậy nhà Hán lại cử các "thuần quan" sang thay thế. Sử Trung Hoa không mô tả chính sách quan lại tàn ác như thế nào. Đợi sau biết được nhờ đọc chuyện những vị quan mới, các "quan tốt" được đưa tới Giao Chi để "sửa sai" và phủ dụ dân. Trong tiểu sử của những viên quan mới thế nào cũng viết những đoạn kể lại các lỗi lầm của viên quan cũ, mục đích để nêu thành tích, ca tụng ông quan tốt.

Sau khi lính và dân ba quận cùng nổi năm 144, Thái thú Hạ Phương phải công bố chính sách đại xá, giảm bớt việc bóc lột và đàn áp, lính và dân chịu yên. Cả hai cuộc nổi loạn của binh lính trong những năm 136 và 144, chắc sử Trung Hoa căn cứ vào báo cáo của các quan cai trị mới được đưa tới làm công việc "phủ dụ." Nhưng không thấy nói gì đến việc dân chúng tiếp tục phản kháng nữa hay không.

và được bao lâu. Cũng không mô tả các vấn đề đem thương thuyết để chấm dứt xung đột; không cho biết lính và dân có đòi được những quyền lợi gì không, khi chịu "ngưng chiến." Các chi tiết bị bỏ qua đó có thể chúng tỏ là các cuộc nổi dậy để nhằm đòi thay đổi một vài viên quan vì họ bị áp bức quá đáng. Cho nên sau khi giết hay đui được tham quan thì họ lại chịu ở yên khi thấy ông quan mới tốt hơn. Trong các biến cố này, chính những người đang cộng tác với chính quyền do họ đã xuống xuất. Sau đó có lẽ vì họ được đối đãi tử tế hơn nên ngưng; nhiều người có thể tiếp tục được các viên quan mới sử dụng. Vì những thủ lãnh nổi loạn thuộc quân ngũ từ Trung Hoa qua, cho nên họ có thể thỏa hiệp dễ dàng với vị quan mới đến. Họ có công nuôi dưỡng tinh thần bất phục tùng, khiến người chung quanh không còn sợ triều đình trung ương nữa.

Tại Cửu Chân và Giao Chi những cuộc nổi loạn của binh lính cũng diễn ra nhưng ít hơn.

Quần lính ở Giao Chi liên tiếp dấy loạn hai lần trong 15 năm, chiếm cả thành trì. Khi lính cưỡng lệnh không ra trận, hoặc nổi lên chiếm trụ sở đô hộ, chắc phải có người thuộc hàng chỉ huy khởi xướng. Những người chỉ huy, từ cấp đội trở lên chắc phần lớn là người gốc Hoa.

Những người lính gốc Hoa khích động những người bất mãn khác cùng "làm loạn" như thế là loại người như thế nào, và tại sao họ được đóng vai thủ lĩnh? Chắc đó là những người vốn tinh minh mạnh bạo, buồm binh và liêu lĩnh hơn người bình thường. Chính họ có thể là những tội phạm bị bắt đi lính, nếu không cũng là những người thích phiêu lưu mạo hiểm khi tòng quân đi xa như vậy. Họ có thể đóng vai thủ lãnh, vì đã từng quen việc chinh chiến, tập được các kỹ thuật chỉ huy, và lại hiểu rõ tình hình bên địch.

Keith Taylor suy đoán rằng một trăm năm sau cuộc chinh phục của Mã Viện, đám quân sĩ người Hán để lại từ Giao Chi vào tới Nhật Nam đã được địa phương hóa rồi. Trong một thế hệ đầu họ có thể đã giúp triều đình cai trị. Nhưng sau hai ba đời lập gia đình với người bản xứ, con cháu của nhiều người đó đã sống như dân địa phương. Họ có mấy đời mẹ, bà nội, hoặc ông bà ngoại là người Việt. Chính họ cũng thấy cảnh người dân bị bóc lột và áp chế trong đó có gia đình bên mẹ mình, cho nên họ đứng về phía dân chống tham quan những lại.

Tại sao các binh sĩ hay cấp chỉ huy thấp gốc Trung Hoa hay chống lại các đại diện của "thiên triều" nhiều lần

như vậy? Bởi vì Trung Hoa không phải là một quốc gia như nghĩa bình thường; đó là một tập hợp nhiều sắc dân, giống như trong các đế quốc khác.

Chúng ta nhớ lại rằng cho đến nửa sau thế kỷ 19 người Trung Hoa mới xây dựng một ý thức dân tộc, sau khi họ phản uất trước cảnh triều đình Mãn Thanh bị Tây phương hắt hiếp. Trước đó, dân Trung Quốc chỉ quan tâm đến những người cùng họ hàng; khi di cư những người khác họ hàng quy tụ lại nhưng vẫn lấy tiêu chuẩn là người đồng hương, người Quảng hoặc Phúc Kiến lập bang hội khác nhau. Vào giữa thế kỷ 20 khi chính quyền ở Nam Việt Nam bắt bỏ các "bang hội" thì người Hoa ở Chợ Lớn đã lập ra những hội cùng họ để thay thế. Chẳng hạn, thay vì Bang Quảng Đông, người ta lập Hội Những người Họ Trần. Từ tỉnh Quảng Đông ra đi, nhưng người Họ cùng tự phân biệt với người Tiều. Sau năm 1978 nhiều người Việt gốc Hoa đã sang Canada tị nạn. Khi tới một thành phố như Montréal, họ cũng không hội nhập được với xã hội người Hoa đã tới Canada từ thế kỷ trước. Chính họ lại thấy tham dự sinh hoạt với người Việt tị nạn dễ dàng hơn. Họ mở quán cung cấp thực phẩm cho người Việt, đi lễ chùa của người Việt, đi nhà thờ của người Việt, chứ không bước vào

được cộng đồng những người Hoa khác.

Cách đây hai ngàn năm, lòng trung thành của người lính trong quân đội nhà Hán chỉ hướng về các vị chỉ huy, cũng lắm là một ông vua. Họ không được tác động với thứ tình tự chúng ta gọi là lòng yêu nước. Những quân lính gốc Hoa này, nếu trong cùng một tiểu đội, có thể cùng cùng một sắc tộc, vì họ rù nhau đi lính hay bị bắt lính cùng một đợt. Ngoài các nhóm nhỏ đó ra thì trong cả đạo quân chiếm đóng phải có nhiều sắc tộc, nói các thứ tiếng khác nhau. Họ cũng khác các viên quan đang cai trị, cho nên lòng trung thành của họ đối với chính quyền trung ương không đáng kể.

Đa số đám binh sĩ này là người sinh trưởng ở phía Nam Trung Quốc, thuộc các sắc tộc mà phong tục, tập quán giống người Việt Nam hơn, khác người Hán ở phía Bắc. Một người lính phương Bắc mà gốc người nước Ngô (Giang Tô) cũng chẳng thấy liên hệ máu mủ nào với một ông quan gốc nước Sở ở phía Nam, hoặc ngược lại. Cho nên khi bất phục thì họ không tuân lệnh nữa. Tinh thần "kiêu binh" này còn được khuyến khích vì chính các quan đô hộ cũng không thiết tha đến việc bảo vệ chính quyền. Nhiều viên quan đô hộ thấy loạn là chịu thua ngay, lấy cớ bỏ của chạy

Những đồng nghiệp người Mỹ của tôi đã từng được anh đưa đón đều nói về anh với lòng kính trọng.

VJ giới thiệu với tôi về sức mạnh tâm linh của người dân Ấn. Dưới vỏ bọc của các đoàn quán viên chính Hối Giáo trên sang lục địa Ấn từ cuối thế kỷ 11, nếu không có một bức tường tâm linh dày và mạnh, Ấn Độ có thể đã trở thành một quốc gia Hồi Giáo như nhiều quốc gia ở vùng Trung Á. Tôi đồng ý nhưng cho rằng sức mạnh đó chưa đủ, bằng chứng Ấn Độ đã bị các lãnh chúa Hồi Giáo cai trị một cách sắc máu suốt mấy trăm năm và nếu không có thực dân Anh, có thể ngày nay vẫn còn bị cai trị. Tôi chia sẻ quan điểm của anh đối về thành phần Hồi Giáo cực đoan tại Ấn nhưng đồng thời cũng phê bình ảnh hưởng tiêu cực tôn giáo còn tồn đọng trong xã hội Ấn.

Sau tuần đầu đón đưa tôi mỗi ngày mấy bận, thảo luận và cả tranh luận trong lúc kẹt xe, chúng tôi mến nhau.

Tôi không còn xem anh là tài xế và anh cũng hết xem tôi như khách. Chúng tôi cùng ăn cơm một bữa, cùng uống cà phê một tiệm, trước khi gia đình tôi sang nghỉ hè, chúng tôi cùng lang thang trong những chiều nhộn nhịp sau giờ làm việc. Những chuyện đó được xem là bình thường ở Mỹ nhưng không xảy ra ở Ấn Độ. Theo lời VJ kể, anh chưa bao giờ ăn cơm chung hay ngồi nhâm nhi cà phê với khách, dù khách Ấn hay khách nước ngoài. Khi có các đồng nghiệp Ấn ăn cơm với tôi, VJ thường tránh đi chỗ khác. Tôi để ý các đồng nghiệp Ấn Độ thường lên giọng với những người cấp dưới và tỏ vẻ không vui khi nghe tôi kể chuyện tôi và VJ đi ăn



SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM

lấy người, hồi lộ mua đường để trốn về Tàu, chằm dứt cánh phải lưu đầy làm quan ở Giao Châu. Chúng ta thấy những ông như Tăng Cón, Vũ Hồn đã bỏ nhiệm sở thân nhiên như vậy. Những viên quan bỏ chạy này có nhiều người tốt, như hai vị vừa kể tên, và họ có thể thỏa hiệp mua đường về nước một cách bình an. Có thể vì trong đám thù lĩnh khởi nghĩa nhiều người Việt gốc Hoa cho nên hai bên có thể điều đình dễ dàng, tránh đổ máu. Nhiều người gốc Hoa đã chiếm cái ghế trống do các viên quan bỏ chạy để lại, cũng được dân ủng hộ như một vị "thuần quan" mới.

Nơi người quân từ ở Vào cuối thế kỷ thứ tư sang thế kỷ thứ năm các triều đại bên Tàu

thay đổi, trong miền đất Giao Châu khuynh hướng tự chủ và tự trị đã lên khá mạnh. Nhân nhà Tấn suy vi, một người gốc Hoa là Lý Tồn đã tự xưng là thứ sử, năm 380 cùng hai con đem quân chống lại Đổng Đốn Chi mới được cử sang nhậm chức. Năm 468 Lý Trường Nhân lại nổi lên tự chiếm quyền. Sau cuộc nổi dậy của Lý Trường Nhân, lợi dụng lúc nhà Lưu Tống bên Tàu yếu ớt, người em họ là Lý Thúc Hiến tự đứng ra cai trị Giao Châu trên 15 năm. Những người họ Lý này đều gốc Hoa, đã định cư nhiều đời ở nước ta nên sử Trung Hoa gọi là "thổ nhân," một tên họ cũng gọi Lý Bôn sau này. Khi nhà Nam Tề lên thay nhà Tống năm 479, Lý Thúc Hiến không chịu nộp thuế cống cho vua mới.

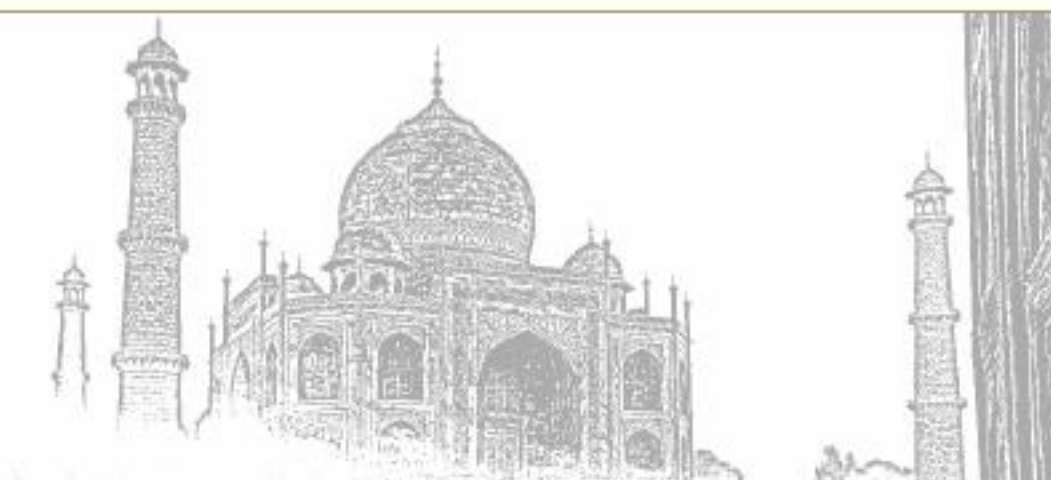
Ông còn bị tố cáo đã ngăn cản đoàn sứ giả Chiêm Thành đi tiến cống vua Nam Tề. Sau cùng ông vua cũng đành phong Lý Thúc Hiến làm thứ sử. Ông được khen là người giữ cho dân được ổn định, nhờ thế kinh tế phát triển. Đến năm 485 Thúc Hiến phải đầu hàng khi đạo quân Nam Tề mạnh hơn sang tấn công. Keith Taylor nhận xét rằng hai đời họ Lý trong hai thế kỷ nói trên cho thấy các gia đình lớn gốc Hoa định cư ở Việt Nam cũng chống đối cách đồ họ. Họ không theo lối hợp tác, chấp nhận thống thuộc như gia đình Sĩ Nhiếp hơn hai thế kỷ trước. Tiếng tốt dành cho Lý Thúc Hiến chứng tỏ những người Hoa hào phú cũng được dân Việt khâm phục, công nhận là thù lĩnh.

Hành động của mấy người họ Lý cũng khiến, khi cơ hội khác tới, dân ở Giao Châu nhận ra họ có khả năng sống tự chủ, tự lập. Tuy nhiên ông "quan nổi loạn" trên đây chỉ dám xưng là thứ sử, chưa "lý khai" khỏi triều đình phương Bắc, nhưng họ cũng tạo ra những tiền lệ: chuẩn bị cho các phong trào đòi độc lập sau này.

Giữa thời Tuyên Tông nhà Đường (847-860), quan đô hộ Lý Khắc rất tham tàn. Tân Đường Thư kể ông ta giữ độc quyền bán muối, "bắt dân đổi một con trâu lấy một đấu muối khiến người An Nam không chịu nổi." Đỗ Tôn Thành ở Ai Châu, thuộc một gia đình người Hoa đã sống tại nước ta từ thế kỷ thứ sáu, đã nổi lên, bị thua và bị giết năm 854 (có thuyết nói ông là một tù trưởng người Mán, liên kết với quân Nam Chiếu). Bốn năm sau, con trai là Đỗ Thủ Trùng lại cầm đầu một cuộc nổi loạn khác, bao vây La Thành, đuổi theo quan đô hộ về Tàu. Hành động này cho thấy tham vọng của họ cao hơn một tù trưởng bộ tộc địa phương miền núi. Cuộc nổi dậy thất bại,

Thủ Trùng bị bắt rồi bị chém đầu để đe dọa tất cả những người có ý đối kháng. Có thể thấy rằng các nhà hào phú gốc Hoa trên cũng chỉ theo một truyền thống của những hào kiệt bên Trung Quốc từ thời xưa. Họ hành động giống như khi nhà Tấn suy sụp Trần Thố, Ngô Quảng nổi lên hùng cứ một phương, mở đầu một thời kỳ rối loạn cho Lưu Bang, Hạng Vũ thi tài. Các cuộc nổi loạn của họ chắc chỉ ảnh hưởng tới những vùng thị tứ, chung quanh các phủ, thành, nơi có nhiều người Hoa sinh sống. Trong những thời kỳ rối loạn trên, không thấy sử Trung Hoa nói đến các cuộc khởi nghĩa nào từ những vùng tập trung dân Việt. Các thủ lĩnh người Việt không tham dự vào các cuộc đảo chính, tranh quyền này. Họ không nổi lên, vì dù ngôi vị quan đô hộ thay đổi theo các triều đại bên Tàu, họ vẫn giữ được ảnh hưởng tại địa phương như cũ, trong đời sống nông nghiệp, những gia đình có nhiều ruộng đất nhờ nhiều đời chăm chỉ làm ăn sẽ trở nên các nhà hào phú được người chung quanh nghe lời. Họ có thể coi các nông dân làm thuê hay cấy

HỌC TIẾNG NÀO TỐT NHẤT?



com chung. VJ đồng ý việc phân biệt đẳng cấp còn nhiều nhưng chỉ ở các vùng quê xa xôi, tại các đô thị lớn vị trí được quy định bằng quyền lợi kinh tế và quyền lực chính trị. Anh cho biết chuyện anh không ngồi chung bàn ăn với tôi khi có đồng nghiệp Ấn chỉ vì lý do nghề nghiệp quy định chứ không phải do đẳng cấp xã hội.

VJ nói về tương lai của con anh bằng niềm hãnh diện và hy vọng. Anh tin chế độ dân chủ tự do sẽ giúp cho đất nước Ấn vượt qua những hàng rào tiêu cực trong xã hội, xóa bỏ các tàn tích, các phân biệt, định kiến từ xưa để lại. Khi con người có quyền tự do phát biểu theo luật định và được bảo vệ bởi hiến pháp, các hàng rào tập quán tiêu cực sẽ dần dần được thay đổi. Theo anh, Ấn Độ đã thay đổi rất

nhiều và đang trên đường hiện đại hóa. Hệ thống xe điện tại Bangalore vừa khánh thành trước ngày tôi qua vài tháng đã giúp rất nhiều trong việc đi lại của dân nghèo. Dĩ nhiên, với một quốc gia có 1.2 tỉ dân, hàng trăm thứ tiếng, khoảng cách giữa giàu và nghèo còn dài hơn cả cầu Kampur 23 kilomet, mọi cái cách đều phải có thời gian. Vai trò và ảnh hưởng của truyền thông tại nhiều thành phố lớn của Ấn không thua kém gì các nước dân chủ phát triển.

Trong thời gian tôi ở đó vào đầu tháng Hai, một ông tướng Ấn khai mạc lý lịch và bị đưa lên tận Tối cao Pháp viện để xử. Mỗi khi mở CNN India là nghe chuyện ông tướng Ấn này. Tôi đem hỏi VJ và anh chàng giải thích, năm sinh của ông tướng Ấn này công bố trong hai tài

liệu không giống nhau. Tài liệu thứ nhất ông tướng khai ông sinh 1952 và tài liệu công bố sau ông tướng khai ông sinh 1953. Báo chí đưa vấn đề ra trước dư luận. Tòa phán quyết ông sinh 1952 chứ không phải 1953 như ông khai chính. Cuối cùng, vì khai khác biệt chỉ một năm thôi, ông tướng đã phải từ chức. Tôi nói với VJ, các bạn thật may mắn, tại Việt Nam, nhân dân nhiều khi không biết ngay cả tên thật của những người lãnh đạo đừng nói chỉ là ngày sinh tháng đẻ. VJ biết khá nhiều về Việt Nam và anh hy vọng Việt Nam cũng sớm có một ngày trở nên một nước tự do dân chủ như Ấn Độ.

Vì lý do nghề nghiệp tôi có dịp đi khá nhiều nhưng Ấn Độ để lại trong lòng nhiều kỷ niệm đẹp về văn hóa, lịch sử và nhất là con người. Không giống

như cách đối xử với các anh tài xế ở Chennai, Varanasi, New Delhi, tiền thưởng dành cho VJ tôi để trong một bì thư và kín đáo tặng cho anh ngay đêm đó. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi như hai người bạn bịn rịn tiễn đưa nhau ở một góc phi trường. Chúng tôi từng người bắt tay tạm biệt anh. VJ chúc con gái út tôi học giỏi và mong gặp vợ con tôi. Nhóm làm việc của tôi phấn lớn nằm ở Chennai, nên việc trở lại Bangalore, nhất là vợ con tôi, chắc là rất khó. Lần đầu tiên tôi bước xuống xe tắc xi mà nghe lòng quyến luyến với anh tài xế. Và anh có thể cùng vậy, ít khi đó một người khách xuống mà không muốn chia tay. Tình người quá thật vô cùng kỳ diệu.

Ngoài VJ, thành phần thứ hai tôi tiếp xúc nhiều nhất là các đồng

nghiệp trong ngành kỹ thuật thông tin như tôi ở Bangalore.

Trong số những thành phố tôi đi qua, Bangalore là thành phố hiện đại nhất, không chỉ điều kiện giao thông, thiết kế đô thị nhưng cả trong sinh hoạt hàng ngày của dân chúng. Bangalore có 8 triệu dân, là thủ phủ của tiểu bang Karnataka. Với mức tăng trưởng kinh tế 10.3% mỗi năm, Bangalore là một trong những tiểu bang phát triển nhanh nhất của Ấn Độ. Hiện nay, Bangalore đang đứng thứ sáu trong danh sách những tiểu bang có mức tổng sản lượng quốc gia tính theo đầu người cao nhất Ấn Độ. Báo chí so sánh Bangalore với vùng Santa Clara ở California, nơi được gọi là Silicon Valley của Mỹ. Rất nhiều chi nhánh hải ngoại của các công ty kỹ thuật



Bak VU NGOC TUAN

rẽ là thù tặc. Họ trở thành các lãnh tụ địa phương, qua nhiều đời. Từ khi nhà Hán sang chiếm nước ta, dòng dõi các gia đình có uy tín vẫn giữ được địa vị lãnh đạo ở mỗi vùng; họ có thể là con cháu các lạc tướng đời Hùng Vương. Họ không tùy thuộc vào hệ thống cai trị chính thức; nếu đóng thuế hay nộp cống phẩm

đầy đủ thì vẫn tiếp tục đóng vai thủ lĩnh ở địa phương mình. Trong những thế kỷ đầu bị Bắc thuộc, dân Việt vẫn giữ được quyền tự trị địa phương nhờ hệ thống các thủ lĩnh đó. Các thủ lĩnh Dân Việt thuần túy có thể đứng ngoài các cuộc tranh chấp diễn ra ở các phủ thành, vì coi đó là những tranh chấp nội bộ của đám quan

cai trị. Chắc họ tự thấy nếu tiến ra ngoài địa phận của mình thì cũng chưa đủ mạnh để tập hợp cả các vùng người Việt khác. Hai cha con Đỗ Tôn Thành, Đỗ Thủ Trưng cho thấy nhiều gia đình gốc Hoa ở nước ta thời đó đã đứng hóm hén phía dân bị trị. Chắc họ đã liên kết được với một số thủ lĩnh người Việt ở trung châu và ở

miền núi cho nên bình lực mới đủ mạnh để kéo từ Âu Châu (Thanh Hóa) ra tận Lạc Thành. Gia đình họ Dương gốc ở Âu Châu, chắc đã chứng kiến những cuộc nổi dậy của cha con nhà họ Đỗ, cho nên khi thấy thời cơ chín mùi Dương Diên Nghệ đã phát cổ khởi nghĩa, mở đường cho Ngô Quyền lập quốc. Có thể tin rằng dân

Việt từ hai ngàn năm trước cũng sẵn sàng hợp tác cùng những người gốc Hoa. Nhưng ông quan từ tế, chịu theo phong tục bản xứ, như Sĩ Nhiếp, còn được người ta thờ cúng và suy tôn làm "vương" dù chính ông ta không bao giờ xưng vương cả. Cao Biền là một vị quan nhậm chức, cũng

tiếp theo trang 35

thông tin Mỹ đặt tại Bangalore.

Phấn lớn các công ty nằm gần nhau trong các Công Viên Kỹ Thuật Thông Tin (Information Technology Park) và được bảo vệ an ninh thật chặt chẽ. Các tòa nhà máy gần đến nỗi khi mới bước vào lần đầu tôi tưởng chỉ một công ty tôi đang làm thôi. Các chuyên viên Ấn thay đổi công việc làm nhanh hơn các chuyên viên ở Mỹ rất nhiều. Tuy làm việc cho các công ty khác nhau, sự thông tin liên lạc giữa họ rất gần gũi. Một công ty nào đó cần người cả khu máy chủ công ty đều biết. Các kỹ sư, chuyên viên Ấn ăn cơm chung trong những nhà ăn lớn, đi xe chung, nghỉ ngơi chung, giải trí chung, tập thể dục chung. Ở Mỹ thay đổi một công việc nhiều khi còn phải báo nhà, ở Ấn thay đổi công việc giúp họ lên lương nhưng không ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt hàng ngày, vẫn đi một xe, làm việc trong một khu, ăn trong một nhà ăn và có thể cùng làm giống một giờ giấc đã quy định trong công việc trước.

Nhiều người nghĩ rằng

dân Ấn Độ có khuynh hướng giỏi về ngành thông tin kỹ thuật hơn dân các quốc gia khác. Tôi nghĩ điều đó không đúng. Lợi thế lớn nhất của các kỹ sư Ấn Độ là Anh ngữ chứ không phải vì họ thông minh hơn kỹ sư các nước khác. Nhóm tôi làm việc thường được gọi là "tiểu Liên Hiệp Quốc" vì nhân viên có gốc từ nhiều nước khác nhau nhưng ngoài tiếng Anh, tôi không thấy sự khác nhau nổi bật nào giữa một kỹ sư Ấn và một kỹ sư gốc Rumani. Mặc dù tiếng Hindi là ngôn ngữ quốc gia và tiếng địa phương là ngôn ngữ được dùng hàng ngày ở nhà, tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ của đời sống xã hội. Không giỏi tiếng Anh suốt đời làm những công việc có đóng lương được trả theo mức địa phương, và dĩ nhiên rất thấp so với lương các công ty nước ngoài. Hầu hết trường học đều dạy ba sinh ngữ. Một bảng hiệu, một thông báo trên đường đi được viết bằng ba thứ tiếng gồm Hindi, Anh ngữ và tiếng địa phương. Các kỹ sư vừa mới ra trường từ một đại học lớn ở Ấn Độ, nói tiếng Anh có thể còn khó nghe nhưng trình độ viết của họ không

kém gì kỹ sư Mỹ và có thể còn nghiêm chỉnh, chính xác hơn.

Sau khi giành được độc lập, một số chính trị gia Ấn Độ báo thù chủ trương chỉ dùng Hindi như quốc ngữ và loại hẳn Anh ngữ ra khỏi các chương trình giáo dục. Một khuynh hướng cho rằng chỉ nên dùng Anh ngữ trong bậc trung học trở lên thay vì từ bậc tiểu học. Nhưng cả hai chủ trương báo thù đều thất bại. Anh ngữ vẫn tiếp tục được xem là một trong ba ngôn ngữ chính thức tại Ấn Độ.

Lợi thế tiếng Anh đã mang đến cho các thế hệ chuyên viên kỹ thuật trẻ Ấn một cơ hội tốt khi các công ty Mỹ vào đầu thập niên 1990 bắt đầu khai thác các thị trường thông tin kỹ thuật ở các nước đang phát triển. Rất nhiều để ăn tin học có thời gian rộng rãi để hoàn thành không cần phải được viết tại Mỹ với giá cao. Tương tự, các công việc bảo trì các cơ sở dữ liệu phải làm vào ban đêm theo giờ Mỹ lại rất thích hợp để làm tại Ấn vì cùng lúc bên đó là ban ngày.

Nguồn cung cấp lớp chuyên viên và kỹ sư

trẻ thỏa mãn hai điều kiện kỹ thuật và tiếng Anh không đâu khác hơn là Ấn Độ. Từ đó đã tạo nên một truyền thống giáo dục, thúc các thế hệ học sinh Ấn theo học các ngành kỹ thuật và giúp cho Ấn Độ phát triển nhanh trong lãnh vực này. Tuy nhiên, thị trường của các ngành kỹ thuật thông tin tại Ấn đã đến mức bão hòa. Lương bổng cao vì sự cạnh tranh giữa các công ty ngoại quốc. Ngay cả một số kỹ sư gốc Ấn làm việc tại Mỹ cũng trở về làm việc cho các công ty nước ngoài tại Ấn để vừa gần gũi gia đình vừa có một đời sống tốt. Các công ty Mỹ đang nhìn sang các quốc gia khác ở Á châu nhưng thách thức lớn nhất của các thế hệ kỹ sư trẻ trong vùng này vẫn là Anh ngữ.

Những bữa cơm trưa ở Bangalore, tôi thường ăn cơm chung với các chuyên viên người Ấn trong những nhà ăn rất rộng. Đa số họ còn rất trẻ, vui tươi, năng động. Nhìn họ tôi thầm nghĩ đến các thế hệ trẻ Việt Nam. Nếu có điều kiện để được tự do phát triển và có một trình độ tiếng Anh tương đối

vùng vàng, các thế hệ trẻ Việt Nam sẽ phát triển rất nhanh, không thua kém, đừng nói chỉ Ấn Độ, mà bất cứ một quốc gia nào khác trên thế giới.

Tiếng Anh không nên hiểu đơn giản là tiếng của người Anh hay người Mỹ nhưng là ngôn ngữ có tính phổ quát nhất trong cộng đồng nhân loại ngày nay với ít nhất được 58 quốc gia công nhận như là ngôn ngữ chính thức và hầu hết các quốc gia còn lại đó xò nhau đi học. Cùng với sự phát triển của các mạng lưới thông tin xã hội như Twitter, Facebook v.v., nhằm nối kết con người dù họ đang sống một góc nào đó của thế giới, vai trò của Anh ngữ càng thêm quan trọng. Sự thành công của Ấn Độ, Singapore cho thấy chính sách ngoại ngữ của một quốc gia là một chính sách giáo dục dài hạn, không nên đặt ra các chương trình học ngoại ngữ chỉ để đáp ứng nhu cầu chính trị ngắn hạn, và nhất là chỉ để làm vui lòng giới lãnh đạo một "nước lạ" nào đó.

TRẦN TRUNG ĐẠO



TRÊN SƠI DÂY ĐÀN

Ngôi nhà nằm giữa cánh đồng cỏ lau, gió thổi mát dịu, ánh nắng chiều còn hơi chói gắt. Quanh nhà có hàng chuối, cây đu đủ, một cây xoài và một vài cây không biết tên. Đứa trẻ đang đùa chơi một mình. Mẹ mãi. Cánh đồng lau trắng như một vương quốc riêng. Có khi chơi mệt, chú lau thật sạch cái hiên nhà trắng xi măng nứt nẻ rồi ngửa người ra ngắm mây trời, thấy mình nhẹ như cánh chim. Phía thật xa là một cây bạch đàn cao vút, lẻ loi được chú xem như một người bạn, nhờ gió gửi những lời hỏi thăm nhau. Ngày tháng êm đềm trôi. Đứa bé trưởng thành đi ra khỏi cánh đồng lau, đi xa lo lắc tìm kiếm những điều huyền mộng. Tỉnh thức khỏi cơn mê sáng, chàng ta mới nhận ra tất cả nơi mình sống và đi qua đều nằm trên một sợi dây đàn vĩ đại. Mỗi một nhịp rung ngân là một chu trình sinh diệt. Cuộc đời có thể thơ mộng như vậy sao? Chưa kể còn



Bài: DOCHAIL TRẦN

bao nhiêu sợi dây đàn khác đan xen, rung ngân những điều không thể nào diễn tả. Trên những thế giới song song ấy thế nào cũng có một ngôi nhà giữa đồng cỏ lau, có một đứa bé là hóa thân của chàng. Chúng cũng đang miệt mài chơi đùa với cỏ dại với mây trời. Các nhịp rung ngân của giây đàn hòa chung với nhau một bài ca bất tận về hiện hữu. Chàng vui mừng quay trở về nhà cũ, cố gắng giữ gìn hình ảnh đứa bé chơi giữa đồng cỏ lau. Chỉ để cho điều đó được phản chiếu qua nhịp rung ngân muôn trùng của tất cả pháp giới, để tất cả những đứa trẻ khác có một buổi chiều tươi đẹp chơi đùa giữa đồng lau. Rồi những đứa trẻ ấy lớn lên lại ra sức giữ gìn pháp giới đẹp đẽ ấy cho đời sau. Giai điệu cung đàn thật tuyệt diệu, vang vọng đến tất cả chúng ta qua tiếng gió thổi qua màn, tiếng sóng biển vỗ vào ghềnh đá, tiếng rơi của lá vàng, tiếng chân đi trên đường vắng, tiếng con thuyền trôi trên sông quê. Chỉ có điều chúng ta thường không hay biết đó là tiếng của cung đàn vũ trụ, cũng không biết rằng cảnh giới tươi đẹp đó là sự nỗ lực giữ gìn của bao nhiêu người phát tâm nguyện đại từ bi.

Sài Gòn, ngày 17/3/2014

HOÀNG LONG



tiếp theo trang 7

MỘT THỜI TRUYỀN LUẬT

tinh hợp lý, Phật Giáo để cho được tồn tại và phát triển, nhưng đệ tử của Phật không thể chỉ nói, "tôi cốt tu tâm; còn giới luật là phụ." Vì sự tu tập của mỗi người có những quan hệ ảnh hưởng đến nhiều người khác. Trong mười mục đích Phật chế luật có nói: vì mục đích khiến cho người chưa tin Phật thì được tin; người đã tin thì tín tâm càng tăng trưởng.

Tại Trung Quốc, khi Ngài Thái Hư bắt đầu

vận động cải cách Phật Giáo, nói bật với ba mục tiêu cách mạng: "Cách mạng giáo lý, Cách mạng giáo chế, Cách mạng giáo sản." Trong đó mục tiêu cách mạng giáo chế nhắm đến cải cách tinh thần bại hoại của lớp tăng lữ đương thời. Ngài tự nêu lên hai câu làm châm ngôn lý tưởng: "Hành tại Du-già bỏ tất giới bổn. Chỉ tại chính lý tăng giã chế độ."

Về tình trạng tăng lữ thời đó, có thể dẫn

lời của Pháp Sư Tục Minh (1918 - 1966), viết trong Giới học khái thuyết: "Cho đến thời đại gần đây, chế độ tông lâm thời trước bị phế bỏ không hành nữa. Nghi thức thọ giới thì cũng chỉ như đem dề đi cùng thần. Phẩm hạnh của tăng nhân do đó mà xuống thấp. Phật Giáo suy bại đến cực điểm, suy cho ra nguyên nhân, thì là do bởi bỏ phế việc học giới..."

Tình trạng nước ta có

vậy hay không, để các vị cao tăng đại đức, ẩn cư trong núi rừng vắng vẻ, bóng đèn ra "gánh vác việc đời". Nhưng thực tế có thể biết chắc là các vị Tôn Túc hàng đầu trong công cuộc vận động chấn hưng Phật Giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng của ngài Thái Hư không phải ít. Động lực chính của công cuộc chấn hưng, theo như lời Trưởng Lão Thiện Hoa nói trong Năm Mươi Năm Chấn Hưng Phật Giáo: "Gần 100 năm về trước, quê hương Tổ quốc của chúng ta bị người Pháp đô hộ. Dân tộc ta và những gì mang nặng dân-tộc tính, có tinh thần quốc gia đều bị thực dân Pháp bóp chết. Phật Giáo Việt Nam nằm trong tình trạng ấy.

"Nhưng không hẹn mà nên, 50 năm về trước, các vị Tiên Bối cùng nằm trong một thời kỳ, cùng trong một hạnh nguyện, đã khởi xướng và đẩy mạnh Phong trào Chấn Hưng Phật Giáo Việt Nam."

Việc Phật Giáo bấy giờ bị "thực dân bóp chết" không phải chỉ là cách nói suông. Sự thực lịch vẫn còn đó: chùa Khai Tường trong Nam, được dựng bởi vua Minh Mạng; tháp Báo Thiên ngoài Bắc, được dựng bởi vua Lý Thánh Tông, không phải tự nhiên biến mất, để rồi tình cờ sau đó xuất hiện Vương Cung Thánh Đường, và Nhà thờ Chúa Giuse.

Dẫu sao, đó cũng chỉ là ma chướng bên ngoài. Chính ma



Ảnh: LÊ VĂN BUNG

chương bên trong mới đáng nói. Chúng ta hiện không có nhiều sử liệu từ phía nhà chùa để biết tình hình sinh hoạt tăng lữ thời ấy ra sao, trước khi phong trào chấn hưng phát khởi. Tuy vậy, qua ca dao tục ngữ, vẫn biết một phần. Chỉ có điều, khó xác định thời đại của những câu châm biếm nhà chùa này.

Xã hội Việt Nam trong buổi giao thời, một tầng nếp sinh hoạt tinh thần đạo đức trụy thoái trầm trọng dưới sức ép tiến bộ vật chất của phương Tây. Như nhà thơ Trần Tế Xương đã phác cất tiếng than: "Vấn minh Đông Á trời thu sạch. Này lúc cang thường đảo lộn ru?" Trong thơ của ông cũng không hiếm bài

châm biếm nhà chùa "công đức tu hành sư có lòng". Tuy nhiên, chưa thấy ở đâu mô tả tình trạng bại hoại đến độ như lời tâu của Đám Di Mông để nghị vua Trần Thánh Tông sai thái tăng đồ (Việt sử lược, dẫn bởi Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Nhân Tông): "Nay tăng đồ cùng với dịch phu quá nửa, bọn chúng tự kết bè đảng, dụng bậy thấy trò, tụ nhóm, ở bậy, làm nhiều việc đo, hoặc ở giới trường tinh xá, hoặc ngang nhiên rượu thịt, hoặc tại thiền phòng tịnh viện, riêng tự gian dâm, ngày ấn tối ra, như đàn cáo chuột. Chúng làm mất tục hư đạo, dần dần thành thói. Việc đó không cấm, để lâu càng tệ thêm." Thường thì người ta hay khoa đại hoặc cường điệu

cho vấn đề bị đả, với mục đích thuyết phục người khác nghe theo ý mình. Như chuyện Cụ Nguyễn Hiến Lê sưu đọc một quyển tiểu thuyết mô tả tình trạng dân nghèo bị áp bức ở quê miền Bắc, nói rằng, chuyện áp bức thì tất nhiên là có rồi, nhưng đến mức như chuyện kể, thì Cụ sống ở Bắc cho đến lớn, biết rất nhiều chuyện các làng, chưa nghe nói đâu ác đến như thế. Cho nên cũng không thể căn cứ vào chuyện ông Đám Di Mông để đánh giá sinh hoạt của giới tăng lữ dưới thời vua Lý Cao Tông được.

Nói vắn tắt, động cơ chính trong việc chấn hưng Phật Giáo, như ngài Trưởng lão Thiện Hoa nói rõ,

Trong bài "Tự ngôn" cho bản dịch Việt Luật Tứ Phần của Hòa thượng Đồng Minh, có đoạn viết: "Thế hệ thứ nhất trong phá hệ truyền thừa Luật tạng của Tăng già Việt Nam thời trũng hưng hiện đại bao gồm bóng mờ của nhiều bậc Thượng tôn Trưởng lão, uy nghi đỉnh đạc nhưng khó hình dung rõ nét đối với các thế hệ tiếp bước theo sau. Các Ngài xứng đáng là bậc Long Tượng chốn tông lâm, mà đời sống phạm hạnh nghiêm túc, phàm chiếu giới đức sáng ngời, tịnh như băng tuyết, mãi mãi ghi dấu trên các nẻo đường hành cước, tham phương, hoằng truyền Chánh pháp."

Thế hệ thứ nhất được nói đó, trong Nam, là

các Trưởng lão Hành Trụ và Thiện Hoa, ngoài Trung có Trưởng lão Đôn Hậu và Trí Thủ. Ngoài Bắc, tôi chỉ biết được Trưởng lão Bình Minh qua bản dịch Yết-ma chỉ nam mà thôi. Tuy nhiên, qua các câu chuyện kể của Trưởng lão Đức Nhuận, chùa Giác Minh Saigon, tôi biết thêm một ít về Tổ Tuệ Tạng, mà truyền thừa trực tiếp về luật là ngài Bình Minh miền Bắc và ngài Thiện Hòa miền Nam. Tổ là một trong các bậc Tôn Túc hàng đầu khởi xướng phong trào chấn hưng Phật Giáo.

Sự xưng tán đệ nhất hay đệ nhị ở đây tùy thuộc nhận thức chủ quan, trong ý tưởng đánh dấu khúc quanh chuyển mình của lịch



ĐẠI THỪA PHẬT

MỘT THỜI TRUYỀN LUẬT

Sự Phật Giáo Việt Nam, trong đó sự chấn chỉnh chế độ tăng gia, hoàng truyền Luật tạng là một thạch trụ vững chắc. Việc tri luật và truyền luật là mạch mạch liên tục của sự tồn tại Chánh pháp, nên khó có thể cắt tưng giai đoạn theo thời đại. Tuy nhiên, để có thể dễ dàng nhận thức những gì đang chuyển biến và nhiều khi có khả năng biến dạng của truyền thống tăng gia, nên sự phân chia mốc lịch sử và thời đại mang tính chủ quan trong phạm vi ước lệ cũng là điều cần thiết.

Các thế hệ trước, vấn đề tri luật và truyền luật như thế nào, tình trạng Việt Nam không giống ở Trung Quốc, không được ghi chép đầy đủ, dù ở mức tương đối. Vị truyền luật gần nhất trong lịch sử có thể biết được, đó là Tổ Pháp Chuyền, bốn sư của ngài Toản Nhật, dưới thời Tây Sơn. Nếu đi lên cho đến ngài Khuông Tăng Hội để biết buổi sơ khai luật đã được truyền và tri như thế nào trên đất Việt, để biết rõ hình thức tổ chức Phật Giáo đã tồn tại như thế nào, vấn đề quá lớn so với bài viết này, nên không thể nói bằng gọn được.

Tuy nhiên, điều không thể không lưu ý là tình chất chính thống trong lịch sử truyền của luật. Nghĩa là tăng gia mà các thành viên là tỷ kheo trực tiếp truyền thừa liên tục không đứt đoạn kể từ sau Phật Niết bần, dù sau đó theo bước chân hoàng hóa của các Thánh tăng Phật Giáo đã lưu truyền gần khắp châu Á, từ phía tây với Iran, cho đến viên đông với Nhật bản.

Trong lịch sử truyền thừa tại Trung Quốc, tuy truyền thuyết bắt đầu từ Ma-đăng và Trúc Pháp-lam, từ đó nhiều người theo Phật, nhưng chỉ thọ trì tam quy ngũ giới. Cũng có ngườiạo tóc, khoác mấn y, song không ai trong đó thọ đại giới. Vì theo luật Phật chế, nếu nơi biên địa, cho phép túc số Tăng năm tỷ kheo truyền giới cụ túc. Lúc bấy giờ tại Trung Quốc, các sư môn nước ngoài, từ Tây vực, hay từ Ấn độ trực tiếp đến, không khi nào hội đủ túc số năm tỷ kheo. Cho đến vào thời Tào Ngụy, trong khoảng Gia bình (Tây lịch 249-253), bấy giờ có Đàm-ma-ca-là (Dharmakāla) từ Thiên trúc đến Lạc dương, dịch luật Tăng kỳ giới tám, sau đó lại có sư môn Đàm-đế người An túc đến trụ tại chùa

Bạch mã dịch Đàm-vô-đức yết-ma. Từ đó ở Trung Quốc mới có sự truyền giới tỷ kheo theo túc số thập sư.

Về ni giới cũng vậy. Cho đến đời Tấn, niên hiệu Thông bình (357), sư môn Đàm-ma-kiết-đa lập giới đàn truyền giới tỷ kheo ni cho Tịnh Kiếm và bốn cô nữa. Đây được kể là tỷ kheo ni đầu tiên tại Trung Quốc, nhưng không đủ nhị bộ tăng, mà trực tiếp truyền từ tỷ kheo Tăng. Vấn đề đã được thảo luận, nhưng vì bấy giờ Trung Quốc chưa có ni thì không thể đủ hai bộ để truyền như luật định. Đàm-ma-kiết-đa cho rằng giới từ Đại Tăng mà có, này Đại Tăng đủ số thì có thể truyền.

Sau đó, vào năm Nguyên gia 6 (429), có sư môn Cầu-na-bạt-ma (Gunavarma) đến Trung Quốc, ni có Huệ Quả đem vấn đề thọ giới đặc pháp ra hỏi, ngài trả lời: không đặc, vì không đủ nhị bộ tăng. Lúc bấy giờ tại Trung Quốc có 8 vị tỷ kheo ni từ Tích lam sang, nhưng Cầu-na cho là chưa đủ số thập sư nên chưa chịu tổ chức giới đàn. Theo lời khẩn cầu của các ni có bấy giờ, Cầu-na-bạt-ma cử người sang đảo Sư tử, từ Tích-Lam ngày nay, thỉnh

thêm cho đủ Thập ni để truyền giới. Về sau, có thêm Thượng tọa ni Thiết-sách-la cùng bốn vị nữa từ đảo Sư tử sang, nhưng bấy giờ Cầu-na-bạt-ma đã tịch. Giới đàn khi ấy do Tăng-già-bạt-ma tổ chức, đủ hai bộ tăng túc số truyền giới tỷ kheo ni. Đây gọi là chính thức tỷ kheo ni như pháp được truyền thọ tại Trung Quốc.

Điều này cho thấy vấn đề truyền giới, tuy chỉ nói là hình thức, nhưng rất hệ trọng nên các Tổ rất thận trọng. Vì mạch mạch Tăng gia phải được kế thừa liên tục, như ngọn đèn tiếp nối, không thể ở đâu đó một nhóm người tự lập thành chúng, tự thọ giới và tự nhận là Tăng gia đệ tử Phật. Vấn đề cũng cho thấy sự nhiều khế trong những ngày đầu truyền giáo và truyền luật. Ngay tại thời Phật, chúng ta cũng biết rằng sau khi đức Phật quy định 2 năm học giới trước khi thọ tỷ kheo ni, nhiều vị ni đã thức mắc về sự đặc giới của Đức Bà Kiều-dâm-di cùng với năm trăm Xá-di, vì trước đó các vị này thành tỷ-kheo ni mà không có ai trải qua 2 năm học giới. Đức Bà phải lên thỉnh ý A-nam. A-nam lại phải một phen bạch lên Phật. Phật nói, tỷ kheo ni đầu tiên đặc giới bằng bát kinh pháp. Từ đó về sau, phải trải qua 2 năm học giới.

Câu chuyện tương tự cũng xảy ra tại Việt Nam. Mấy chục năm trước, có một vị Ni sư trưởng, nay đã tịch, nhấn luận về giới pháp

ni, bà nói với tôi: "Sau này học luật, chúng tôi mới biết. Nhưng trước đó chúng tôi thọ tỷ-kheo-ni mà không ai trải qua 2 năm học giới. Không biết có đặc giới hay không?" Tôi cũng không biết nên nghi thế nào, đặc hay không đặc. Nhưng ni chúng dưới sự dạy dỗ của các vị Ni sư trưởng này đã đều trở thành các vị tỷ kheo ni mà giới phẩm tuyền vời, được mọi người kính trọng. Cho nên không ai dám "y Kinh giải nghĩa", để mang tội là "tam thế Phật oan."

Đây là điểm khó khăn và cần nhắc mà các Tổ truyền luật phải thận trọng, chúng ta cũng hiểu những khó khăn của buổi đầu khai đạo. Vận dụng thế nào để mạch mạch truyền thừa như ngọn đèn tiếp sáng liên tục, gọi là "truyền đăng tục diệm". Đó là sự vận dụng trí não sao cho khế lý và khế cơ, thật không đơn giản.

Trong nhiều lúc giảng luận về Luật tạng, Hòa thượng Trí Thủ thường kể cho nghe nhiều chuyện xảy ra trong thực tế tương tự, mà các ngài nhiều khi thảo luận cả mấy tháng trời vẫn không dứt khoát. Khó khăn một phẩm vì tư liệu. Do tình trạng đất nước nghèo khổ, và tăng gia sư môn thường xuyên sinh hoạt trong sự túng thiếu, nên khó có đủ điều kiện để có được một bộ Đại tạng kinh như ngày nay, mà đa số các Chùa đều có thỉnh về để thờ. Có được bộ luật Trùng trị Trí Húc, hay bộ Từ phẩm như thích thì thật

là quý giá vô cùng đối với vị thích nghiên cứu luật. Khó khăn này tuy vậy không phải là quá khó. Điều khó khăn khó đã thông, là vấn đề phong tục dị biệt. Vì Luật tạng được kết tập tại Ấn-độ, mà ngay tại Trung Hoa, với sự nghiên cứu và hành trì sâu rộng thế mà nhiều chỗ còn không đã thông được. Hướng chỉ việc học luật của nước ta sau này chỉ có chỗ dựa duy nhất là các bộ Luật được truyền dịch, và số giới, tại Trung Quốc. Một vấn đề thực tế đã xảy ra, theo kế lại của Hòa thượng,

Tại Huế, lúc bấy giờ có một mệnh phụ, chồng chết, mãn tang rồi, xin xuất gia. Chư sơn thảo luận, khi nào thì cho thọ tỳ kheo ni? Nguyên trong Luật Từ phẩm, theo Hán văn, có quy định: "đồng nữ thập bát, tăng giá thập nhị, các nhị tuế học giới." Nếu theo giới thích của Yết-ma chỉ nam, câu này có thể hiểu là: thiếu nữ chưa chồng, đúng 18 tuổi; phụ nữ đã có chồng, sau 12 năm chồng chết; thêm 2 năm học giới sau đó cho thọ tỳ kheo ni. Theo đó, thiếu nữ chưa chồng, tuổi tối thiểu để thọ tỳ kheo ni là 20. Đã có chồng thì tính từ ngày chồng chết phải 12 năm sau mới cho thọ. Các vị thảo luận,

theo cách hiểu như vậy có điều không phù hợp thực tế. Thực sự, đây là vấn đề nhạy cảm. Vì trước sự nhiệt thành, nhất là với sự hiểu Đạo sâu sắc của bà mà chư Tôn Túc xác nhận, để chờ 12 năm nữa thì thiết thời cho ni chúng; mà cũng bởi định luật vô thường, thế thì cũng tội cho người nữ nhiệt tâm vì Đạo. Nhưng chữ nghĩa như vậy, giải thích sao đây? Tất nhiên, có vị đã không tin là Luật sư Chiêu Minh, tác giả Yết-ma chỉ nam, giải thích đúng Luật Phật. Tăng quyết định thế nào thì tôi quên mất. Nhưng theo lời Hòa thượng, ý kiến Hòa thượng lúc bấy giờ là cho thọ sa-di-ni rồi cho thọ thức-xoa ngay, để 2 năm sau bà thọ tỳ kheo ni cho kịp thời.

Sau đó Hòa thượng dạy tôi về lục xem trong Luật tạng Pali, điều này được nói như thế nào. Tôi đọc kỹ luật Pali đoạn liên hệ, lại tham khảo các bản dịch Anh. Các bản này đều có chú thích, nêu ý kiến người dịch. Tôi cũng tìm thêm các tài liệu trực tiếp từ các bộ luật khác, ngoài luật Từ phẩm. Sau đó, trình lên Hòa thượng. Đây là những buổi học luật của tôi với Hòa thượng, cùng với sự tham dự của Hòa thượng Đồng

Minh. Tôi dẫn tài liệu, nêu ý kiến của mình. Vấn đề này liên hệ đến tục tảo hôn của Ấn-độ. Nhân duyên được ghi rõ trong luật Tăng-kỳ thế này: Sau khi dòng họ Thích bị tàn sát, Đức Bà Kiều-đàm dẫn các Xá-di, đều là con cháu của các Ni trưởng trong vương tộc, về ngụ trong tịnh xá ni để bảo dưỡng. Phần lớn là bé gái, tuổi chúng 12 trở lên. Theo luật, tỳ kheo và tỳ kheo ni không được đem vật thực của tăng mà phân chia cho cư sĩ. Các cô bé này đều là cư sĩ, mà số lại rất đông, do không được mang vật thực của Tăng phần chia cho, nên rất chật vật cho Đức bà, và cùng các tỳ kheo dòng họ Thích đã xuất gia trước đó theo Đức bà. Vấn đề được trình lên Đức Phật để thỉnh cầu chỉ giáo. Nếu các cô bé này được cho thọ tỳ kheo ni, họ hợp pháp được tăng phần chia lợi dưỡng, thế thì các Bà không phải tự vắt thực vật và để nuôi con cháu nhỏ dại của mình. Đức Phật nhìn các cô bé, bảo rằng: "Còn nhớ quá." Nghĩa là con nít quá, làm sao kham nói giới pháp tỳ kheo ni? Các cô bạch Phật: "Chúng con đã từng làm vợ, đã từng chịu đựng hầu hạ chồng và mẹ chồng. Thế thì việc kham nhẫn

giới tỳ kheo ni, chắc là làm được." Đây là gốc bởi tục tảo hôn. Con gái chúng 8 tuổi đã có thể được gả chồng. Thời tục cổ, nước nào cũng thế, do trọng nam khinh nữ, thân phận phụ nữ, không kể lớn nhỏ, thường xuyên bị áp bức, nhất là làm dâu. Bất cứ làm dâu khi mấy tuổi. Hầu hạ chồng, mẹ chồng, có thể cả nhà chồng. Sự chịu đựng không phải tầm thường. Vì thế, sau khi nghe các cô bé thỉnh nguyện, Đức Phật quy định, mà văn Hán dịch như đã dẫn. Tuy nhiên, con số chính xác về tuổi, các luật không thống nhất. Như Từ phẩm dẫn trên, nhỏ nhất là 12 tuổi thọ thức-xoa, vậy 14 tuổi là cô tỳ kheo ni bé bỏng nhất. Nhưng có luật quy định, tuổi thọ thức-xoa thấp nhất là 14. Đây cũng là do phong tục quy định tuổi hôn nhân của mỗi địa phương.

Hòa thượng tán thành quan điểm, cho rằng ý ngài trước đây cũng nghĩ vậy, nhưng không có đầy đủ minh văn để làm bằng. Duy có điều, ở nước ta, dù một thời cũng có tục tảo hôn, nhưng cô tỳ kheo ni 14 tuổi thì con nít quá, khó chấp nhận.

Một lần khác, Hòa thượng nói với tôi: vừa

rái có Sư bà nhiếp chúng ở một ni viện đến trình Hòa thượng về việc ni chúng ở đó định tác pháp yết-ma tấn xuất một cô tỳ kheo ni do tội ăn cắp tiền, có bằng chứng. Số tiền đâu khoảng vài trăm, cũng đồng như vài chục ngàn bây giờ. Hòa thượng dạy: ăn cắp chúng đó, đâu nhiều gì, mà sao xử nặng thế? Sư bà thưa: Ni chúng thảo luận, vì luật chế, ăn cắp năm tiền trở lên là bị diệt tấn. Hòa thượng dạy, số tiền ấy là quy định mức tội theo mỗi nước, thời Phật tại thế. Chỉ khi nào ngang mức từ hình, mới gọi là thành tội diệt tấn. Hòa thượng không cho phép chư ni tác pháp diệt tấn đối với cô ấy, mà chỉ bắt tác pháp sám hối đúng theo luật quy định. May mà Ni chúng bấy giờ không xử trị oan khuất một người.

Vấn đề này sau đó cũng được thảo luận trở lại với sự tham dự của Hòa thượng Đồng Minh. Theo lời Hòa thượng dạy, tôi lại sao lục các tài liệu liên hệ về quy định mức tội ăn cắp. Với các tài liệu tôi trình, nghe xong, Hòa thượng Đồng Minh nêu ý kiến: Nếu xét 5 tiền là mức từ hình để định tội

tếp theo trang 44

Điều không thể không lưu ý là tinh chất chính thống trong lịch sử truyền của luật. Nghĩa là tăng già mà các thành viên là tỳ kheo trực tiếp truyền thừa liên tục không đứt đoạn kể từ sau Phật Niết-bàn, dù sau đó theo bước chân hoàng hóa của các Thánh tăng Phật giáo đã lưu truyền gần khắp châu Á, từ phía tây với Iran, cho đến viễn đông với Nhật bản. (...)

Vấn đề truyền giới, tuy chỉ nói là hình thức, nhưng rất hệ trọng nên các Tổ rất thận trọng. Vì mạng mạch Tăng già phải được kế thừa liên tục, như ngọn đèn tiếp nối, không thể ở đâu đó một nhóm người nổi lên, tự lập thành chúng, tự thọ giới và tự nhận là Tăng già đệ tử Phật.

Dường Như Hạnh Ngộ

Phong đêm ngọn nến lập loe
Tư trong địa phủ tôi xòe bàn tay
Bàn tay mấy ngón thần gầy
Thành hoa sen nụ tâm đầy cả hương
Ngồi đây trong lẽ vô thường
Mà nghe hạnh ngộ có đường chia ly
Khi có đến thì có đi
Có về trở lại "tư ngê" nào hay
Đời sống ơi, cõi mộng đây
Cái tham muốn tạm điều này thật không
Mà sao vẫn mãi ghi lòng
Của tôi, tôi giữ đừng mong cho người
Giữ... ă... cho đến mấy mươi
Thì buông bỏ cả ngắm cười về non
Ngồi nhìn trăng, đếm vuông tròn
Khoảnh hai chân lại nghe còn có tôi
Tôi ư, ngọn cỏ bên đời
Bước chân ai nhẹ tung lời kinh thư
Bóng đâu có bóng chân như
Thoảng qua phòng nhỏ dường như... mỉm cười...

Thơ tu hai chữ Thương Tâm 2007

NGÔ
VÂN
QUY



Hub: INTERST

"Chưa thay đổi được cách nhìn về văn học, người ta không thể sáng tạo được cái mới, đã đành. Người ta cũng không thể tiếp cận được với những cái mới của người khác, từ đó, dễ lên giọng chê bai cái mới này khắp khễnh, cái mới kia khắt khùng. Nói cách khác, người ta sẽ thất bại cả trong tư cách một người cầm bút lẫn trong tư cách một người đọc. Một sự thất bại toàn diện biến họ thành những kẻ ngoại cuộc trong cuộc vận động đổi mới." - NGUYỄN HUNG QUỐC

ĐỔI MỚI NHƯ MỘT SỐ PHẬN VÀ MỘT PHIÊU LƯU

NGUYỄN HUNG QUỐC



Nếu điển phạm không phải là những gì vinh cùu, nhất thành bất biến thì hệ quả đầu tiên và có lẽ, quan trọng nhất mà chúng ta có thể rút ra là: chúng ta không nên và không thể bắt chước các điển phạm mãi. Trong lãnh vực triết học, người ta thường nói: Thượng Đế đã chết; tất cả đều được phép; trong lãnh vực lý thuyết, Roland Barthes từng nói: cái chết của tác giả được trả giá bằng sự lên ngôi của người đọc. Ở đây, chúng ta cũng có thể nói: sự suy thoái của các điển phạm mở đường cho các cuộc vận động đổi mới văn học.

ĐỔI MỚI VÀ SỐ PHẬN CỦA VĂN HỌC

Các cuộc vận động đổi mới văn học như thế đã có ít nhất từ lúc ý thức về cá nhân mạnh mẽ xuất hiện, với nó, người ta xem cái riêng quan trọng hơn cái chung, như Rousseau viết trong cuốn Confessions: "Có thể tôi không hơn ai cả, nhưng ít nhất tôi cũng khác người." Nhấn mạnh và tự hào về cái khác ấy cũng tức là biểu dương cái mới như một giá trị. Giá trị của cái mới cũng đồng thời là giá trị của hiện tại: khám phá cái mới đồng nghĩa với khám phá cái hiện tại, khám phá ra bản chất của tri thức là một sự khám phá chứ không phải chỉ là một sự phục hồi như người xưa quan niệm, từ đó, từ

chối thái độ phục cổ và sùng cổ, hoặc nghi các quy phạm và các điển phạm. Những khám phá này đã dẫn đến việc hình thành chủ nghĩa hiện đại với vô số những cuộc thử nghiệm táo bạo và thù vị, thoạt đầu, ở châu Âu từ cuối thế kỷ 19, sau đó, lan rộng ra cả thế giới, trong đó có Việt Nam, trong thế kỷ 20. Trong lúc ở nhiều nơi, đặc biệt ở châu Âu, công cuộc đổi mới thường diễn ra một cách êm i và dứt khoát với vô số các tuyên ngôn, chủ trương và trường phái khác nhau, ở Việt Nam, các cuộc vận động đổi mới thường lặng thầm và đầy dục, lặp đi lặp lại nhiều lần, và lần nào cũng nửa vời, lừng lờ. Từ cuối những năm 1920 và đầu những năm 1930, người ta nghe, thoạt đầu là những lời thăm dò; từ bỏ truyền thống thơ Đường luật để đổi mới, mới từ ý tưởng đến mới trong văn thể. Giữa thập niên 1950, ở

Tôi đoán: mười, hai mươi năm, thậm chí, trăm năm hay vài ba trăm năm nữa, nếu còn loài người và còn văn học, thiên hạ vẫn lại tiếp tục nghe những lời kêu gọi đại loại như thế. Tôi chỉ muốn lưu ý: nên hiểu những cách nói ấy như là những khẩu hiệu nhằm bày tỏ những quyết tâm tìm kiếm những quan điểm mỹ học và những phương pháp sáng tác mới hoặc nhằm xây dựng một nền văn hoá văn chương mới hơn là một thực tế. Bởi không ai có thể hoàn toàn đoạn tuyệt được quá khứ của một nền văn học ở đó mình đã từng là độc giả cảm cú và đầy say mê. Ở châu Âu, đầu thế kỷ 20, một số lãnh tụ của chủ nghĩa vị lai (futurism) và chủ nghĩa đả đả kêu gọi đốt sạch tất cả các viện bảo tàng, các thư viện và các học viện để giải phóng trái đất khỏi những truyền thống nặng nề và rêu mốc. Thế nhưng, cuối cùng, ngay cả những người ấy cũng chỉ là

những giấc mơ chung của cả một cộng đồng mà họ là thành viên. Ví dụ, ở Việt Nam, với thế hệ của Trần Dần, hay trẻ hơn một chút, của Thanh Tâm Tuyền, Thơ Mới thời 1932-45 không phải là những gì ở ngoài. Ngược lại, nó đã là tuổi thơ của họ, lắng thật sâu vào tiềm thức của họ để từ đó âm thầm chi phối họ với tư cách là người đọc, và sau đó, với tư cách người viết. Làm sao mà đoạn tuyệt hẳn được? Không đoạn tuyệt được quá khứ, người ta cũng không thể phủ nhận được những thành tựu trong quá khứ. Cái gì đã trở thành lịch sử thì mãi mãi là lịch sử. Trong văn học, những gì đã hay và đã lớn đều trở thành những cái có điển. Mà đã là có điển thì sẽ còn lại mãi như những cột mốc trên chặng đường phát triển, từ đó, giúp người đọc qua bao nhiêu thế hệ khác nhau, hình thành được ý niệm về cái cũ và cái mới để tiến hành công việc đánh giá và phân

"chặt đứt quá khứ" hay "đoạn tuyệt với quá khứ", bởi vậy, chỉ là những cách nói có phần cường điệu hoặc chỉ là những ngộ nhận, nếu không muốn nói, thỉnh thoảng, là những sự vu oan. Đối mới và ý thức về sự tỉnh

Điều những người chủ trương đổi mới phủ nhận không phải là quá khứ mà là những ý đồ kéo dài quá khứ; không phải là các giá trị trong quá khứ mà là tính chất vĩnh cửu của các giá trị ấy. Họ tôn trọng và ngưỡng mộ các thành tựu trong quá khứ nếu là những thành tựu thực nhưng không xem những thành tựu ấy là những khuôn vàng thước ngọc muôn thuở mà người đời sau phải răm rắp noi theo. Họ biết, chẳng hạn, Thơ Mới thời 1932-45 là một trong những đỉnh cao nguy nga nhất trong lịch sử thơ ca Việt Nam; tuy nhiên, họ cũng biết thêm, chẳng hạn, ở vào nửa

với thời gian, không ai trong những người ấy - cũng như bao nhiêu tài năng kiệt xuất khác trong lịch sử nhân loại - có thể giữ được tính chất tiên phong cho thế hệ kế tiếp được nữa. Những cây bút ấy lớn, văn lớn, nhưng chỉ lớn như một sự kết thúc của một giai đoạn. Và giai đoạn ấy đã qua rồi. Nói cách khác, điều những người đổi mới muốn chặt đứt không phải là quá khứ mà là truyền thống; điều họ muốn phê phán chủ yếu không phải là những điển phạm mà là các quy phạm, dù trên thực tế không có một điển phạm nào lại không ít nhiều mang màu sắc của một quy phạm, và dù không có sự sụp đổ của một quy phạm nào lại không làm lung lay uy thế của một điển phạm tương ứng. Tính chất nghịch lý này làm cho công việc đổi mới thường dễ bị nhìn như một sự gây hấn, hơn nữa, phạm thượng; nó đụng đến những gì vốn được mọi người tôn

MẤY VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH VÀ LÝ THUYẾT VĂN HỌC

- Giới thiệu những lý thuyết văn học lớn trên thế giới từ đầu thế kỷ 20 đến nay
- Phân tích những vấn đề quan trọng và bức thiết nhất trong sinh hoạt văn học Việt Nam
- Trình bày những ý tưởng tâm đắc nhất của Nguyễn Hưng Quốc sau hơn 20 năm cầm bút

Nguyễn Hưng Quốc hiện là chủ nhiệm Ban Việt ngữ và Việt học tại Victoria University, Melbourne Úc, chuyên dạy về ngôn ngữ, văn học, văn hóa, chiến tranh Việt Nam và phương pháp giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. Ông thường xuyên đăng tải các bài bình luận chính trị trên trang blog của đài VOA (<http://www.voatiengviet.com>).

Trong số 16 tác phẩm ông đã xuất bản, ba tác phẩm mới nhất là: *Phân tích và Phân biện* (2011; tái bản 2013), *Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai* (2012; tái bản 2013), và *Văn học Việt Nam tại Úc: chính trị và thi pháp của lưu vong* (2013; tái bản 2014).

Cuốn *Mấy vấn đề phê bình và lý thuyết văn học* nay được Văn Mới xuất bản lần đầu năm 2007, nay được Người Việt in lại với một số sửa chữa nhỏ.



NGUYỄN HƯNG QUỐC
MẤY VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH
VÀ LÝ THUYẾT VĂN HỌC



NGUYỄN HƯNG QUỐC

MẤY VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH VÀ LÝ THUYẾT VĂN HỌC



miền Bắc, một số nhà thơ đòi "chôn thơ tiền chiến"; ở miền Nam, một số cây bút khác cũng hô hào: phải đoạn tuyệt văn học tiền chiến. Trong cả nước, từ giữa thập niên 1980, mọi người đều hô hào đổi mới. Cuối những năm 1990, ở hải ngoại cũng nghe văng vẳng những lời kêu gọi: vinh biệt nền văn hoá lãng để xây dựng một cộng hoà văn học ít nhiều mang màu sắc hậu hiện đại.

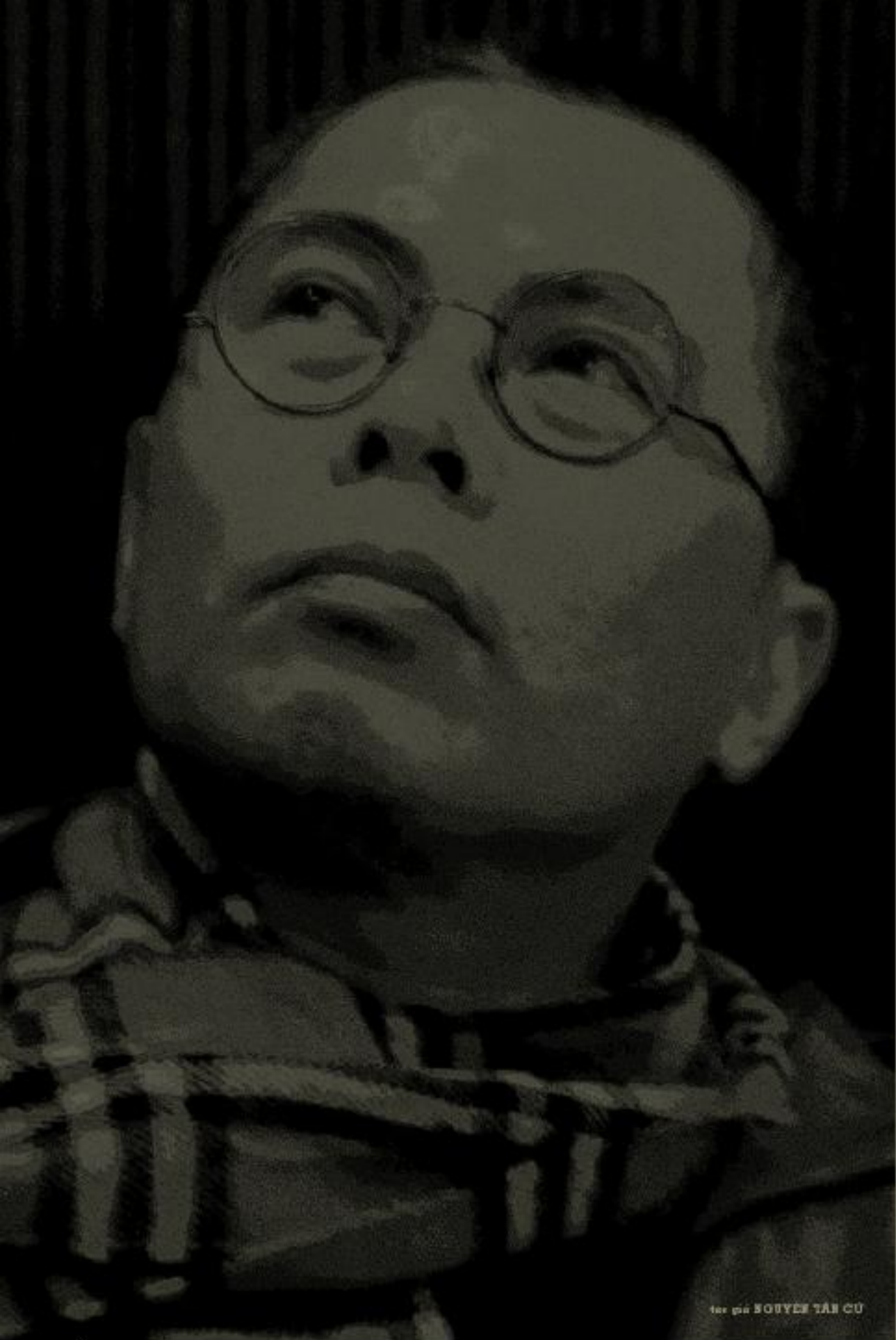
sản phẩm của chủ nghĩa hiện đại vốn nảy sinh trước đó. Qua việc đọc, cái quá khứ gần ấy cũng như cả những quá khứ xa xôi thời cổ đại và Phục Hưng dần dần được nội tâm hoá, trở thành một phần trong con người của họ. Hơn nữa, nó còn nhập vào ngôn ngữ mà họ sử dụng, trong cái khi quyn văn hoá mà họ sống, trong cái kỳ ừ tập thể mà họ chia sẻ; và cuối cùng, trong

loại các tác giả cũng như các tác phẩm và để xác định thế đứng của mình trong hiện tại. Không có những cột mốc ấy sẽ không có lịch sử. Do đó, phủ nhận những thành tựu trong quá khứ cũng đồng nghĩa với việc phủ nhận lịch sử nói chung. Đó là điều bất khả: không có lịch sử, cái mới sẽ trở thành vô nghĩa.

Những cách nói như "phủ nhận quá khứ",

sau thế kỷ 20 hoặc đầu thế kỷ 21, mà vẫn tiếp tục sáng tác hay thậm chí, cảm thụ trong hệ mỹ học của Thơ Mới thì lại là một sự thất bại. Họ biết, chẳng hạn, những cây bút hàng đầu trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm hay nhóm Sáng Tạo là những tài năng lớn từng góp phần làm chuyển hướng quá trình vận động của văn học Việt Nam hiện đại; tuy nhiên, họ cũng thừa biết, sau đó, cùng

sùng, và vì tôn sùng, tưởng là bất biến. Cách nhìn này, thật ra, chỉ là một ngộ nhận: những người đổi mới không hề muốn phá đổ các thần tượng; họ chỉ nhấn mạnh vào thời gian tính của các thần tượng ấy mà thôi. Có thể nói những người hô hào đổi mới là những người ý thức sâu xa về thời gian tính. Sống với khát vọng đổi mới thực chất là sống với ám ảnh bất an về thời gian, với niềm tin là



tác giả SOUYEN TAN CU

Nhiều khi nỗi buồn cũng như cơn mưa đi qua chiều. Như áng mây mắc nợ bên sườn núi. Bên kia đồi là mây giăng. Trên tàn cây là chim hót. Con đường dốc mở ra ánh sáng. Đôi khi anh thấy em mệnh mông như sương bạt ngàn như gió. Đôi khi em choán hết những lo âu phiền muộn. Đôi khi anh thấy trên cõi đời này không có gì đáng sống vì quá buồn. Mỗi một ngày trôi qua với anh là một dấu hiệu khác thường. Khác thường vì cú phone của em hôm qua khác thường vì một cú điện của bạn chiều nay. Khác thường vì phải thủ tiếp những cuộc ăn chơi không chừng vô ích.

Anh chỉ thấy mình xúc phạm đến con người xúc phạm đến những cuộc vui. Xúc phạm đến những điều bình thường mà đáng nhẽ ra anh phải biết bình thường. Anh chỉ thấy bất an lo âu mỗi một chán chường khi buộc phải đứng riêng ngoài những danh vọng hào huyền phù phiếm cho dù đó là những tối cần cho đời sống hiện tiền. Chỉ khi thoát đi rồi anh mới cảm thấy nhớ thấy rõ ràng vì thời gian đã trôi đi vì những lãnh đạm đang tràn tới. Như một

ĐỔI MỚI NHƯ MỘT SỐ PHẬN VÀ MỘT PHIÊU LƯU

mọi thứ đều có lúc sẽ phôi pha đi. Nghĩ như thế, họ chỉ còn một lựa chọn: đổi mới hay là tự trầm trong sự mục rữa và quên lãng. Trong khi đó, những người thủ cựu thường "may mắn" hơn: họ có cái ảo tưởng là họ có thể đạt tới một cái hay nào đó nằm ngoài hai phạm trù mới và cũ, hoặc nếu họ bị liệt vào phạm trù của cái cũ, họ cũng còn một ảo tưởng khác là cái cũ ấy đồng nghĩa với truyền thống, hơn nữa, nó còn đồng nghĩa với sự vĩnh hằng.

Không chặt đứt quá khứ, những người chủ trương đổi mới chỉ muốn tái tạo quá khứ. Theo tôi, trung tâm của vấn đề đổi mới nằm ở thái độ của chúng ta đối với quá khứ. Khác với những người bảo thủ vốn tin quá khứ là những gì đã hoàn tất và bất biến; những

người đổi mới xem quá khứ như một dự án vừa bất toàn vừa dở dang, không ngừng được tái thiết; và họ, một cách rất tự giác, sẵn sàng tham gia vào công cuộc tái thiết quá khứ ấy để phục vụ cho những dự án họ đang muốn thực hiện trong hiện tại và trong tương lai. Nhận định này, tôi biết, dễ gọi cảm giác chới vơi. Suốt cả hàng ngàn năm, người ta dễ dàng đồng ý với câu nói của kịch tác gia cổ đại Hy Lạp Agathon, được Aristotle nhắc lại: "Ngay cả Thượng đế cũng không thể thay đổi được quá khứ." Tuy nhiên, gần đây, quan niệm ấy đã bị phản bác. Samuel Butler "cãi" lại cả Agathon lẫn Aristotle: "Đã đành là Thượng đế không thể thay đổi được quá khứ, nhưng các sử gia thì làm được." Họ làm được vì, thật ra, không có cái gọi là

quá khứ khách quan và phổ quát cho mọi người. Quá khứ không phải là những gì đã xảy ra. Quá khứ chỉ là những câu chuyện về những gì đã xảy ra. Quá khứ của một thế hệ trái qua chiến tranh là những câu chuyện về cuộc chiến tranh ấy. Xóa bỏ tất cả các câu chuyện ấy; cuộc chiến tranh biến mất; và cùng với nó, một thế hệ biến mất. Quá khứ, như vậy, chỉ là một hình thức diễn ngôn (discourse), hay cụ thể hơn, một tự sự (narrative). Và cũng giống như mọi hình thức diễn ngôn khác, quá khứ là những gì được tạo ra hơn là những gì đã có sẵn; là những gì có thể thay đổi tùy theo kinh nghiệm và ý thức hệ của từng thành phần xã hội hoặc từng thế hệ khác nhau. Thậm chí quá khứ có thể thay đổi theo ngôn ngữ, trong chừng mực

nào đó, là sản phẩm của ngôn ngữ; mỗi thời, khi ngôn ngữ thay đổi, người ta nhìn về quá khứ, thấy một diện mạo khác hẳn. Ví dụ, sự xuất hiện của những khái niệm như "tự do", "dân chủ" hay "nhân quyền" không những làm thay đổi bộ mặt xã hội đương đại mà còn làm thay đổi cả sự tưởng tượng của con người về quá khứ: dưới ánh sáng của những khái niệm mới ấy, quá khứ trở thành tăm tối hơn, đầy những áp bức và những bất công, thậm chí mọi rợ nữa.

Không phải ngẫu nhiên mà những người có những chủ trương văn học khác nhau không những chỉ khác nhau trong những nỗ lực sáng tác ở hiện tại mà còn khác nhau ngay cả trong cái quá khứ mà họ muốn nhìn lại. Một người có vũ cho dòng văn học hiện thực và đấu tranh chính trị sẽ thấy, chẳng hạn, trong nền văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, nổi bật lên vai trò chủ đạo của dòng văn học chống Pháp, từ Nguyễn Đình Chiểu đến Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, v.v... Một người có vũ cho xu hướng

lãng mạn, ngược lại, nhìn lại nền văn học cùng một thời kỳ, dễ thấy toàn những tiếng thở dài của những kẻ tương tư, từ Nguyễn Công Trứ đến Dương Khuê, Tản Đà, Hoàng Ngọc Phách, Đoàn Như Khuê, Trương Phổ, Đông Hồ, v.v... Công việc tái tạo quá khứ này, một mặt, xuất phát từ sự đồng cảm tự nhiên giữa những người đồng điệu; mặt khác, xuất phát từ nhu cầu viết lại lịch sử, hay găm giữ hơn, một thứ tộc phả văn học. Ở đó, người ta có thể xác định được vị trí của mình và những thay đổi mà mình có thể mang lại. Bởi vậy, một phong trào đổi mới văn học không phải chỉ thể hiện ở những sáng tác mới mà còn, với những mức độ nhiều ít khác nhau, kéo theo những lý thuyết mới, những cách thức phê bình mới và những nỗ lực viết văn học sử mới. Xem việc tái tạo quá khứ như một phần, hơn nữa, phần quan trọng của nỗ lực đổi mới cũng có nghĩa là xem việc thừa kế hay học tập là một phần quan trọng của sự sáng tạo. Nói cách khác, người ta chỉ có thể đổi mới được cách nhìn về văn học cũng như thay đổi các thủ pháp sáng tạo khi, và chỉ khi, người

con lóc bụi trần ai đang phủ chụp xuống phận người. Anh khinh bỉ những mối quan hệ khinh bỉ những liên kết của cuộc đời khinh bỉ những kẻ đang quá buồn vì không biết làm gì trong thế giới hỗn mang này. Cố gắng sống cố gắng vẫy vùng cố gắng trăn trối để tham vạm là "Tôi đây Tôi có mặt." Họ là những kẻ tội nghiệp. Tội nghiệp hơn những người Nông Dân đang mất hết đất đai mất hết những mồ hôi đang đổ xuống ruộng cày.

Cò đơn là một thứ được sản sinh ra bởi thù hận bởi những niềm tin đang bị khô hạn

đang bị tước đoạt. Cò đơn nhiều khi nó mang tên thánh tu đen tối trui trần. Mùa của những cơn bão lửa đang được hun lên từ những đám tro tàn. Không cần ai phải đào bới làm gì từ nó cũng bùng lên khi mùa đang gió bức. Đôi khi tưởng rằng quên nhưng có bao giờ quên. Đôi khi tưởng rằng nhớ nhưng kỷ thực cũng không nhớ gì. Vì nó như một vết thương hơn ba mươi năm rồi chưa lành miệng. Anh chỉ thấy nhừ nhối khi biết rằng hôm qua ở Sài Gòn dân đen đang bị đàn áp. Anh chỉ nghe rằng cũng hôm qua ở Bình Thuận Dân ngu đang tràn lên dừ

dội. Anh chỉ muốn điên lên khi những kẻ giết người chỉ bị "treo" là hết.

Sẽ không bao giờ ngu nữa đâu. Sẽ không bao giờ "đen" nữa đâu nếu các người - những kẻ cướp bạo tàn kia - đe dọa chúng tôi bằng máu. Sẽ không bao giờ nhả nhuc nữa đâu nếu các người cứ vờ tát vào mặt chúng tôi những nỗi buồn u uất. Các người đã "đánh đập chúng tôi nhiều lắm rồi."

Chúng tôi không chịu nổi nữa rồi!!!

CHÚNG TÔI KHÔNG CHỊU NỖI NỮA RỒI !!!

NGUYỄN TÂN CƯ

ta đã làm chủ được truyền thống. Không ai có thể vượt qua cái điểm hay cái giới hạn mà mình chưa đến. Đàng sau mỗi sự sáng tạo lớn, do đó, bao giờ cũng là một bề dày lịch sử và văn hoá nhất định. Đây chính là điểm phân biệt người đối mới thực sự với những kẻ liêu lĩnh và phá bình. Sự khác biệt ở đây cũng giống sự khác biệt giữa những nhà phiêu lưu và những tên bụi đời: Các nhà phiêu lưu làm nổi rộng diện tích của văn học trong khi các tên bụi đời chỉ làm cho văn học hoen ố đi mà thôi.

ĐỐI MỚI VÀ CÁI TÔI CỦA TÁC GIẢ

Tác tạo quá khứ, ngoài ra, cũng có nghĩa là tái tạo chính mình. Nhiều người, để có vũ cho những sự thay đổi trong văn học, thường lập đi lập lại câu châm ngôn "Hãy là mình", hay một biến dạng của nó: "Hãy thành thực". Với tôi, đó chỉ là một quan niệm cũ, cũ đến nhàm, hơn nữa, nhằm đến nhàm, nhằm đến vô duyên. Cũ, đã hăm: câu châm ngôn ấy đã có từ lâu lắm trong lịch sử nhân loại, và ngay cả ở Việt Nam.

Nó đặc biệt được nhấn mạnh bởi các nhà lãng mạn chủ nghĩa, những kẻ vừa đề cao chủ nghĩa cá nhân vừa tin vào cái tính "bản thiện" của con người, từ đó, chủ trương cảm tính bao giờ cũng tốt hơn lý trí, tưởng tượng bao giờ cũng tốt hơn những sự tính toán, tự nhiên bao giờ cũng tốt hơn kỹ thuật, tính chất nguyên thủy bao giờ cũng tốt hơn là tính hiện đại, nông thôn bao giờ cũng tốt hơn thành thị, v.v... Với những quan niệm như vậy, người ta đề dàng tin là thiên tài nằm ngay trong bản thân mình; con đường sáng tạo, do đó, cũng là con đường quay về với chính mình, dám tự là mình, chỉ cần thành thực với mình, và để mặc cho cảm xúc của mình tuôn trào dào dạt trên trang giấy. Chủ trương này, trên thực tế, một thời từng có ý nghĩa cách mạng lớn: ở Tây phương, nó phá vỡ tính chất duy lý và tính chất quy phạm nghiêm ngặt của chủ nghĩa tân cổ điển và giải phóng được cá nhân, đặc biệt về phương diện tình cảm; ở Việt Nam, nó phá đổ truyền thống văn học đề cao tính cộng đồng và tính phổ quát, dựa trên những khuôn sáo thoát thai từ

mỹ học trung đại của Trung Hoa, đặc biệt quan điểm "văn dĩ tải đạo". Tuy nhiên, tính chất cách mạng ấy đã chấm dứt với sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện đại khi nhiều nhà thơ đề cao tính chất phi ngã trong văn học, chẳng hạn Rimbaud: "Tôi là một kẻ khác", John Keats; nhà thơ lớn là kẻ không có cá tính, hay T.S. Eliot: "nhà thơ không phải là kẻ có một cá tính để diễn tả mà là kẻ có một phương tiện đặc biệt để sử dụng"; khi nhiều lý thuyết gia phát hiện, nói như René Wellek, "cái hay hay cái dở của thơ chẳng đáng gì đến sự thành thực cả"; bằng chứng: "những bài thơ dở nhất của những thanh niên mới lớn đều là những bài thơ thành thực." Đứng về phương diện lý thuyết, chủ trương đề cao sự thành thực hay thái độ "dám là mình" chỉ đúng với hai điều kiện: một, cái "mình" ấy là cái đã có sẵn, nó có trước sự hiện hữu của cá nhân; và hai, cái "mình" ấy mang tính độc đáo và độc lập bẩm sinh, nghĩa là tự bản chất nó đã khác với vô số những cái "mình" khác của thiên hạ. Hai điều kiện ấy, tiếc thay, không bao giờ có thật. Hầu hết các triết thuyết

hiện đại đều ít tin là có một thứ yếu tính nào xuất hiện trước hiện hữu như thế. Những người theo khuynh hướng hậu hiện đại, dù thuộc về Mác-xít, phân tâm học, nữ quyền luận, hậu cấu trúc luận... đều hoài nghi quan niệm cho cái "mình" hay cái tôi là một cái gì nhất quán và cố định. Với Michel Foucault, ngay cả cái gọi là "nhân tính" cũng không phải là cái gì tự nhiên; ngược lại, nó chỉ là kết quả của kiến thức, xuất phát từ những điều kiện lịch sử và văn hoá nhất định. Hơn nữa, theo ông, cái gọi là con người cũng chỉ là một ý niệm tương đối mới, chỉ xuất hiện khoảng thế kỷ 18 và có nguy cơ sẽ biến mất. Theo chấm Michel Foucault, nhiều người tuyên bố: cái "tôi" đã chết. Giống như trước đây hơn một trăm năm, Nietzsche đã tuyên bố: Thượng đế đã chết. Cái "tôi" chỉ còn là một sản phẩm của xã hội; hơn nữa, của ngôn ngữ: thoạt đầu không có đứa bé nào có ý thức về nó như một cái tôi riêng biệt và khác biệt với tha nhân. Một ý thức như vậy chỉ xuất hiện dần dần khi đứa bé học cách dùng chữ "tôi", ngời thứ nhất số

ít, trong tương quan phân biệt với "cô / chị / ông / bà...", ngời thứ hai số ít, v.v... Tất cả những cách thức sử dụng ngôn ngữ như vậy làm cho đứa bé dần dần ý thức về vị trí của nó trong xã hội, từ đó, tiến thêm một bước nữa, ý thức về bản sắc của nó trong mối quan hệ với chung quanh. Trong ý nghĩa như thế, Jacques Lacan cho cái tôi thật ra là một tác phẩm thay vì là một chủ thể. Hay nói theo ngôn ngữ của ông: "Tôi không phải là một nhà thơ mà là một bài thơ."

Nói "tôi là một bài thơ" cũng có nghĩa là nói cái tôi ấy chỉ là một câu chuyện kể, một hình thức tự sự mà thôi. Nên lưu ý là theo các nhà hậu hiện đại chủ nghĩa, tự sự là hoạt động cầm búa của nhân loại, hơn nữa, là "điều kiện có tính bản thể luận của đời sống xã hội". Loại người hiểu về cuộc đời của họ, bản sắc của họ như những câu chuyện mà họ tự kể hoặc nghe kể hoặc kết hợp cả hai. Không có những câu chuyện như thế, kinh nghiệm của con người về thế giới cũng như về chính họ trở thành mơ hồ, hăm hồ, không thể nào nhận thức được.

ĐỔI MỚI NHƯ MỘT SỐ PHẬN VÀ MỘT PHIÊU LƯU

Cái "tôi" không những không có sẵn mà còn chưa đựng đầy những nguy cơ sáo mòn. Là một sản phẩm của xã hội và của văn hoá, cái "tôi" bao giờ cũng chưa đựng nhiều những yếu tố thuộc về quá khứ hơn là hiện tại. Những tác phẩm chúng ta đọc, trong đó có không ít thuộc loại cổ điển hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn học cổ điển, biến chúng ta thành những con người của truyền thống. Hậu quả là, nói chung, chúng ta, với tư cách độc giả, bao giờ cũng dễ thấy gần gũi với văn học của ngày hôm qua hơn là văn học của ngày hôm nay, và bao giờ cũng lạc hậu hơn một chút so với dòng văn học tiên phong trong thời đại. Bởi vậy, đi càng sâu vào cái "tôi", chúng ta càng dễ bắt gặp những bám vào nhôe nhôe của bao nhiêu thế hệ đi trước:

ở người này, chúng ta bắt gặp bám vào của tư duy dân gian, của ca dao và truyền cổ tích, của thủ mỹ học đơn sơ và đầy tính công thức; ở người kia, chúng ta bắt gặp bám vào của tư duy nước mắt của văn chương lãng mạn thời 1932-45; ở người khác nữa, chúng ta bắt gặp bám vào của tư duy hiện thực hoặc đồ lom của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, v.v... Cứ như thế, càng đi vào cái "tôi" càng dễ bắt gặp nước mắt và nước mũi của tiền nhân. Ở đây, sự thành thực thường đồng nghĩa với cái sáo.

Đổi mới không phải là quay về với mình, không phải đắm chìm, không phải chỉ khai thác những gì đã có sẵn trong mình. Ngay từ thời cổ đại, Plato đã quan niệm, nhà thơ, lúc đang ngây ngất trong cảm hứng

sáng tạo, không còn là hăm với những kinh nghiệm thường nhật nữa; thậm chí, không còn kiểm soát bản thân hăm nữa: hăm trở thành kẻ phát ngôn cho một lực lượng thần bí nào đó; hăm bị nhập vào một cơn linh cuồng (divine madness). Sau này, gót thánh thánh sang một bên, nhiều người xem viết từ là sáng tạo nên mình: trong quan niệm này, cái "mình" không phải là nguyên nhân mà chính là kết quả. Michel Foucault có một ý tưởng mà tôi rất thích: "Khi tôi viết, tôi viết trước hết là để thay đổi chính tôi và làm cho tôi không nghĩ những điều giống như trước đó nữa." Không nghĩ những điều đã từng nghĩ, nói thì dễ, nhưng trên thực tế, là một cuộc đấu tranh hết sức nhọc nhằn, ở đó, người ta phải thường xuyên tự thanh lọc những dấu vết cũ kỹ mà phục bèn

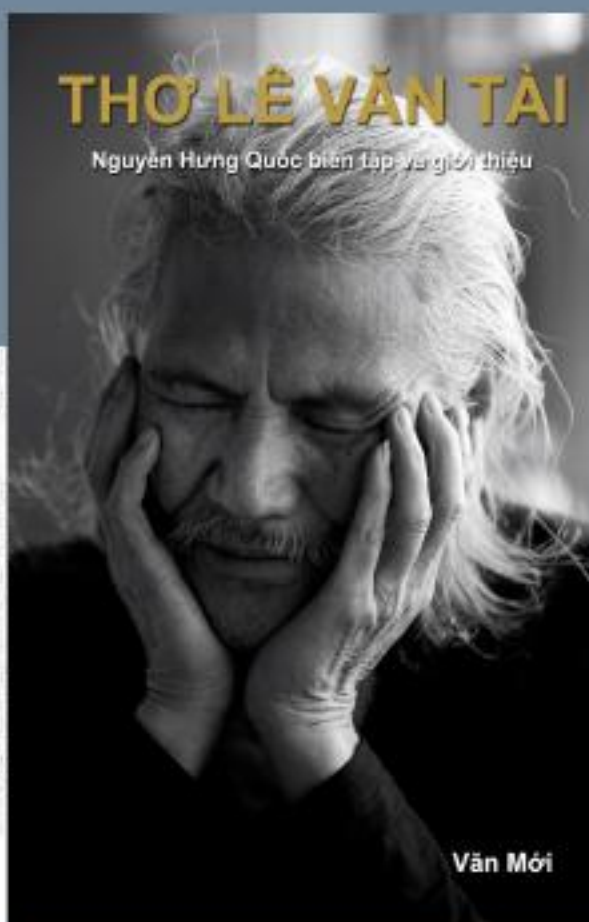
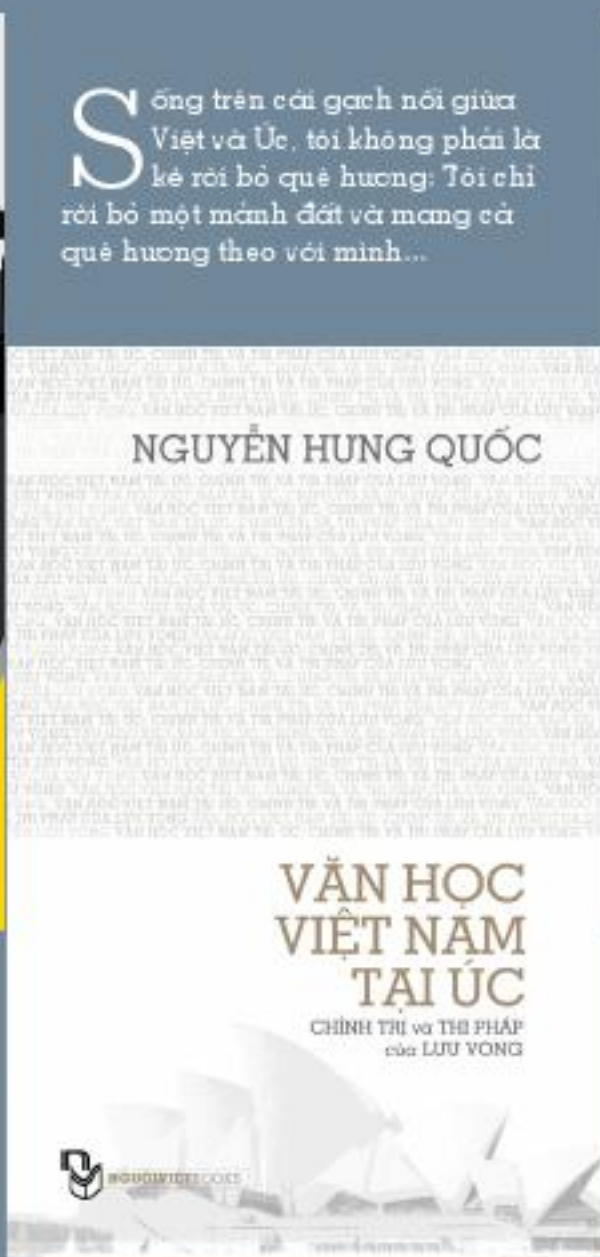
trong con người mình. Chiến trường thực sự của người cầm bút, do đó, chính là trong tâm hồn của hăm. Kẻ thù nguy hiểm nhất của hăm không ai khác hơn là chính hăm, kẻ luôn luôn có khuynh hướng kéo ngược hăm về quá khứ, với những quy ước và những thói quen dễ dãi. Hăm chỉ có thể được gọi là thành công khi, với tác phẩm mới, hăm ít nhiều trở thành một con người khác với những cách nghĩ và cách cảm khác. Nói cách khác, cái tôi của hăm chỉ là một sản phẩm được hình thành trong quá trình hăm cầm bút. Nói cách khác nữa: viết là một cách dự phóng về chính bản thân mình.

Đổi mới và thử nghiệm. Viết là một dự phóng. Đổi mới càng là một dự phóng. Mọi dự phóng đều hướng tới tương lai. Bởi vậy, không có gì nhầm cho bằng những luận điệu đại loại: đừng bận tâm với vấn đề mới hay cũ, chỉ cần viết "văn chương" là được; muốn viết "văn chương" thì nên theo gót các bậc cha anh thời trước; còn nếu muốn đổi mới thì đừng theo các trào lưu mới quá, mà chỉ nên theo các trào lưu cách đây khoảng nửa thế kỷ hay hơn một chút cũng được, miễn là chúng đã được

giới thiệu bằng tiếng Việt, lại giới thiệu một cách thật đơn sơ theo kiểu sách giáo khoa trung học thì càng tốt. Nhảm, vì hình như người ta cứ tưởng có một thứ "văn chương đích thực" nào đó nằm ngoài thời gian, cố định và bất biến; cứ tưởng sáng tạo là một sự bất chuộc, do đó, cứ loay hoay với những chỗ "dựa" bên ngoài mà hoàn toàn không để ý đến một yếu tố cần để ý hơn: những nhu cầu tự thân của một nền văn học trong quá trình vận động và giao lưu của nó. Nhảm, vì người ta, nói theo cách nói đã thành quen thuộc, cứ mãi lo dạy dỗ người khác lái xe bằng cách chăm chăm nhìn vào kính chiếu hậu; dùng một số hiện tượng trong quá khứ như một thứ tiêu chí để đánh giá hiện tại và định hướng tương lai. Nhảm nữa, vì một mặt, người ta cố làm ra vẻ mới, nhưng mặt khác, lại dễ ứng với những cái mới mà, do trình độ có hạn, không thể tiếp nhận được, cuối cùng, dùng lại ở những cái "mới" đã được bình dân hoá và trên thực tế, đã thành khuôn sáo. Đổi mới là một dự phóng, ở đó, cái mới là cái mà người ta đi tìm chứ không phải cái đã tìm thấy. Người chủ trương đổi mới



Đây là cuốn sách đầy đủ nhất về phương pháp dạy tiếng Việt cho người ngoại quốc cũng như cho trẻ em Việt Nam ở hải ngoại. Nội dung bao gồm các vấn đề chính: Các lý thuyết, phương pháp và nguyên tắc giảng dạy ngôn ngữ; Cách thức dạy tiếng Việt, từ việc dạy nói đến việc dạy đọc, dạy viết và dạy tư duy; Cách thức dạy học một cách sinh động để học sinh thấy hứng thú khi học tiếng Việt.



Hãy tìm đến với Lê Văn Tài, nhà thơ kiêm họa sĩ Úc gốc Việt. Cũng như tất cả những tác phẩm nghệ thuật sáng giá, tranh và thơ của ông sẽ làm thay đổi cách nhìn và cách đọc của bạn. Lê Văn Tài là một con người vùng vẫy giữa hai bờ, đứng chênh vênh giữa hình tượng và văn bản, giữa bầu trời và mặt đất, để mang màu đen và màu trắng vào nhau. Ông viết và vẽ những hình ảnh đẹp rợn người.

thực sự nào cũng biết công việc của mình là một thử phiêu lưu: khi tác phẩm chưa kết thúc, người ta không thể hình dung trọn vẹn được thế nào là cái mới. Bởi vậy đừng bao giờ trông chờ ở họ một thử "cảm nung" để dựa theo đó mình sáng tác. Sẽ không bao giờ có một thử cảm nung nào như thế cả. Người đối mới phải tự mày mò, tự thử nghiệm, và tự kinh nghiệm từng bước đi của mình. Người đối mới là kẻ biến công việc sáng tác của mình thành một chuỗi những thử nghiệm liên tục. Trong quá trình dọ dẫm và thử nghiệm như vậy, thỉnh thoảng người ta có thể bắt gặp một số tri âm, chẳng hạn, một nhà hậu hiện đại nào đó, mà họ cảm thấy tâm đắc. Ủ, nếu tâm đắc thì đi chung với nhau chơi, xem sao. Một cách tự nguyện và bình đẳng. Trong cuộc đi chung ấy, điều duy nhất người ta cần chia sẻ là một cách nhìn, từ những nguyên tắc có tính chiến lược về mỹ học và thi pháp, nhờ đó, người ta có thể phát hiện ra những cái mới khác cho mình. Xin lưu ý: cho mình. Bởi, cách nhìn là cái chung, được chia sẻ bởi nhiều người trong một trào lưu; điều làm cho một cá nhân thoát lên khỏi cái nền chung

của trào lưu ấy là ở những phát hiện riêng của mỗi, những thu hoạch riêng của mỗi. Tầm vóc của một người cầm bút nằm ở những thu hoạch riêng, những phát hiện riêng ấy. Nhưng điểm khởi đầu của mỗi lại ở cách nhìn chung. Chung, nhưng cực kỳ cần thiết, không có không được: đó là cái nền để người ta có thể đứng ngang tầm với thời đại mình. Theo tôi, người ta không thể có hy vọng gì đối mới văn học nếu trước hết chưa đối mới được cách nhìn về văn học.

Chưa thay đổi được cách nhìn về văn học, người ta không thể sáng tạo được cái mới, đã đành. Người ta cũng không thể tiếp cận được với những cái mới của người khác, từ đó, để lên giọng chê bai cái mới này khắp khênh, cái mới kia khênh khênh. Nói cách khác, người ta sẽ thất bại cả trong tư cách một người cầm bút lẫn trong tư cách một người đọc. Một sự thất bại toàn diện biến họ thành những kẻ ngoại cuộc trong cuộc vận động đối mới.

**NGUYỄN
HUNG QUỐC**



LÊ
VINH
TÀI

Đêm...

... đọc những câu thơ không biết của ai
chỉ có lùa mưa và chớp
trên bàn một tờ giấy nháp
gạch xóa con mơ sau cơn áo bơ phờ

cuộc tình vắng xa tiếng chuông chùa rơi muộn
già mà yêu như mới đầu đời
một gã trai phất phơ râu tóc
cùng bóng bẽnh trôi với lệ rơi

ta đã yêu lẽ nào em không biết
mắt đêm đen gai nhọn và buồn
bình minh bấy giờ buốt từng tia sáng
cam vàng bay lay màu tím cô đơn

đôi lại câu thơ ngày xưa cho em mượn
cái ngày xưa như hơi thở của mình
cái ngày xưa có lùa mưa và chớp
vên đêm lên cùng nhau ngắm lung linh

đêm chẳng bình yên khi vì sao đầu chết giấc
tóc rối vào mây xóa cả lên trời
ta đã hồn nhiên đến không bay được nữa
lặng im rơi cùng nước mắt rơi

quên lãng như người
dịu dàng như gió
những âm thanh như cỏ
vang dãi
ngôi sao mất nơi bấy giờ đang ngủ
xanh vô cùng trong vắt một ban mai...



trên tất cả
đỉnh cao
là lặng im

thơ
phạm công thiện

HƯƠNG TÍCH PHÁT VIỆT

Nguyễn Thị Từ Huy kể chuyện
một nhân vật hư cấu để
mượn cơ viết bản cáo trạng
lối sống giả dối bao trùm trên xã
hội hiện tại. Không cần nói ra,
ai cũng biết, tác giả muốn mọi
người thức tỉnh, từ chối cách sống
đó. Bắt đầu, phải có người nói ra:
Tôi đang sống trong dối trá! Tôi
từ chối, không muốn sống dối trá
nữa!

nguyễn thị từ huy
gửi người yêu
và tin

diễn thuyết



tựa của Hoàng Ngọc-Tuân • bìa của Phan Huy Đường

HOANGVIET



lục bát
thơ hoài khanh

HƯƠNG TÍCH PHÁT VIỆT

Trong mỗi bài thơ, trong cả tập
thơ, tôi nhặt từng hạt sương,
mà chợt nghe lạnh buốt âm
thám, bởi đâu đó trong hoài niệm
xa xôi, đôi mắt u huyền của một
thời, một đoạn đời đã thành thiên
cổ. Nhưng hạt sương trong lòng tay
chợt thoáng tan; đồng thời gian
ngung động, để dòng cảm thành
hạt bụi, rơi rớt. Còn gì nữa chăng?
Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã dùng trên
môi.

Vẫn còn ngân vang mãi đó, lời ru
của Mẹ, trong vãn thơ sáu-tám.

ĐẠP XE VỚI THANH TÂM TUYỀN



Ảnh: LÊ VĂN HÙNG

Tôi có tật thỉnh thoảng nói lớn ý nghĩ ở trong đầu, độc thoại như một ông vô gia cư từng tàng, đừng nói lắm bầm một mình ở góc phố, hay một thanh niên từng tàng, đeo máy nghe điện thoại ở trong tai, cười giòn với bố ở bên kia đầu dây. Vợ tôi đang nấu cơm ở trong bếp, nghe tôi nói chứ được chứ không, tưởng chống lại tham văm về cái bụng đang phình ra như cái trống, không còn thon thả, phẳng lép như mấy năm trước. Nàng khuyên, "Đạp xe không chắc xẹp bụng đâu. Anh nên tập nằm ngửa, ngồi dậy ép bụng lại. Tập mỗi ngày vài trăm lần thì máy ra. Tốt hơn hết anh làm ơn bớt uống bia, bụng sẽ xẹp liền. Luôi tập thể dục như anh thì còn lâu bụng mới thon." Tôi đang sợ mình dốt, vợ lại chê tôi luôi, bụng to, còn kể tôi uống bia. Chúng

tôi đang có khác biệt không thể hòa giải, chắc phải "đường ai nấy đi" thôi.

Chuyện dốt của tôi bắt nguồn từ mấy dòng chữ của ông William Howard Gass mà tôi đọc trên mục điểm sách của báo Los Angeles Times. Nhật báo viết hai bài về tác phẩm của William Gass. Ông được đào tạo trong môn triết học trước khi trở thành một tiểu thuyết gia, được biết nhiều hơn qua những bài khảo luận về văn chương, phê bình những tác phẩm lớn từ cổ chí kim, có công khám phá những tác giả không được chú ý, bị lướt qua trong những bài tổng luận. Nhà khảo luận tác bậc trượng này đã 82 tuổi (2006), chào đời tại North Dakota, dạy ở Đại Học Washington tại St. Louis trong nhiều năm. Ông có biệt tài phân tích ý

nghĩa, ngữ vựng, cấu trúc của từng câu, từng đoạn văn. Đối với ông, nhà văn mà ông thích là những ảo thuật gia, viết lên một ca khúc với những khái niệm, vui chơi trong kịch tính và vũ điệu của tư tưởng. Ba bài khảo luận của ông đã thắng giải của Nhóm Bình Luận Sách Quốc Gia. Ông được St. Louis vinh danh với một ngôi sao trên vỉa hè dành cho người mang niềm hãnh diện về cho thành phố, như những tài tử được khắc tên tại Hollywood. Tuy viết rất nhiều - bảy cuốn tiểu thuyết kể cả cuốn Đường Hầm (The Tunnel) đồ sộ được chuẩn bị trong ba thập niên, và mấy tập khảo luận - ông Gass nói rằng ông viết rất khó khăn, không tuôn tràn dễ dàng như những đoạn văn trôi chảy mà người ta được đọc của ông. Bài viết của nhật báo đã có những lời khen, chê về một tuyến

tập khảo luận của ông mang tựa đề Ngôi Đền Của Chữ Nghĩa (A Temple of Texts). Ông Gass được mô tả viết rất sắc bén, tinh tế, đôi khi khoe tài.

Cũng có lúc ông viết rất nhẹ nhàng, thi vị như đoạn sau đây, nhắc tôi nhớ đến chuyện dốt của bản thân: "Mỗi cuốn sách cũng như một chiếc xe đạp: Bạn du hành tùy vào sức mạnh, tiến tới theo tốc độ của chính mình. Chuyến đi của bạn diễn ra trong sự yên lặng, không gây ô nhiễm, không có ai bị nguy hiểm bởi hành trình của bạn - họ không sợ hãi, bị gây thương tích, hoặc bị giết - và tập thể dục như vậy cũng tốt cho sức khỏe của bạn."

Dạo này tôi đọc sách rất ít, hiếm khi du hành với một chiếc xe đạp như ý của ông Gass. Mỗi ngày tôi vẫn đọc

vài chục bản tin có lúc nóng bỏng, đôi khi nhảm chán, bói thêm những bài phân tích, tường trình địa ốc khô khốc, luôn lạc quăm, hoặc bày bóng như sương khói bên trên một thực tế. Đọc thì nhiều, mà thật sự đọc sách không là bao nhiêu. Ngoài nhiệm vụ cặm cụi viết tin ở đài phát thanh, ăn mặc bảnh bao chờ khách cần dịch vụ địa ốc, hiện thời tôi còn xăm tay áo, gồng tay, đảm trách dịch vụ sửa sắc đẹp cho một căn nhà cũ ở gần Los Angeles. Công việc này chỉ cần một bộ đồ cũ, một chút óc sáng tạo để chế biến vật liệu theo hoàn cảnh, và một điều kiện mà tôi có rất ít - mấy bấp thịt cứng, mạnh để nặn búa, vạm mỗ lếch. Tuy chưa là một tay thợ chuyên môn, tôi cũng muốn khoe rằng tôi biết tâm trạng một mái hiên (theo ý kiến tôi hậu của vợ),

THANH TÂM TUYÊN ÂM VANG KHÁC

nguồn cảm hứng thơ khá lớn đối với giới cầm bút trẻ lúc bấy giờ và kể cả sau này.

Điều đáng kể trong thơ Thanh Tâm Tuyên là tính đột phá về ngôn ngữ thơ và cấu trúc thơ rất mới, rất lạ. Ngôn ngữ thơ luôn biến ảo, phối mớ, giàu hình ảnh, đẹp một cách tự nhiên. Cấu trúc thơ luôn ở trạng thái động, phân ly, gập gãy, gập ghềnh. Đó cũng chính là sức quyến rũ, lực hấp dẫn của thơ Thanh Tâm Tuyên: Niềm khát khao cách tân, sáng tạo với nỗ lực khai phá quyết liệt, thường trực, bền bỉ.

Bài viết này, không có tham vọng đọc, nghe và cảm nhận một cách toàn diện về cõi thơ Thanh Tâm Tuyên, mà chỉ giới thiệu một "Âm Vang Khác" của thi sĩ. Bài thơ "Ngôi Nhà Đỏ,

Trăng Hồng" (đã được đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn, tại Sài Gòn, số ra ngày 27 tháng 11 năm 1972).

Bài thơ gồm 6 biến khúc, 160 câu ("6 biến khúc quanh một đề thơ cổ." Thi sĩ ghi ngay dưới tựa đề bài thơ.)

Trước khi giới thiệu nội dung bài thơ, xin trích một đoạn trong bức thư ngày 30 tháng 9 năm 1972, thi sĩ viết gửi cho "Mon ile" (1) có đoạn:

"... Đã hết tháng chín. Thêm bài "Ngôi nhà đỏ" nữa. Thế có lãng mạn quá không? Bài thơ thứ ba, thứ tư nếu kể cả bài Đáo. Hình như còn nữa. Giống như họa sĩ đứng trước ngôi nhà vẽ vài chục bức, với màu sắc ánh sáng bố cục thay đổi. Giống như nhạc sĩ có một cái "thème" và nhiều "variations". Chưa bao giờ anh

nghe mình du dương lạ thế. Anh nghe vang hoai "ngôi nhà đỏ trăng hồng..." và anh chỉ việc thêm vào chữ chốt rồi theo rồi cả ngày, cả tuần những lúc quanh hui. Đã có trăng hồng hạ, trăng hồng lạ, trăng hồng là... Còn những trăng hồng gì nữa anh sẽ thấy. Có thể anh viết hết cả xấp giấy này cho những bài trăng hồng chưa chừng..."

"Mấy bài thơ về ngôi nhà này chúng đang anh sẽ đề là "Biến điệu quanh một bài thơ cổ" Anh nhớ bài thơ của

Thôi Hộ (2):
Tích niên kim nhật thư môn trung
Phấn diện đào hoa tương ảnh hồng
Phấn diện kim niên hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong." (3)

Như vậy, bài thơ của Thôi Hộ đã gợi hứng cho "Ngôi Nhà Đỏ, Trăng Hồng" của thi sĩ.

Nhưng, thay vì trích 4 câu thơ trên của Thôi Hộ vào đầu bài thơ, thi sĩ lại trích dẫn 6 câu thơ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, đoạn nói về lúc Kim Trọng trở lại vườn Thúy (đúng ra là hiền Lâm Thúy, nơi Kim Trọng trọ học trước đây, thường làm nơi hẹn hò với Thúy Kiều.) Kim

tiếp theo trang 36



THANH TÂM TUYÊN
họa sĩ và Dục Tân.
Tạp chí Văn - Saigon 1972

lát sấm nhà với những miếng nhựa vuông (sắp học thêm nghề lát gạch, cửa bằng máy chữ chẳng phải chơi), sơn nhà, lắp cống sắt, sửa tủ cabinet ở trong bếp, cộng với dăm ba chuyện vặt vãnh khác như tía cây, cắt cỏ, kiêng mấy tảng đá (cũng theo lệnh vợ). Lãng vãng đã có nhiều bác sĩ, kỹ sư kiêm văn sĩ, giờ có thêm một ông thợ viết kiếm thợ mộc chắc cũng không sao, chưa giám phẩm quý trọng của thiên chức nhà văn. Giữa những lúc cảm bực đóng đinh, cửa xong một thanh gỗ, hay đang lăm sơn lên tường, có khi tôi ngừng tay, vui thích nghĩ đến một đoạn văn, một câu thơ, một chữ lạ trong bài viết của ai đó bỗng trở về trong trí nhớ, đi lạc dăm ba phút vào thế giới thần tiên của chữ nghĩa, rồi lại thầm tiếc không có thời giờ để đọc sách, nhấm nh

vào một cuộc du hành trong yên lặng như đang đạp xe ở miền bình nguyên của ông Gass.

Thật tình thì không phải cuốn sách nào cũng thú vị, tốt cho sức khỏe. Có những cuốn được viết hình như cốt ý hành hạ, tra tấn, chửi bới người đọc như người bán xe bán riết vào khách hàng. Lỡ bước vào sách mà không kịp chạy ra là bị bức thò cho đến giống chữ cuối cùng, đọc xong toát mồ hôi, mất ngủ, hôm sau còn hoi hoi. Về phải một cuốn tiểu thuyết dở, bố cục lỏng lẻo cũng giống như ngôi xe đạp không có yên, vừa đau thốn mông vừa rầm rập đạp cho hết mà không biết đi đâu. Cảm một tập thơ mà ngay mấy bài đầu nghe "sến", bắt chước thơ người khác, thả quăng xe đạp để cuộc bộ chắc còn khá hơn. Cũng có những

cuốn sách chính trị gây ô nhiễm tư tưởng, đọc xong muốn phóng xuống đường để biểu tình, cầm báng, gây sự với người lạ, đập bầm tranh cãi với người quen. Đụng vào sách phê bình văn học hay sách triết lý đôi khi như đi lạc vào rừng tối mờ, chẳng biết chữ nghĩa, tư tưởng gì thường, phải dắt xe đi từ từ, không thể đạp bừa qua những nhánh rẽ nằm la liệt, sắp cựa mình như mắng mà dọa phun chữ đọc.

Nói thì nói vậy, đọc sách vẫn là một thú vui, một cuộc hành hương đến một ngôi đền mà từ đó những hành trình khác lại bắt đầu. Càng đi xa càng thấy bầu trời thanh thản, bát ngát hơn, thú vị biết bao. Thế nên mấy bữa nay tôi bốn chôn, cảm thấy muốn đạp xe, trở lại một con đường mà tôi hằng yêu thích, cho dù

con đường có lúc quá cô độc, phách "hủ dãi một tiếng lạnh về hư không" như thiền sư Không Lộ từng thốt lên trên một đỉnh núi. Đọc sách để quên chuyện cơm áo đang bủa vây ở chung quanh, để rời xa những tin chiến sự đang đè nặng, cảm ánh sáng từ như một con quỉ truyền kiếp, để làm ngo những đối thủ trên thị trường địa ốc mà tôi phải quay cuồng, hối hả bám theo.

Ở căn nhà cũ đang được thoa sơn đánh phấn, có lúc tôi đã tạm ngưng ráp một cánh cửa vào khung, ngắm ngo đôi phút đôi mắt ra ngoài cửa sổ. Bức đất trống đằng sau nhà đang xanh tươi như một cánh đồng mùa xuân. Những nhánh cỏ vươn cao, ngả nghiêng theo gió như đồng lúa sắp trổ bông. Từng đợt mưa lạnh đã lù lút kéo

đến từ bắc Thái Bình Dương trong tháng Ba, giúp cây cỏ trời xanh, mượt mà sau nhiều tháng bị cháy khô dưới nắng. Sân cỏ mọc hoang dại, trái thơm từ tường nhà đến tận hàng rào, lấp kín những góc cây mà trên nhánh đang trổ bông. Cây lựu bên hông nhà đã chi chít lá non, bông ửng trên nền trời trong xanh. Nhìn cỏ cây xanh mát, tung tăng vồn vẩn, tôi chợt thấy mình có quá ít thời giờ, lòng khô héo như thiếu một cơn mưa, thêm những dòng văn, những giọt thơ lạnh ướt rơi xuống từ trên thỉnh không bắt tằm.

Giữa lúc đang khao khát, cầm một cuốn sách để du ngoạn, tôi chợt nghe tin nhà thơ Thanh Tâm Tuyên đã từ trần tại miền tuyết Minnesota. Ông mất trưa ngày thứ Tư 22 tháng Ba, 2006. Đêm

ĐẠP XE VỚI THANH TÂM TUYỀN

hôm ấy, sau mấy giờ cửa đóng vang dội trong căn nhà cũ, về lại Bolsa tôi mới đọc thư email, được anh Nguyễn Xuân Hoàng báo tin sự ra đi của nhà thơ. Tôi email lại anh Hoàng ở San Jose, xin những chi tiết về một thi sĩ thuộc thế hệ đàn anh. Trước khi lên giường ngủ đêm hôm ấy, tôi lục lọi trên những kệ sách ở dưới garage, hy vọng tìm được vài tác phẩm của ông. "Thư viện" của tôi chỉ có cuốn tiểu thuyết Một Chủ Nhật Khác của Thanh Tâm Tuyền, và dăm ba cuốn tuyển tập, khảo cứu có nhắc đến ông. Tôi ghi chép vài chi tiết cần thiết - tiểu sử, tác phẩm, ngày sinh, ngày mất, vài câu thơ tiêu biểu, những ý kiến về thơ, văn của ông - chuẩn bị cho một bản tin mà tôi sẽ viết vào sáng hôm sau.

Bản tin trên đài Little Saigon Radio về Thanh Tâm Tuyền vào trưa thứ Năm hôm ấy đã dài gấp đôi so với những bản tin bình thường. Đó là bản tin quan trọng nhất trong ngày, được tôi đưa lên hàng đầu, bên trên những tin thời sự như bom nổ ở Bagh-

dad, thảm nhùng cá độ tại Hà Nội, biểu tình chống thủ tướng bên Bangkok, phản đối luật lao động tại Ba Lê, bão tuyết, sát nhân, và mưng lên giá khắp Hoa Kỳ. Chiến tranh đến rồi đi, rồi lại đến. Một Thanh Tâm Tuyền chỉ đến có một lần, muốn đời không trở lại. Tin Thanh Tâm Tuyền từ trần đã được hầu hết các nhật báo, tuần báo loan tải tại Quận Cam, kể cả mấy tờ lá cải mà những trang quảng cáo thường dày gấp đôi, gấp ba những trang báo. Các đài phát thanh, truyền hình Việt ngữ cũng nhắc đến ông. Mấy nghệ sĩ, ca sĩ liên lạc tổ chức chương trình ở Quận Cam, Houston, tưởng niệm một người cùng thời hoặc từng có sinh hoạt chung với họ. Ở những địa phương đông người Việt khác chắc cũng vậy - San Jose, Seattle, Virginia, Toronto, và lẽ đương nhiên Roseville, một địa phương ở ngoại ô tây bắc St. Paul, nơi ông sống những ngày tháng cuối đời và được an táng ở đó - cũng có một vài sinh hoạt nào đó, trước đám đông hay trong nơi riêng tư giữa vài người bạn

đồng điệu, ghi nhận sự mất mát một Thanh Tâm Tuyền trong nền văn chương Việt Nam. Sự ra đi vĩnh viễn của một người thường khiến chúng ta giật mình, bước ra khỏi cuộc sống hiện tại, khơi lại quảng đời đã

qua của người ấy, như thể duyệt lại quá khứ của chính mình. Đọc những bài báo về ông tôi có một cảm tưởng mà tôi thường bắt gặp ở chính mình tại nhà quàn, trong lễ an táng của một người thân quen: Có đôi điều tôi

chưa được biết, muốn biết và sẽ không bao giờ biết về người quá cố. Một khi xác đã nằm trong quan tài, chúng quanh thi thể như toát ra một sự huyền bí, một điều bí ẩn, chuyển hóa thân xác thành một người xa lạ nào



PHẠM CÔNG THIỆN

Mộng

Mộng ở đâu cây mơ lá cây
Giòng sông ngừng chảy đợi mây bay
Kêu nhau nhỏ nhẹ sáu năm ấy
Chim hải hồ bay trắng tháng ngày

Tình nhỏ quên rồi em ở đâu
Mây bỏ trôi đi tìm sông sâu
Em về lóng lóng như sương trắng
Hồn chết trôi về thương hải châu



Có Một Bài Thơ

I.

Có một bài thơ quên trọn năm
Có người bỏ mộng đi biệt tăm
Có ai lên lút ra ngoài cửa
Có một căn phòng đóng lọng cảm

II.

Có gì mà vẫn buồn quanh năm
Có mưa rớt nhẹ qua đêm rằm
Có ai lên lút đi ra cửa
Có một căn phòng đóng lọng cảm



tiếp theo trang 19

ĐẠI LỄ VĂN ĐÔNG

SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM

được dân lập đến thờ, đời Lý Thái Tổ còn gọi ông là Cao Vương. Khi nghiên cứu công cuộc Hán hóa miền Nam Trung Quốc, các sử gia đã thấy nhiều người Hoa từ miền Bắc xuống các vùng Ba, vùng Thục, mở trường dạy học, truyền bá Nho giáo. Nhiều người thuộc tầng lớp Nho sĩ chắc cũng sang nước ta như vậy, họ sống lẫn với người địa phương, hòa nhập với họ. Trong ngàn năm Bắc thuộc những khi triều đại thay đổi nhiều người Hoa không làm quan nhưng có học và không chịu hợp tác với triều đình mới cũng chạy sang nước ta tị nạn. Những người này chắc phải sống bằng nghề buôn bán, hay bốc thuốc, dạy học. Họ dễ hội nhập vào xã hội bản xứ vì người Việt bao dung, không kỳ thị. Họ gây ảnh hưởng trong xã

hội và cũng nhận ảnh hưởng của phong tục phương Nam. Gần đây nhất chúng ta đã thấy phong trào thuyền nhân Trung Hoa chạy sang Việt Nam rất đông trong nhiều đợt, vào thế kỷ 16, cuối đời nhà Minh. Kinh nghiệm những người Minh Hương ở Quảng Nam sau này chúng ta, các thuyền nhân đều định cư dễ dàng. Gia đình họ Mạc tới Hà Tiên không phải là những người đi chinh phục đất mới mà là các di dân. Họ nói tiếng về văn học, giúp nâng cao trình độ văn hóa địa phương. Nhìn những ngôi mộ ghi tên Mạc Thiên Tích, Mạc Tử Hoàng, Mạc Công Du, vân vân, thì thấy chỉ hướng của họ rất lớn. Khi bị người Khơ Me đe dọa, họ phải nhờ các chùa Nguyên cứu, họ dựa vào người Việt Nam. Các Nho sĩ Trung Hoa sang nước

ta hàng ngàn năm trước chắc cũng sống trong hoàn cảnh tương tự.

Khi chọn sống với người Việt, giữa xã hội người Việt, các Nho sĩ này chỉ thực hành lời Khổng Tử dạy. Nhận xét về "sức mạnh của người phương Nam," Khổng Tử nêu ra hai đặc tính trái ngược với người phương Bắc: "Khóan nhu để dạy dỗ" và "Không báo thù kẻ kẻ vô đạo." Và ông kết luận: "Người quân tử chọn sống ở đó!" (Khóan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi, 寬柔以教,不報無道,南方之強也。君子居之; Trung Dung, 10).

Chắc tổ tiên người Việt thời xưa cũng thể hiện hai đức tính kể trên: Dùng phương pháp nhẹ nhàng, khóan nhu để cảm hóa chứ không

dùng vũ lực để ép buộc người khác. Biết tha thứ, không báo thù ngay những kẻ đã làm hại mình. Tài nguyên kinh tế ở phía Nam phong túc đã tạo nên lối sống phóng khoáng của những con người hiền hòa như vậy. Cho nên, "Quần từ cư chi." Những người có học trong lớp người Hoa di cư, những viên quan biết chữ và các Nho sĩ đã sống ở Giao Châu một thời gian, họ quyết định "chọn nơi này làm quê hương" vì thấy người dân chung quanh quá thật "Khóan nhu dĩ giáo, Bất báo vô đạo." Có những người làm quan ở Giao Châu, sau khi về nước rồi còn quay trở lại để sinh cơ lập nghiệp, con cháu hoàn toàn thành người Việt. Vì đó là nơi "người quân tử ở."

Hợp tác đôi tự chủ Lý Bôn được sử nước ta ghi nhận là người gốc Hoa, gia đình sống ở Việt Nam từ năm thế kỷ trước. Trong cuộc khởi nghĩa ông đã liên kết được với các thủ lĩnh gốc Việt, cho nên được dân theo đông đảo. Đây là một khúc quanh trong lịch sử giành độc lập của dân tộc. Trước đó, chúng ta thấy những cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, cách nhau hai thế kỷ, các

thủ lĩnh hoàn toàn là người Việt. Trong ba trăm năm tiếp theo, những cuộc nổi loạn được ghi nhận chỉ thấy các người gốc Hoa cầm đầu. Đến thế kỷ thứ năm, chúng ta thấy hai nhà hào phú cùng nổi lên, Lý Bôn gốc Hoa, và Triệu Túc thuộc dòng những gia đình lãnh đạo gốc địa phương..

Lý Bôn lớn lên trong giai đoạn Trung Quốc đang phân đôi, thời Nam Bắc triều (420 - 588). Tại phía Nam, sát biên giới nước ta là các triều đại nhà Lưu Tống, Nam Tề, Lương, rồi Trần. Sử nhà Lương cũng gọi Lý Bôn, hay Lý Bì, là "thổ nhân," tức là người địa phương. Nhưng sử nước ta nói tổ tiên ông từ Trung Quốc chạy loạn sang Giao Chỉ vào đầu thế kỷ thứ nhất, lúc có loạn Vương Mãng. Việt Nam Sử Lược nói ông thuộc đời di dân thứ bảy; điều này không đúng vì sau năm thế kỷ thì chắc đã trải qua trên 20 đời. Cho nên nhiều sử gia thích thích gia đình họ Lý đã Việt hóa từ đời thứ bảy, tức là trước Lý Bì ba trăm năm; cũng có người thích rằng ông sinh ra sau khi họ Lý đã thành người Việt hoàn toàn được



THANH TÂM TUYỀN - họa ĐINH CUÔNG

tiếp theo trang 33

THANH TÂM TUYỀN ÂM VANG KHÁC

khác mà bấy lâu nay
từng bị che khuất bởi
hơi thở của sự sống.
Thanh Tâm Tuyền là
ai? từng sống như thế
nào? sao ông có thể
sáng tác những lời thơ,
câu văn như vậy?

Như hầu hết mọi
người, tôi "đạp xe"
rất ít về Thanh Tâm
Tuyền, chỉ biết thêm
khi cái chết của ông
trở thành tin thời sự
trong ngày. Các bài
báo chép lại tiểu sử
của ông từ trong một
cuốn sách nào đó được
cất giữ trên kệ đã lâu,
hoặc chuyển tay từ
báo này qua báo khác.
Tôi cũng ghi lại đôi
điều về ông, lược lật
từ trong thư viện riêng
của tôi, trích từ mấy
bài báo chung của mọi
người: nhà thơ này tên
thật là Dư Văn Tâm,
chào đời năm 1936
tại thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, di cư
vào Nam năm 1954.
Tùy theo tài liệu, ông
lọt lòng mẹ ngày 13
tháng Ba hoặc ngày
15 tháng Ba. Không
nghe ông giới thích về

tiếp theo trang 34

ĐẠP XE VỚI THANH TÂM TUYỀN

Trọng trở lại, nhưng
chốn cũ còn đây, người
mưa (Thủy Kiều) không
còn nữa. Trong 6 câu
thơ này, có 1 câu được
chuyển dịch từ thơ Thôi
Hộ:
"Trước sau nào thấy
bóng người
Hoa đào năm ngoái
còn cười gió đông. (*)
Xấp xoe én liệng lầu
không.
Cỏ lam mặt đất, rêu
phong dấu giấy.
Cuối tường gai góc
mọc đầy
Đi về này những lối
này năm xưa..."
(Nguyễn Du - Truyện
Kiều.)

(*) Chuyển dịch từ câu:
"Đào hoa y cựu tiếu
đông phong" của Thôi
Hộ.

Với 6 biến khúc, mỗi
biến khúc lặp lại câu
mở đầu, chỉ thay đổi
vài ba chữ ở cuối câu:
Câu mở đầu, biến
khúc 1 (24 câu): Ngồi
nhà đỏ trên đôi trăng
hồng hạ.
Câu mở đầu, biến
khúc 2 (24 câu): Ngồi
nhà đỏ trên đôi trăng
hồng hạ.
Câu mở đầu, biến
khúc 3 (36 câu): Ngồi
nhà đỏ trên đôi trăng
hồng hạ.
Câu mở đầu, biến
khúc 4 (24 câu): Ngồi
nhà đỏ trên đôi trăng
hồng dưới nhô

Câu mở đầu, biến
khúc 5 (24 câu): Ngồi
nhà đỏ trên đôi trăng
hồng vàng vạc.
Câu mở đầu, biến
khúc 6 (28 câu): Ngồi
nhà đỏ trên đôi trăng
hồng khỏa.

NGÔI NHÀ ĐỎ,
TRĂNG HỒNG(4)

Biến khúc 1:

Ngồi nhà đỏ trên đôi
trăng hồng hạ.
Hạ nóng nằm quỳên rù
môi hôn,
Gọi mưa mưa tắm gọi
xanh cỏ lá,
Đập tắt sáu thiêu đốt,
phá du dương.

Mưa ngày qua, mưa
ngày này, ấm ngắt.
Cửa đóng cài, cửa ẩm
mốc cỏ đơn.
Gò lên đi ngón tay
cung khô khạo.
Nếp đầu say, tóc rối
mộng thăm.

Ngồi xuống ghé một
bấy riêng lẻ.
Chiều bên vườn gọn
sóng nắng so thu.
Im tượng gỗ, Tiếng
chăm còi thoát chạy.
Bóng băng khuôn
thang cấp lượn mơ hồ.

Trèo dốc đứng, vội
vàng hơi thở hụt.
Bạc đá mòn rộp lối
phân vân.
Hồn đá nín thiên thu
chợt vọt.

Ghi ôm sáu chớp sấm
non ngậm.

Theo lối khác, Giẫm
dấu chân người lạ.
Đất trượt trơn, Cây còi
rời trông tìm.
Trăng hồng sáng ngậm
nga lửa lạnh.
Nhà lao đao, Đồi rào
rạt ngọc nằm.

Kẻ lạ mặt bóng đêm
mai hoàng thù.
Thấy ngôi nhà bần bật
cháy như tim.
Đôi giòng gió lay trăng
hồng là thiệp.
Và hăm hỏ buột giấc
khóc êm.

Đôi trăng hồng hạ,
nhưng là cuối hạ đang
chuyển sang so thu,
vội không gian "Hạ
nóng nằm, quỳên rù
môi hôn." Người mưa,
này như là "kẻ lạ
mặt" trở về chốn cũ,
mà chốn cũ thì "Cửa
đóng cài, cửa ẩm mốc
cỏ đơn." "Chiều bên
vườn gọn sóng nắng
so thu." "Bạc đá mòn
rộp lối phân vân." Ấn
tượng nhất là sau khi
ngắm nhìn, cảm nhận
và bằng những động
tác dò dẫm, làm quen
lúc ban đầu trở về
như: Nếp đầu - ngồi
xuống ghé - trèo dốc
đứng - giẫm dấu chân
người lạ thì "Kẻ lạ mặt
bóng đêm mai hoàng
thù." Thấy ngôi nhà
bần bật cháy như

Trần Thanh Hiệp,
Thanh Nam, và mấy
cây cọ như Thới Tuấn,
Ngọc Dũng, Tạ Tỵ,
Duy Thanh. Đến năm
1960 tờ Sáng Tạo còn
có thêm Cung Trầm
Tuông, Thạch Chương,
Dương Nghiễm Mậu.
Thanh Tâm Tuyền đã
nhập ngũ một thời
gian, dạy học cho đến
khi Cộng Sản chiếm
Sài Gòn. Đầu đời
năm 1975, ông viết bài
thơ "Ngày Đến", bài
ngài nói lên thân phận
của một kẻ thuộc phía
chiến bại bị đưa đến
trại tù cải tạo Long
Giáo, Long Khánh
trong những ngày
tháng tám cuộc chiến.

Tình mơ xe đến Long
Giáo
Đón người đêm cỏ
tranh cao bên đường
Trông lên đôi núi mờ
sương
Mưa bay tắt tuổi mưa
rong tằm ngắn
Tiêu điều ngo ngác
trại quán
Đất lầy bùn đỏ quánh
chăm ghé người
Ngón ngang chiến cụ
bỏ rơi
Xanh om bờ bụi tả tơi
lũy đôn
Nhà hoang vách trống
gió luống,
Vắng tanh nỗi nhớ đập
dồn bóng vắng
Ngà lung trên đất mơ
màng
Hè trời trôi giạt ngô
ngang tầm thẳm.

Ông bị học tập cải
tạo bảy năm, "trời
giạt ngô ngang" đến
những trại tù khác từ
Yên Bái, Lào Kay, đến
Vinh Phú. Theo lời của
nhà văn Phạm Nhật
Nam, đăng trên tờ Việt
Báo tại Quận Cam,
Thanh Tâm Tuyền đã
ở tù Cộng Sản rất lâu,
thuộc nhóm tù 776,
đoàn Hoàng Liên Sơn,
bị đưa ra miền Bắc.
Sau khi ra tù, ông về
Bình Giả, Phước Tuy
để làm ruộng, có lúc
viết văn gởi ra hải
ngoại với bút hiệu Trần
Khá. Trong thời gian
lao động khổ sai tại
trại K5 Tân Lập, Vinh
Phú, thi sĩ kẻ tâm trạng
của kiếp người ngang
với thú vật:

Người nghe tiếng thở
phi phò của trâu
Tiếng tim đập ú tại
ngực nhói
Con vật đói và người
cũng đói
Bước mộng du theo
nắng lên cao.
Hỏi hòm trắng lạnh
ngồi thanh vắng
Đêm này rồi bao đêm
nữa
người tù sẽ còn thục
trắng.

(Thơ Tặng Bạn Đi Cây)

Rời tù năm 1982, ông
đoàn tụ với thân nhân
tại Minnesota, sống
lặng lẽ, âm thầm ở đó
cho đến ngày cuối đời.
Thanh Tâm Tuyền để

lại những tác phẩm:
Tôi Không Còn Có Độc
(thơ, 1955); Liên Đêm
Mặt Trời Tim Thấy
(thơ, 1964); Khuôn Mặt
(truyện, 1964); Bếp Lửa
(truyện, 1966); Dọc
Đường (truyện, 1966);
Ba Chị Em (kịch, 1967);
Cát Lầy (truyện, 1967);
Mù Khói (truyện, 1970);
Tiếng Động (truyện,
1970); Tạp Ghi (phiếm
lược, 1970); Một Chủ
Nhật Khác (truyện,
1975); và Thơ Ở Đầu
Xa (thơ, 1990). Tuy
viết hầu hết truyện và
tiểu thuyết trong ba
thập niên, Thanh Tâm
Tuyền đã mở đầu và
kết thúc sự nghiệp
bằng một tập thơ. Ở
trong ông là một thi sĩ,
mặc dù ông viết nhiều
tiểu thuyết. Truyện của
ông có đầy ắp chất
thơ, và người ta nhớ
đến ông nhiều hơn
qua những bài thơ.

Kèm với những bài viết
ngắn về tiểu sử, tác
phẩm, vài nhật báo đã
đăng bức hình của một
Thanh Tâm Tuyền rất
trẻ, tươi cười trong bộ
vết đen, áo sơ-mi trắng
có thắt cà vạt đen.
Ông có đôi chân mày
dài, rậm, đầy nghị lực.
Hình được chụp trong
ngày cuối của hai
người bạn trong văn
giới, Thanh Nam và
Tây Hồng. Nhìn Thanh
Tâm Tuyền cười miệng
rộng, tia mắt tinh tú,
người ta khó nghĩ ông

tim./Đôi giông gió lay
trăng hồng là thiệp./
Và hàm hồ buột giãi
khóc êm." Bốn câu thơ
cuối của biến khúc
bộc lộ cảm xúc, tâm
trạng của "kẻ lạ mặt".
"Thấy ngôi nhà bằng
bạc chầy như tim," Nói
nhớ dậy lên như lửa
cháy. Ngôi nhà là một
trời kỷ niệm. Ảnh chiếu
của ngoại giới đi vào
tâm cảnh. Biến khúc
dạo đầu cuốn hút ngay
người đọc.

Biến khúc 2:

Ngôi nhà đỏ trên đồi
trăng hồng lạ.
Chiều ủa tâm, trời tim
buổi tình sương,
Nắng hớn hờ - nắng
trong veo như mắt -
Mím cười ủa, phố thấp,
vầy chằng.

Mái nghiêng cúi, ngôi
nấu đôi củ vẩn.
Trổ bóng mưa, phơi
đóa mộng di kỷ.
Mộng vơi vợi, chuỗi
mưa điên mồi ủa.
Xuôi theo mưa giọt lệ
chưa lia.

Tường ấp ủ hơi dòn
nghìn giấc chết.
Nắng như trăng nhóm
lửa bơ vơ.
Guong mặt héo chập
chòn sau giậu đỏ
Khuất dung nhan trong
dáng ơ hồ.

Thêm quạnh quẽ gọi

chân cạ hỏi tường
Gót cô đơn nghe rào
tận hiên ngoài.
Quãng trống trái, lịm
sạy trắng thổ lộ
Nhưng âm vang cùng
thắm cuối trời.

Đèn vẩn thấp, Cửa sổ
kia vẩn mờ.
Loé sáng mù như một
đốm sao.
Đêm dầm lụn. Bướm
đen vòn nghiêng ngả.
Đầu người ngổ nhập
kiếp chiêm bao?

Trắng lợt lợt. Nhà im.
Đôi rét muối.
Tiếng sáo khuya rong
ruổi u hoải.
Đường trơn dốc đầy
chân trĩ niu.
Nhà lênh đênh theo
trận lũ rã rời.

Biến khúc như một bức
tranh lung linh sắc
màu, đẹp có liêu. Gam
màu chính là đôi trăng
hồng lạ, hòa quyện
cùng với các màu trời
tim buổi tình sương,
màu nắng trong veo,
màu nắng như trắng,
màu ngôi nấu, màu loé
sáng mù, màu bướm
đen, màu trắng lợt lợt.
Trăm mình trong sắc
màu lung linh ấy, "kẻ
lạ mặt" lại nuôi mộng
với chuỗi mưa điên
mồi ủa đầy tâm trạng.
Nuôi mộng, nhưng
vẫn hiện hữu trong cõi
thực: "Tường ấp ủ hơi

Sếp theo trang 41



Ảnh: NGUYỄN LƯƠNG VY
Bìa: TUYẾN NGUYỄN

có những dầm vật, xấu
xè, bức bí, ngột thở
trong tám hồn ẩn mặt
của ông. Trong một
bài viết tường niệm
sự mất mát của nhà
thơ, đăng trên nhật
báo Người Việt, nữ ca
sĩ Quỳnh Giao cho
thấy một khía cạnh
của Thanh Tâm Tuyền
mà hầu hết chúng ta
vì thời gian, không
gian và vì hoàn cảnh,
không có cơ may được
biết. Quỳnh Giao viết:

"Nhà thơ Nguyễn Sa
là ông thầy Trầm Bích
Lam duyên dáng, dạy
triết mà khiến học
trò mê thơ. Nhà thơ
Thanh Tâm Tuyền là
ông thầy Dư Văn Tâm
khắc khổ, dạy Việt văn
mà như là dạy triết.
Vào lớp, Thanh Tâm
Tuyền ngừng lên trời,
dạy văn cho lũ học trò
mà như đối thoại với
Thượng Đế. Cái chất
duy nhất rất người của
ông là mười đầu ngón
tay vàng nhưng khô
thước."

Tuy thơ của Thanh
Tâm Tuyền thường
được mô tả khô héo,
tối tăm, ngọt ngọt,
người ta cũng phổ
được mấy bài thơ của
ông, để lại những ca
khúc nổi tiếng như "Lệ
Đá Xanh" do Cung
Tiến phổ nhạc, "Đêm
Màu Hồng" được nhạc
sĩ Phạm Đình Chương
lấy từ bài thơ "Bài

Ngôi Cạ Tình Yêu", và
bài "Dạ Tâm Khúc"
cũng do Phạm Đình
Chương.

Bên cạnh những dư
kiện tìm thấy ở mấy
cuốn sách, các bản
tin trên nhật báo, tôi
cũng đọc được đôi
ba đoạn của Nguyễn
Hung Quốc viết về
Thanh Tâm Tuyền. Có
lẽ không có ai hiểu
thơ, cảm thơ, giãi thích
thơ, viết về thơ sâu sắc,
hấp dẫn bằng Nguyễn
Hung Quốc. Nhà phê
bình này đã viết về
Thanh Tâm Tuyền
trong cuốn Thơ, V.V...
và V.V...:

"Ở miền Nam, thời kỳ
1954-75, nhiều nhà thơ,
đi tiên phong là Thanh
Tâm Tuyền, muốn kéo
thơ ra khỏi thế giới
tưởng tượng thơ mộng
và huyền ảo của Thơ
Mới, muốn 'phá vỡ
những giấc mơ quen
thuộc... [để] đưa người
ta đi tìm sự thật'. Song,
dù sao, Thanh Tâm
Tuyền cũng không hề
đời trực xuất tượng
tượng ra khỏi thơ để
thơ trở thành một tấm
guong soi chiếu hiện
thực. Điều ông cố vũ
là đổi mới cách tưởng
tượng: tưởng tượng, với
các nhà Thơ Mới, vốn
gắn liền với cảm xúc,
thường nhẹ nhàng,
như những tiếng ru,
dẫn người đọc đi ủa,
ra khỏi cuộc đời; với

Thanh Tâm Tuyền,
gắn liền với ý thức,
chứa đầy dầm vật, như
những tiếng thét, kéo
người ta ra khỏi giấc
mơ để đối diện với
những đố vỡ, những
hỏa hoạn, những thiên
tai ngay chính trong
tâm hồn của mình.
Tưởng tượng, với các
nhà Thơ Mới, nghiêng
về khía cạnh thoát ly;
với Thanh Tâm Tuyền,
nghiêng về khía cạnh
nhận thức; với các nhà
Thơ Mới, nảy sinh từ
đời sống nông thôn,
với Thanh Tâm Tuyền,
từ đời sống thành thị;
với các nhà Thơ Mới,
mang màu sắc lãng
mạn chủ nghĩa, với
Thanh Tâm Tuyền,
mang màu sắc hiện
đại chủ nghĩa." (trang
105-106)

Cũng trong cuốn Thơ,
V.V... và V.V... xuất
bản năm 1996, Nguyễn
Hung Quốc viết ở trang
185: "Trước, nhà thơ
tự coi mình như một
kẻ có phẩm chất đặc
biệt và cao cả, khác
hầm phàm trần, không
thể có tri âm giữa trần,
nên chỉ trò chuyện với
vũ trụ, với trăng sao.
Nay, ngược lại, nói
như Thanh Tâm Tuyền,
'người làm thơ... chỉ là
tên ăn mày lẩn giữa
đám đông khốn cùng
với một máu tự do còn
sốt lạnh.'"

Trước đó, vào năm

1989, Nguyễn Hưng
Quốc có viết về Thanh
Tâm Tuyền trong cuốn
tiểu luận Nghi Vẻ Thơ
từ trang 54 đến 56:

"Ở miền Nam trước
năm 75, dường như
nhiều lúc Thanh Tâm
Tuyền cũng muốn
thăm dò cái cõi tiềm
thức ẩn mặt trong một
số bài thơ đến nay vẫn
bị coi là tối tăm. Thử
đọc bài thơ số 9 trong
chùm 'Đêm' in trong
tập Liên Đêm Mặt Trời
Tim Thấy:

Một giọng trầm đêm
Niềm cô độc sâu
Nét nhạc xanh cung
thương đen
Mì mắt triu mùa đông
củ
Cái chết bốc hơi
Tiếng kèn rách vô hình
dáng
Người con gái áo đen
xóa tóc ngất
Hai cánh tay dài quăm
quai hai con trăn hiến
lành
Không khi nhiệm đọc
Đập vỡ
Quá khứ hồn xược trên
da trống
Ném miếng chơi lên
mặt trời mù
Nói thắm nói thắm
Mưa rét muối
Thời gian dần trừ khử
Giọng như hơi cháy
dưới sinh lấy
Nhát bữa hoảng hốt
Tuông lai thét đón đau
Lửa mưa trôi vụt tắt
Tiếng cười dữ tợn
Người con gái áo đen

Thố máu
Cái chết bốc hơi chóng
mặt
Nồn xuống chầm giậm
hòn sỏi đá
Đập vỡ đập vỡ đập vỡ
đập vỡ
Niềm cô độc sâu
Giọng trầm đêm hút.

"Bài thơ viết về đêm
tối. Trọn vẹn một đêm
tối. Từ lúc khởi sự đêm
đến lúc tận cùng đêm.
Đêm mưa rơi lâm
thắm. Như những tiếng
nói thắm. Mưa không
đủ lớn để nên trời
thành đặc quánh hắm.
Người ta vẫn thấy,
mơ thật mờ, trên cao,
một vài vì sao thưa
thớt như những mảnh
chơi lấp lánh. Bóng tối
được ví với một người
con gái. Đêm xuống:
'người con gái áo đen
xóa tóc ngất'. Rạng
đông hùng lên: 'Người
con gái áo đen... thố
máu'. Đêm bị đóng
hóa với cái chết. Đêm
càng sâu, những tiếng
nói, tiếng động càng
dần dần tắt: 'Thời gian
dần trừ khử. Giọng
như hơi cháy dưới sinh
lấy'. Chỉ còn lại, nặng
né trong những người
thao thức, 'niềm cô độc
sâu'."

Nguyễn Hưng Quốc
viết rất lời cuốn, gọi
nhiều ý tưởng, đưa
người "đập ủa" đi vun
vút từ đầu đến cuối
sách của ông một cách
tối tình, nhiều sinh khí.



ĐẠP XE VỚI THANH TÂM TUYỀN

Về mặt phê bình thì tôi không thể viết như thế. Cảm được những điều tác giả muốn diễn tả cũng đủ... mệt, hụt hơi, hướng hồ phác hiệu và trình bày lại cho người khác cũng hiểu như vậy quả là khó.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên viết có mấy chữ về Thanh Tâm Tuyền mà viết cũng không xong, chưa hết ý. Đến Mỹ năm 1975 ở tuổi mới lớn, mới khi giành được một chút tiền, tôi mua mấy đĩa nhạc Mỹ và gói thư mua sách tiếng Việt từ nơi xa. Dần dần kệ sách của tôi cũng lên vài chục cuốn. Lúc đó tôi qui sách vô cùng, không để sách bừa bãi, chất đống dưới garage như hiện nay. Tủ sách nằm bên cạnh giường (thật sự thì nhà chật, không để sách gần giường thì không còn chỗ nào khác). Bìa của mỗi cuốn sách được tôi dán một lớp giấy plastic trong suốt, giúp cho bìa được bền hơn,

sách được thọ hơn mặc dù in bìa mỏng, giấy xoàng.

Một trong những cuốn được tôi năng nịu, cần thận bọc bìa là bộ hai cuốn Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta. Mua bộ sách này tiện, được đọc truyện của 45 tác giả mà giá chỉ có \$16 đồng, cộng thêm cước phí. Mỗi tác giả không tới 50 xu. Thời đó tôi còn rảnh rang, bận gì chưa có, còn đi học, đi làm bán-thời-gian, chưa có công việc chính thức, cũng chưa có Internet để chat với ai, nên còn thời giờ để đọc sách. Đọc xong truyện của mỗi tác giả trị giá 50 xu, tôi thường dùng viết chỉ để ghi chú vài chữ, giới lắm thì được một, hai dòng ý kiến ở cuối trang. Khi biết Thanh Tâm Tuyền đã lia trắm, tôi tìm lại cuốn Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta, tập 2, xem thử mình đã viết

gì về truyện của ông ấy.

Đọc lại mấy dòng chữ viết hơn hai-mươi năm trước cũng giống như xem lại một bức hình, thấy mình tóc tai, quần áo dị hợm, cười ngớ ngẩn mà tưởng đẹp trai, gó ghé lắm. Ở cuối truyện ngắn "Độc Đường" của Thanh Tâm Tuyền, tôi đã viết mấy dòng chữ như sau: "Hay! Tác giả thu hút người đọc từ lúc có người đàn ông lạ kia. Không khí yên lặng rồi từ từ ngọt ngào dần lên như sắp sửa có gì to lớn xảy ra. Thời gian chọn rất mới lạ (đối với những truyện ngắn khác)."

Truyện "Độc Đường" kể một người đàn ông đi tìm người em làm việc ở một đồn điền cao su. Ông xuống xe đo lăm địa điểm, chờ xe khác không có, cũng không ai cho ông nương tựa, cho ngủ qua đêm dù chỉ xin ngủ trên sân đất. Một bà chủ quán, một ông thợ sửa xe biết khuấy đầm, một bà lão tu hành, ai cũng sợ dung chứa một người lạ. Cho dù biết ông nói thật, họ cũng sợ bị liên lụy tại một miền quê đang bao trùm trong không khí chiến tranh.

Lần thứ nhì trong đời tôi được "gặp" Thanh

Tâm Tuyền, đạp xe với ông là cuốn tiểu thuyết Một Chủ Nhật Khác. Đây là truyện tiểu thuyết cuối cùng của ông, xuất bản vào năm 1975, được Văn tôi bản tại California năm 1983. Văn là nguyệt san, cơ sở xuất bản của ông Mai Thảo, bạn thân của Thanh Tâm Tuyền. Một Chủ Nhật Khác kể một truyện tình say đắm, vô vọng của Kiệt trong một mùa hè nóng bỏng, hồi hả chìm giữa bầu không khí của súng đạn, bom lửa.

Bên ngoài thư viện quá nghèo nàn của tôi, đầu đó tôi tìm được bài thơ "Dạ Khúc" của ông:

"Anh sợ những cột đèn
đổ xuống
Rối dây điện cuốn lấy
chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh dịu em đi xa

Đi đi chúng ta đến
công viên
Nơi anh sẽ hôn em
đắm đuối
Ồi môi em như một
đáng
Như móng sắc thương
đau

Đi đi anh đưa em vào
quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà Nội
Anh là thằng điên
khùng
Ôm em trong tay mà

đã nhớ em ngày sắp
tối
Chiếc kèn hát mãi
tham vãn
Điệu nhạc gảy nỉu
nhau tuyệt vọng
Tuổi trẻ sao quá buồn
Như con mắt giận dữ
Tuổi trẻ sao quá buồn
Như bầm ghế không
bấy

Thôi em hãy đừng dậy
Người bán hàng đã
ngủ sau quầy
Anh đưa em đi trốn
Nhưng đây vô ngày
mai."

"Dạ Khúc" có lẽ là bài thơ nổi tiếng nhất, được người ta nhắc đến mỗi khi nói về Thanh Tâm Tuyền. Nếu hiểu tiếng Việt, đọc được thơ của Thanh Tâm Tuyền, chắc nhà tiểu thuyết và phê bình William Gass ở St. Louis cũng thích chí, tấm tắc khen ông là một "ảo thuật gia, viết lên một ca khúc với những khái niệm, vui chơi trong kịch tính và vũ điệu của tư tưởng." Trong lễ truy niệm trước ngày an táng thi sĩ, người ta được nghe vài trích đoạn trong những tác phẩm của ông. Họ được nhìn thấy trong trí tưởng tượng những vũ điệu của chữ nghĩa, của tình yêu do chính ảo thuật gia Thanh Tâm Tuyền cống hiến.

"Em là lá biếc là mây



cao là tiếng hát / Sớm
mai khua thừ nhiều
nhớ thương."

Hay

"Tiếng ngàn năm em
gọi / Yêu nhau hết một
đời."

Thêm nữa

"Ngày chưa lên gió
cuồng trong hắt hui /
Bạc bẽ chia tay ném
bỏ lại cô đơn."

Chiều hôm ấy cuối
tháng Ba, trời đang
mưa lớn ở Quận Cam.
Đường Bolsa mờ ẩn
dưới mây mưa, chìm
lại vào giấc ngủ trong
một ngày không có
nắng. Sau giờ làm việc
ở đài phát thanh, tôi
lái xe hấp tấp xuống
phố, đội mưa chạy vào
một tiệm sách trong
sứ mạng kiếm thêm
những tác phẩm của
Thanh Tâm Tuyền.
Con thêm đập xe với
sách đã tràn lên trong
tôi. Tiệm Văn Bút nằm
trong trung tâm của
phố Bolsa. Tôi ngạc
nhiên khi nghe chị Mai
nói tiệm không có cuốn
nào của Thanh Tâm
Tuyền, ngoại trừ truyện
Tiếng Động. Chỉ lục lại
một hồi trong kệ sách
khuyết trong góc tường,
cầm ra cho tôi một
cuốn sách mỏng, bìa
tím. Cuốn Tiếng Động
này được chụp lại
từ ấn bản trước năm
1975, nét chữ không

sắc sảo. Tôi xem giá
\$6 đồng ở bìa sau, tính
lấy tiền trả. Chị Mai
xua tay, nhất định tặng
sách cho tôi. Thấy chị
lắc đầu, nói "Thôi" đến
ba lần, tôi đành cầm
sách, không biết tính
sao cho sông phẳng
với chị ngoài lời "Cám
on" lúng túng ở trong
miệng. Thỉnh thoảng
tôi vẫn ghé Văn Bút để
đưa sách của tôi cho
chị bán. Có lẽ từng
đọc bài, biết tôi là một
chủ tiệm sách thất bại,
viết sách không khá
tiền, nên chị tặng cuốn
sách, không muốn lấy
tiền của một ông nhà
văn nghèo? Tôi kẹp
sách trong nách, đội
mưa chạy ra ngoài xe.

Gần đó, trong khu
Phước Lộc Thọ có tiệm
sách Văn Khoa. Tôi
lại dầm mưa, phóng
nhanh mình băng qua
bãi đậu xe. Nghe tôi
hỏi, anh Tuấn lắc đầu,
nói tiệm không có cuốn
nào của Thanh Tâm
Tuyền. Ảnh thờ dài
trong lúc ngồi đẳng
sau quầy nhạc, nói
chậm rãi với nét mặt
chăm chú. Tiệm
Văn Khoa có địa điểm
tốt nhất so với những
tiệm sách khác, nằm
gần cửa ra vào của
thương xá Phước Lộc
Thọ, nơi mà hầu hết
người Việt từ khắp nơi
từng đặt chân đến
nhằm dịp đến khu phố
Little Saigon. Trời
đang mưa, tiệm chỉ có

hai ông khách đang
đứng thọc tay trong túi
quần, vừa liếc nhanh
mấy tựa sách vừa nhìn
ra ngoài, như chờ tiếng
gọi của vợ là dọt
ra đưa bà ấy đi chợ
khác, mà tôi - một ông
khách đầu uớt, đeo
kiếng cận lồm đồm
những giọt mưa không
biết có thấy đường hay
không - lại hỏi sách
Thanh Tâm Tuyền thì
chủ tiệm thờ dài cũng
phải.

Từ đường Bolsa, tôi
lái xe trong mưa qua
đường Brookhurst,
ghé tiệm Tự Lực. Tiệm
này có nhiều sách
nhất trong vùng. Tuy
vậy, sau một hồi bấm
máy điện toán, cô bán
hàng cho biết tiệm chỉ
có tập Thơ Ở Đầu Xà
và cuốn Tiếng Động.
Chỉ có vậy. Không có
Tôi Không Còn Có
Độc, Bếp Lửa, hoặc
Liên Đêm Mặt Trời
Tim Tháy. Tôi trả tiền
mua Thơ Ở Đầu Xà,
bỏ ý định ghé hai tiệm
sách còn lại trong
phố Bolsa. Tiệm Tú
Quỳnh kỳ cục, mở cửa
từ ngày phố Việt mới
hình thành. Tiệm Văn
Nghệ mở sau, cũng có
nhiều sách. Tuy vậy,
tôi không nghĩ hai tiệm
này còn cuốn nào khác
ngoài Thơ Ở Đầu Xà
và Tiếng Động. Thù
phù của người Việt tí
nạn không còn một tập
thơ, một cuốn truyện
nào của một người có

danh tiếng trong làng
văn chương. Ở đây
không có thì còn tìm ở
đâu? Không riêng gì
sách của Thanh Tâm
Tuyền, tác phẩm của
nhiều thi sĩ khác cũng
không chắc còn bày
bán tại Quận Cam.
Thơ khó bán, ít người
mua, tiệm không có đủ
chỗ ở trên kệ để chứa
hết các tác phẩm. Còn
vài lý do chính đáng
khác, lốt đường cho
hành trình hăm hui
của người làm thơ, đùa
với chữ nghĩa.
Tôi ôm hai cuốn sách
về nhà, chờ mong một
chuyến du hành với
Thanh Tâm Tuyền, nòn
nào muốn biết thơ ông
có còn dằn vặt, trăn
trở, lạ thường như mấy
chục năm trước. Thơ
Ở Đầu Xà là tác phẩm
cuối cùng của Thanh
Tâm Tuyền, gồm
những bài thơ, đoản
văn từ 1975 đến 1990.
Ở Thơ Ở Đầu Xà, tôi
tìm thấy sự lắng đọng,
chấp nhận, bình an
trong tâm hồn ẩn một
của thi sĩ, không còn
"khua thừ", không
giục dã, hối hả đến
nói "Anh đưa em đi
trốn / Nhưng dẫu vô
ngày mai" mà ông
từng trải trong một thời
trẻ nhiều khuấy động,
đuối hơi bơi tìm hạnh
phúc trên một đất nước
chìm đắm trong chiến
tranh. Tuy tập thơ đầu
và tập thơ cuối ra đời
cách nhau gần bốn
thập niên, tôi vẫn nghe

ở ông một nỗi niềm
thương nhớ, một nỗi
buồn không chỉ riêng
có ở tuổi trẻ mà thôi,
của những người nhem
thức sự cô đơn, phù du
trong cuộc sống, trong
kiếp người. Tôi đọc đi
đọc lại đôi, ba lần bài
"Ngã Trên Núi Việt
Hồng Ở Yên Báy Khi
Đi Vác Nứa":

"Tuột dốc té nhào trên
hém núi
Chết đuối toác thân
trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa
phơi phới
Ngày đang tàn hui
quạnh rừng sâu

Duỗi soài chằm tay gối
trên nua
Ngó trời nhá nhem
nghe mưa mau
Tuồng chùng thì thế ai
thối rữa
Hồn viển vông chẳng
chút oán sầu

Mưa giăng tấm lưới
trắng dầy khít
Làng xóm dưới núi ở
phương nào?
Gió lạnh tái tê bỏ liệm
chặt
Lá thiếp người quên
bằng sức đau

Đám minh trong hạnh
của ẩn mặt
Mắt hoen nhòa húng
giọt thiên sầu
Đò đắm lối về đêm tối
mịt
Sông xa núi thăm què
nhà đâu?

Tôi cảm nỗi đau thấm



ĐẠP XE VỚI THANH TÂM TUYỀN

thời của thi sĩ. Ông bị té nhào, chết điếng toàn thân ở một nơi hoang vắng, vậy mà trời đất vẫn như vô tình, "roi đều những hạt mưa phơi phơi", rót xuống một thân phận hiu quạnh nằm giữa rừng sâu, "mắt hơen nhòa hừng giọt thiên châu", Ngoài tựa đề của bài thơ nhắc đến địa danh, gợi ý hoàn cảnh - "Ngã Trên Núi Việt Hồng Ở Yên Báy Khi Đi Vác Nứa" - mười sáu câu thơ không cho biết thời thế nào đã đưa đẩy ông lâm vào tình trạng phải vác nứa ở trên núi, vác quá nặng đến nỗi bị té nhào, "là thiếp người quên bằng sức đau." Trong bài thơ này cũng như trong suốt tập Thơ Ở Đâu Xa, người đọc không thấy những dòng chữ nhắc đến việc ông bị đẩy dơc bảy năm trong các trại tù của Cộng Sản. Thi sĩ không trách mắng, nguyên rủa một chế độ ác độc, cũng không trốn chạy số phận bất

hạnh, chỉ ghi nhận hậu quả của nghịch cảnh đối với nội tâm. Ông chấp nhận định mệnh, sẵn sàng "đuôi sọc chằm tay gói trên nứa", "đắm mình trong hạnh của ẩn mật", để rồi tha thứ với "hồn viễn vông chẳng chút oán sầu."

Đầu đó trong những bài báo, tôi được biết sáu người bạn thân của ông, cũng là những tên tuổi lớn trong giới sáng tác, đã khiêng linh cữu của nhà thơ đến huyệt mộ. Đó là Cung Tiến, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Ngọc Diễm, Vũ Xuân Châu, và Tô Thùy Yên. Đặc biệt, chi tiết về tình bạn giữa hai nhà thơ làm tôi chú ý. Nghe tin bạn mất, thi sĩ Tô Thùy Yên đã lái xe suốt đêm, suốt ngày từ Houston, Texas đến Roseville, Minnesota. Hai bạn thơ từng biết nhau gần nửa thế kỷ trước. Trong chuyến đi vội vã, dài hơn 1.200 dặm từ miền nam

huống lên miền bắc, nhà thơ Tô Thùy Yên chắc ít nói, đề nên những cảm xúc, nên ông không thể giấu lại những giòng lệ giấu giữa trước linh cữu của bạn tại một nhà quán. Trong buổi lễ tưởng niệm, Tô Thùy Yên đã đọc bài thơ "Chia Tay Ở Tây" mà ông từng sáng tác tặng Thanh Tâm Tuyền. Bài thơ đã viết lời từ biệt giữa đôi bạn như được biết từ mấy năm trước: "Mỗi độ nào chia tay ở Tây / Đi đâu hay chỉ cốt rời đây?"

Nhìn hình ảnh những người bạn buồn bã tiễn đưa Thanh Tâm Tuyền đến nơi an nghỉ thiên thu, tôi mừng thấy ông được may mắn trong tình bạn, đồng thời chợt nghe một thoáng ngậm ngùi cho số phận của những người dang hiến đời mình cho chữ nghĩa, lòng kiếm một thứ hạnh phúc vô vọng trong văn chương. Người đời, trong đó có tôi, thường chỉ nghĩ đến những người viết, những kẻ sáng tạo, những nhà ảo thuật của chữ nghĩa một khi họ mới qua đời, trở thành tin thời sự. Đây đó người ta tổ chức chương trình tưởng nhớ trong lúc tình cảm dành cho người quá cố còn đầy ắp, sôi nổi. Dần dà theo thời gian

người ta quên mất nhà thơ, như họ từng lãng quên khi thi sĩ còn sống. Nghĩa trang ở Quận Cam đã đón nhận những thi sĩ Mai Thảo, Nguyễn Sa, và Nguyễn Tất Nhiên. Mấy ai còn tưởng niệm, còn bước vào tiệm sách hỏi mua thơ của họ?

Trong một ngày bệnh đầu tháng Tư, không thể viết tin với những trận ho sù sù, không thể đón khách bên văn phòng với giọng nói thều thào, nghẹt mũi, được mùi thuốc ho, và chắc chắn không đủ sức lái xe đến căn nhà cũ để cảm mộ lênh vẹo lại ống nước, tôi dành quanh quẩn ở trong nhà, chờ được vợ nhắc uống thuốc, ăn cháo, đắp mền. Không biết người khác bị cảm cúm thì sao, riêng tôi, tôi hay bị khó ngủ, trằn trọc vì sốt nóng hoặc ngứa ngáy vì bị thuốc hãm, càng nằm lâu trên giường tôi càng cảm thấy đau như nhiều hơn, muốn bệnh thêm. Trong những ngày bị bệnh như vậy, tôi thường ngồi yên một chỗ cho đỡ chóng mặt. Đó cũng là lúc tôi không thể làm gì khác ngoài trừ đọc sách, nếu còn đủ sức để cầm sách trên tay. Lần bệnh này tôi ngồi ở phòng ăn, lần giờ cuốn Tiếng Động mới mua

chiếu mua hôm nọ.

Chương một mở đầu với dòng chữ: "Tôi biết tôi không thể ngủ trở lại. Cốc cà phê đặc uống buổi tối ngoài quán đã bắt thao thức đến quá nửa đêm. Mỏi lắm mất ngủ tôi nghĩ lắm điều kỳ cục. Đầu óc quay như bộ máy lúc nhanh lúc chậm, quay dung không chẳng ngừng."

Truyện tình Tiếng Động bắt đầu như vậy, lần chuyến bánh xe đưa tôi vào thế giới của Thanh Tâm Tuyền. Tôi như quên cơn bệnh, đạp xe với ông trở về một khung cảnh và thời gian của hơn 30 năm trước. Một cuộc hành hương đầy lý thú, diễn ra trong yên lặng, mỗi lúc một xa hơn bên ngoài một phòng bếp ở phố Bolsa, mỗi lúc một gần hơn đến một ngôi đền của chữ nghĩa, và từ đó tôi lại tiếp tục những chuyến du hành khác trên cõi vĩnh hằng.

HOÀNG MAI ĐẠT
hoangmaidat.wordpress.com

Thối Biệt Mùa Tới...

Chúng ta đừng hong phơi.
Mưa dầm dặt. Gió xô vô sau
lưng, lao đao dưới vực.
Đừng mê mẩn như cây đắm, lá sùng
trong tối.

Thành phố nào đã xa rồi? Bất
sáng đèn đom trong khuôn các cửa
nhà.
Thành phố nào đó? Đâu bóng
chúng ta? Chập chùng đáy lòng
lượn lờ triền đồi.
Thành phố không dung kẻ lẻ. Có
nghe? Có nghe nói niềm cao thấp
chênh vênh?
Có nghe biến biệt giữa trời nói gió?

Chúng ta. Này vẫn chúng ta. Từ
bao lâu? Còn chúng ta ư? Như thế
mọi mảnh gió cuốn. Như thế tấn
liêm trong băng, kết khối. Chẳng
như tượng đá trống sườn non.

Giống nàng cô phụ. Nàng cười rộn
theo mưa rù tóc.
C'est formidable, c'est ridicule,
c'est merveilleux, c'est toi...

Mưa thêm cũ kỹ. Chúng ta cũng cũ
kỹ và huyền hoặc. Thành phố lấp
lờ rên chầm động. Nhưng luồng
sóng truyền nút rạm ôm kín. Ruột
đá nứt. Chẳng thấy biến nhịp nhỏ
hên mơn. Một mùa mưa có kính
phiêu bạt theo đêm thu muộn ru
chàng.

Mộng lẩn vào rừng. Mưa bay tìm
lối. Lối nào đâu? Lối nào đâu?

Trong giấc ngủ đầy của sự thế,
gió động miền hoang dã. Mộng
đâu? Mộng đâu? Gió gọi. Mưa
lay. Gọi đưa trẻ lưu lạc giữa chiều
nắng quái ngoài đồng, đưa trẻ bỏ

gôi buổi mai bên bờ nhìn hồ sương
phủ, đưa trẻ lang thang theo con
chó đói ghé lờ vừa đi vừa liếm vết
thương trụa nắng trên hè thành
phố. Thành phố sụp đổ.

Gọi đưa trẻ hái hừng tuôn chảy xa
tiếng gọi.

Mưa còn đó không? Mưa dầm dặt.
Biến sóng người ngoại ô thành
phố lặn chìm. Chẳng dầm hư hao và
rộn rã. Còn nàng? Nàng vẫn cười
như mưa thấp thoáng. Nàng vui
vầy như mưa và cỏ rồi và đêm và
trống trãi. Phải chăng?
Nàng bật khóc như mưa.

Tháng 8.72

THANH TÂM TUYẾN

tiếp theo trang 37

THANH TÂM TUYẾN ÂM VANG KHÁC

dồn nghìn giấc chết./
Nắng như trắng nhóm
lửa bơ vơ." Vẫn ám
ảnh: "Guồng mặt héo
chập chờn sau giậu
đỏ/Khuất dung nhem
trong dầm ơ hò." Dấu
hỏi trong con u mộng
ảnh "Đầu người ngói
nhập kiếp chiêm bao?"
"Kẻ lạ mặt" đã: "Xuôi
theo mưa giọt lệ chia
lìa." Còn ngôi nhà
thì: "lênh đêngh theo
trận lù rã rời." Biến
khúc với những nhịp
ngắt chệch, u trầm,
rối buong dài trong
khó tho cuối, chuẩn bị
chuyển sang biến khúc
tiếp theo, dồn dập cao
trào.

Biến khúc 3:

Ngôi nhà ở trên đồi
trắng hồng lá.
Trời vòm sóng, bên
quạnh gió mù tăm.
(Nước thao thức lòng
sầu cuốn cuộn hút)
Nàng trở về lạc nẻo
đêm rằm.

Những trận mưa,
những trận mưa tắm tã
Đầy trời trắng rã biến
im hơi.
Những giọt sương,
những giọt sương giá
lã

Lá khép thu, nương
náu, kinh lời.
Bạc đá nổi. Áo giác
buồng. Lối ẩm.
Thêm nào đây trời
rộng giấc hoang vu.
"Chàng đâu? Chàng
đâu? Riêng mình ngọc
ngác."
Chốn tình si thoang
thoảng giọng cười mớ.

Trong thớ mồn mưa
hắt dầm lạnh lẽo
Nắng muộn màng,
nhọt nhọt reo vui
Trên cửa khoá, phò vết
thương loang lổ
Gó xắc xo. Mắt khép
bụi ngùi.

Trên hàng hiên động
tiếng mồn. Cửa mở.
"Nàng là ai?" Âm dội
vàng quạnh vòm
Phút tối ám. Ngoài kia
trời đục xoá.
"Nàng là ai?" Hoảng
hốt cánh dơi đêm.

Đừng kêu lửa. Chấn
mập mờ bước sóng.
Buồng tìm tơ lửa ngùn
phủ thế lương.
Đừng kêu lửa. Ngọn
lất lay tỏa bóng.
Buồng tìm tơ sáng
quắc ánh băng.

Hai tay giá trườn qua

nh hương nồng vắng.
Tuồng dầm rêu. Ghé
bụi. Ôi mùa hè.
Gió lửa thổi, nắng bay.
Bàn quên lãng.
Nhưng đốm hoa nháy
nhót ham mê.

Khuôn cửa sổ, gương
chìm không hắt ánh
"Nàng là ai?" Chẳng
dưới thấp sau gương
Phố khuya lạc, mờ như
đang thu muộn
"Nàng là ai?" như thế
lối vô cùng.

Niu chặt song, dầm
cây sấu khô trụi.
Trong vườn xưa nắng
khóc cạm đêm nầy.
Trăng thất sắc lánh xa.
Ngày sọ rạng.
Đôi chập chờn. Cỏ rồi
tuồng heo may.

Trong khung cảnh:
"Ngôi nhà ở trên đồi
trắng hồng lá./Trời
vòm sóng. Bên quạnh
gió mù tăm." Thì bỗng
nhiên, như một giấc
liêu trai mơ mị: "Nàng
trở về lạc nẻo đêm
rằm." Sau câu hỏi
thảng thốt từ còi hú
áo của Nàng: "Chàng
đâu? Chàng đâu?
Riêng mình ngọc ngác."
Tôi cảm thấy lạnh
lạnh, ngậm ngùi khi
đọc chậm, rõ và cao
giọng những câu thơ
sau:

"Nàng là ai?" Âm dội
vàng quạnh vòm
"Nàng là ai?" Hoảng
hốt cánh dơi đêm.
"Nàng là ai?" Chàng
dưới thấp sau gương
"Nàng là ai?" như thế
lối vô cùng.

Ở giữa bốn câu hỏi
kia là tiếng hỏi đáp
bi thương của Chàng,
vọng lên trong tâm
tuồng. Tôi tiếp tục đọc
chậm, rõ và cao giọng:

Đừng kêu lửa. Chấn

mập mờ bước sóng.
Buồng tìm tơ lửa ngùn
phủ thế lương.
Đừng kêu lửa. Ngọn
lất lay tỏa bóng
Buồng tìm tơ sáng
quắc ánh băng.

Những câu thơ đồng
hiện trong Âm, Hình
và Bông. Nhịp ngắt,
chấm câu, buong câu,
lâm cho âm vực vừa
rộng vừa sâu như nói
lông thảng thốt của cái
kia đang la thắm trong
hư vắng. Đẹp và lạnh
rung rung!

Biến khúc với nhịp thơ
dồn dập, hình ảnh
đồng hiện ảo và thực,
tâm trạng đầy cảm
xúc, tình huống đầy
kịch tính. Theo tôi, đây
là biến khúc cao trào
nhất, hay nhất, đẹp
nhất của bài thơ, gồm
36 câu, dài nhất trong
6 biến khúc. Phải đọc
chậm lại, rõ từng câu,
từng chữ và nghe kỹ
lại, nhìn sâu vào từng
câu thơ, từng chữ thơ,
thì mới cảm thấu được
cái hay, cái đẹp của
biến khúc này.

Biến khúc 4:

Ngôi nhà đỏ đôi trắng
hồng dưới nhỏ
Thỏ hơi sương run rẩy.
Ngã trong trời
Nhòe gió bắc, ngựa
mây đón gấp vô
Tiếng nhậm đen. Thả
bóng quạnh hiu rồi.

Đôi bập bênh trôi trên
lưng biển trắng
Mái nhà ôm, nhỏ nóc
hủ gào người.
Người gắng gượng rồi
dáng hình lẳng đàng.
Đêm như hôn lòng
còng, Cấn mới.

Những bụi đá lấp
chìm. Đá rét muối
Dâng dưới chân. Đột
sóng nổi chông chênh.

Người hẳn tiếc những
khuya trời ngó thoáng
Đá nhùn mình nắng
gót nhẹ thềm.

Bụi hoa trắng ngó tìm
trên đầu dốc.
Hoa ngói trông. Rạng
hiện lối đơn sơ.
Hoa thù nghịch. Cuối ý
sầu điên đảo.
Rủ ruội hong cánh ướt.
Quắc mờ.

Đèn vàng lụn như đầu
diêm xoè tắt
Lửa thuyền xa, đom
đóm dạt phiêu bóng.
Tĩnh rầu rĩ kêu tiếng
trầm cần đắng
Bóng vang hư, thoáng
lìm như không.

Kia tóc sùng, tựa gò
tuồng đầy nghiêng.
Bám vịn trên cửa gò
sượng sùng.
Thêm hiên gió rập rờn
xò huyền hoặc.
Đầu buốt mề nhịp gó
kinh hoảng.

Biến khúc lan tỏa một
không gian, một cấu
trúc phân ly, song
song, gấp gáp, gấp
ghénh trong những
chuoít từ ngữ đầy hình
ảnh (hơi sương run
rẩy - ngựa mây đón
gấp vô./ đôi bập bênh
- lưng biển trắng./ nhà
ôm - nóc hủ./ đá lấp
chìm - đá rét muối - đá
nhùn mình./ hoa trắng
ngó - hoa ngói trông -
hoa thù nghịch./ đèn
vàng lụn - đầu diêm
xoè tắt./ lửa thuyền
xa - đom đóm dạt./
bóng vang hư - tóc
sùng./ cửa gò sượng
sùng - đầu buốt mề.)
Một không gian vừa
thực, vừa huyền hoặc.
Biến khúc chuyển động
những âm vang dầm
dặt, mệnh mạng cảm
xúc trầm tư, hồi tưởng.
Những âm trầm cuối
câu vút nhẹ niềm bí
mẫn, ánh lên những

THANH TÂM TUYÊN ÂM VANG KHÁC

đốm sáng nhấp nháy
không lời. Từng cặp
đôi trong mỗi khó
tho bốn câu, khi đọc
lên và lòng nghe, âm
vang chày song song
với bóng hình, rồi hòa
quyện vào nhau. Một
cấu trúc lạnh, đẹp,
hắt hiu, kết thúc bằng
chuỗi âm nhói lên con
đầu thắm từ ngoài
vào trong, sâu, lắng,
trôi theo "nhịp gõ kinh
hoàng," bất tận.

Biến khúc 5:

Ngôi nhà đỏ đôi trắng
hồng vàng vạc.
Cửa thiên thanh. Mái
mơi ngủ sấm nâu.
Cây biếc lục. Trời tím
tham. Núi sừng.
Phố tuôn vàng huyền
náo dưới triền sáu.

Hạ đen thắm ngò
ngàng đuôi mắt sắc.
Con sốt ngày. Nắng
trái thắm ham mê.
Mỏ tung của nhốt thời
gian ù dột.
Giò mon man, lúc
rạng rỡ đêm hè.

Chàng thò vôi hương
bay trên đầu dốc.
Ngực còn cào. Trống
hút những âm quên.
Bực đá gọi - ngắt một
mùa thảo mộc -
Gọi trắng trong. Phấp
phối. Chuông rền.

Trên lối nhỏ đứng

ngây. Tuôn lệ.
Trời đêm xưa, gió lộng
cùng về thắm.
Tuồng giai im. Nàng
ngựa đầu chộp mộng.
Thêm hoang đầy, xanh
miết miết trắng.

Chốt lỏng gậy. Cửa bỏ
không. Mỏ hoặc.
"Chàng là ai?" Ghé
mộc quy rồi chân.
Trắng rọi lối quanh co.
Ngách lắng tiếng.
"Chàng là ai?" Chim
kêu lạc. Tán ngấn.

Nàng hát hải ngoại
vườn. Ngày huyền ảo.
Góp lượn cảnh. Đốt
lửa. Xón xang trắng.
Nhà quay tit trên vòng
quay đám hội
Gió khắp đối. Lửa chơi
sáng biến bằng.

Bốn câu thơ trong khó
đầu của biến khúc như
một bức tranh toàn
cảnh, đẹp long lanh,
lung linh. Ba câu thơ
đầu ánh lên nét trầm
tư, tĩnh mặc. Câu thơ
cuối "Phố tuôn vàng
huyền náo dưới triền
sáu" hình ảnh linh
động, huyền ảo để
rời chuyển sang khó
thơ tiếp theo. "Hạ đen
thắm" - "đuôi mắt
sắc" đồng hiện tâm
trạng, cảm xúc ngò
ngàng của cảnh và
người, của người và
cảnh. Ngày - lên con
sốt. Nắng - trái thắm

ham mê. Để làm gì
đây? "Mỏ tung của
nhốt thời gian ù dột/
Giò mon man, lúc
rạng rỡ đêm hè." Đêm
lại trở về. Chàng và
Nàng hiện ra hư hư
thực thực trong 2 khó
thơ tiếp sau. "Chàng
thò vôi hương bay trên
đầu dốc./Ngực còn
cào. Trống hút những
âm quên." - "Tuồng
giai im. Nàng ngựa
đầu chộp mộng./Thêm
hoang đầy, xanh miết
miết trắng." Đồng hiện
ảnh thực, ảnh ảo đầy
tâm trạng! Trong biến
khúc này, Nàng "lên
tiếng," hay là ảo thanh
của nàng: "Chàng là
ai?" "Chàng là ai?"
Không lời hỏi đáp.
Đêm liêu trai mà mị
đã qua. Bóng ngày
hiện ra, ẩn hiện đầu
đỏ hình ảnh: "Nàng hát
hải ngoại vườn. Ngày
huyền ảo./Góp lượn
cảnh. Đốt lửa. Xón
xang trắng./Nhà quay
tit trên vòng quay đám
hội/Gió khắp đối.Lửa
chơi sáng biến bằng."
Nếu như biến khúc 3 ở
trên đây cao trào, kịch
tích với nhịp thơ dồn
đập, hình ảnh đồng
hiện liên tục giữa ảo
và thực, thì biến khúc
5 ở đây, âm vang nhịp
thơ trôi chậm lại, dặt
diu, rồi lắng
xuống, nhưng hình ảnh
hiu hắt, cô liêu hơn.

Cửa ngõ chết, nói mù
dàng dặt
Hoa trông vôi khấp
niềm riêng nghi hoặc.
Đừng ngoái nhìn.
Đừng ngoái nhìn.
Chàng ơi.
Trắng ngò sáng. Trắng
ngậm sương trăm mực.

Biến khúc 6:

Ngôi nhà đỏ trên đôi
trắng hồng khỏa.
Trời sương lam. Núi
ngây rừng gió lạ.
Cây ngà say. Đêm heo
hút lặng khơi.
Mưa trò gió. Ruồi ruồi
buồn cỏ lá.

Im. Rớt im. Nhánh khô
ròn. Bước động.
Ngôi lệch xò, báng
hoàng, che khuất
mộng.
Chàng quay lưng mới
một ngắm phố chìm.
Cửa đóng bít. Rào vấy.
Mắt hoặc trống.

Trắng chộp lấy. Nhỏ to

vắng tiếng hát.
Mưa hạ vàng rực rỡ,
tuôn bát ngát.
Đêm ơi đêm còn khúc
điệu nào chẳng
Vô vế chàng? Trời yếu
đầu ngẩn ngát.

Hãy đắm đuối. Chàng
Orphée si dại.
Đừng ngoái nhìn.
Đừng ngoái nhìn. Bỏ
bụi.
Tựa gai, vườn hoang
phế. Bóng ảnh nàng
Trôi tan tác trong hành
lang thắm tối.

Cửa ngõ chết, nói mù
dàng dặt
Hoa trông vôi khấp
niềm riêng nghi hoặc.
Đừng ngoái nhìn.
Đừng ngoái nhìn.
Chàng ơi.
Trắng ngò sáng. Trắng
ngậm sương trăm mực.

Mưa ngã độc. Nhà nin
hoi lẩn lút.
Đôi sượng sắn. Cây lia
cảnh, lá trút.
Đừng ngoái nhìn. Phơ
phất khói sương thu.
Đừng ngoái nhìn.
Trắng khoả thắm xanh
muốt.

Nàng vắng bật, biến
mất, chẳng biết đi
đâu, về đâu! Ngôi
nhà đỏ nói hăm lên
giữa màu trắng hồng
khỏa. Ba câu thơ cuối
của khó thơ đầu ngắt
nhịp đều 3-5, 3-5, 3-5:
"Trời sương lam. Núi
ngây rừng gió lạ./Cây
ngà say. Đêm heo hút
lặng khơi./Mưa trò gió.
Ruồi ruồi buồn cỏ lá."
Tôi đọc chậm rãi, nhỏ
giọng, rõ chữ, ngắt câu
theo từng dấu phẩy,
dấu chấm của 3 khó
thơ tiếp theo: Không
gian của một đêm "Im.
Rớt im." Nghe được
hết "Nhánh khô ròn."
"Bước động.""Ngôi

lệch xò." "phố chìm."
Thế mà, thắm hồn của
Chàng mỗi một, vừa
bước đi, vừa quay lại
ngoái nhìn "phố chìm"
- "cửa đóng bít" - "rào
vấy" bằng "mắt hoặc
trống." "Im.Rớt im".
Quạnh hiu đặc quạnh,
quất queo. Cụ thể
có liêu: "Trắng chộp
lấy. Nhỏ to vắng tiếng
hát." Đẹp ngắt cô liêu:
"Mưa hạ vàng rực rỡ,
tuôn bát ngát."

Hãy nhìn bóng dáng
của Chàng: "Mới bực
cấp bước leo dầm hiu
quạnh./Thò chệnh
chao. Hồn tả tơi sóng
sánh." Chỉ còn biết
bảy tỏ, tâm sự với: "đá
mòn," "lối mờ tỏ," "
mưa giông khuya." Vọng
lại từ cõi im vắng
mơ hồ: "Hãy đắm
đuối, Chàng Orphée
si dại." Chàng thi sĩ
Orphée (5) rất mực
tài hoa, rất mực hào
hoa của xứ sở Hy
Lạp phiêu bóng thần
thoại! Nàng Eurydice
kiểu diễm, người yêu
đầu của Orphée, đã
chết lần thứ hai vì cái
ngoái nhìn si dại (do
Orphée quên mất lời
Diêm Vương dặn dò).
Từ câu chuyện của
Orphée, vang lên tiếng
vọng cảnh báo cho
Chàng: "Đừng ngoái
nhìn. Đừng ngoái nhìn.
Chàng ơi." "Đừng
ngoái nhìn. Phơ phất
khói sương thu./Đừng
ngoái nhìn. Trắng
khoả thắm xanh muốt."
Nhưng, cảnh báo cũng
bằng thừa, vì, đầu cho
Chàng có ngoái nhìn,
thì Nàng đã là, vẫn chỉ
là một ảnh ảo, mơ hồ,
lắng đọng khói sương,
huyền hoặc mà thôi!
Toàn bộ biến khúc
giao vắn theo âm trắc
ở cuối câu, khắc khoải,
tiếc nhớ, trống vắng,
heo hút.
Trong bức thư thi sĩ
viết tại Đà Lạt, gửi cho
"Đào Xà,"(6) ngày 27
tháng 10 năm 1972, có
đoạn:
"Ảnh có được nghe
một bộ đĩa quý gồm

Bài Ngợi Ca Tình Yêu

1.

Tôi chờ đợi
lớn lên cùng giông bão
hôm nay tuổi nhỏ khóc trên vai
tim cánh tay nước biển
con ngựa buồn
lừa trốn con người

Đất nước có một lần
tôi ghi dấu đón trong thềm thê
những giông sông những đường cây núi nhọn
những biệt ly rậm nức lòng đường
hút chặt mười ngón tay ngón chân da thịt
như người yêu từ chối vùng vằng

Tôi chờ đợi
cuối lên sắc số
lạ qua mái ngói
thành phố ruộng đồng
bấu lấy tim tôi
thành nhịp thở
ngó cụt đường làng cỏ hoa cổng rãnh
cây già đá sỏi bùn nước mặn nồng
chảy máu
tiếng kêu

2.

Tôi chờ đợi
phối đất lửa cháy
mỏi dầy then thùng
vực xuống nhục nhằn tổ quốc
nhìn gót giấy miệng uống tro than
nghe tiếng ca của một người không quen
của cuộc đời tình nhân

những tác phẩm của Bach do Casals tình cờ lục kiếm thấy, một mình Pablo đàn và thỉnh thoảng nghe nói giọng ngấm nga của Pablo theo tiếng đàn của mình. Tuyệt. Em có thích tiếng đại hồ cầm không? Anh mê. Đêm qua anh đã thu vào băng 7 biến khúc cho Píamo và đại hồ cầm của Beetho trên một theme của Mozart nhưng lại phải xóa đi vì thiếu chỗ. Nếu em thích lần sau anh mua cuốn băng 90 và sẽ thu cho em nghe những khúc đại hồ cầm của Beeth. Anh cũng có một cuốn băng ru mình ngủ. Pablo Casals đọc tấu những điệu ru ngắn.

Khúc thứ 3 - Sleepers awake - cũng như khúc tám sau Sonate của Beetho - Jesus, Joy of Man's desiring - có tính cách tôn giáo. Tuy nhiên nghe thoáng, bông, mát mẻ và trầm tĩnh nhường nào. Có phải không em? Nhưng tuyệt nhất là khúc Toccata and Fugue. Anh nghe hoài không chán những Fugue của Bach. Tuyệt đỉnh nghệ thuật của Bach và cách viết Fugue (nghĩa là có bao nhiêu giọng đều cùng trời hết về của mình, tưởng như gamh đưa hồn độn mà hòa hợp tài tình) là cái Bach mang đến cho âm nhạc. Nghe Fugue mới thấy trầm trề, yêu đời, nồng nàn, cõi mơ nghĩa là đúng như em nghĩ " hạnh phúc tùy lữ". Nhưng em nhớ, Bach mập lấm "tùy lữ" mà vẫn vững vàng oai vệ không hề "lão đảo" "hụt hơi" "chậm nam đá chậm xiêu" thậm hạp đâu. Em nghe kỹ xem. Trước khúc Toccata and Fugue, là Little Suite. Đúng là little. Nhỏ nhẹ, dễ thương, gọn gàng, giản dị hết

sức. Nhưng đâu có kém đầm thắm. Bach thường viết ngay lập tức để dành những exercices để dạy con. Chắc đây cũng là bài Bach viết buông bút, không chút cầu kỳ."(6)

Đọc thư trích dẫn trên đây cho thấy, thi sĩ cũng là người rất đam mê và rất sành điệu về âm nhạc cổ điển Tây phương, nhất là nhạc giao hưởng. "Ngôi Nhà Đỏ, Trăng Hồng" hình như đã được "tấu" lên trong một cảm xúc mê đắm, trào dâng trên nền nhạc của những biến tấu lung linh, huyền ảo. Một bài thơ rất phong phú về nhạc tính, biến đổi liên tục từ đầu đến cuối. Phải chăng giống như "7 biến khúc cho píamo và đại hồ cầm của Beethoven" như thi sĩ đã tâm sự trong bức thư vừa trích dẫn ở trên?

Xin nói thêm về những bức thư của thi sĩ viết gửi "Mon ile" cũng như gửi "Đào xa." Tôi đã đọc đi đọc lại khá nhiều lần, rồi băng khuâng tự hỏi: Vì sao thi sĩ tự ví mình như một Crusoe thất lạc nơi hoang đảo? (nhân vật bi hùng Robinson [Crusoe.] cũng là nhân đề cuốn tiểu thuyết lung danh của nhà văn người Anh, Daniel Defoe.) Phải chăng, gửi "Mon ile," gửi "Đào xa," là gửi cho Crusoe thất lạc? Tức là gửi cho chính mình? Gửi cho cõi cô độc riêng tây của chính mình? Như vậy, viết thư, như là một cách độc thoại. Một Cruoe thất lạc, tôi nghĩ, thi sĩ đã cảm nhận từ rất lâu cái mệnh hệ cô độc riêng tây ấy của đời mình. Cảm nhận, nhưng không cần nói ra, không cần bày tỏ với bất cứ ai, bởi cái phong cách kiêu bạc, bởi trò chơi ẩn ngôn

khíng khoá của thi sĩ? Tự hỏi, rồi tự trả lời một cách tự tin: Đúng vậy! Nhưng khoảng lặng ngấm dài. Thi sĩ lắng nghe trong im vắng: "Chưa bao giờ anh nghe mình du dương lạ thế. Anh nghe vang hoài Ngôi Nhà Đỏ, Trăng Hồng..." Đó cũng chính là niềm hưng khởi từ cô liêu vọng lại để thi sĩ cảm ứng với Thôi Hộ, tấu lên "Sáu biến khúc quanh một đề thơ cổ."

"Ngôi Nhà Đỏ, Trăng Hồng" là câu chuyện tình hư hư thực thực không có kết thúc. Hỡi chịu khó đọc lại hai câu thơ cuối trong biến khúc 6, cũng là 2 câu thơ cuối cùng của bài thơ:

Đừng ngoái nhìn. Phơ phất khói sương thu. Đừng ngoái nhìn. Trăng khoá thân xạm máu.

Chỉ còn một mình chàng với bóng đêm huyền ảo: "Phơ phất khói sương thu." "Trăng khoá thân xạm máu." Vậy thì, báo chàng "Đừng ngoái nhìn" là tại sao? Để làm gì? Nàng đã đi đâu về đâu chẳng biết. Nàng đã tan vào cõi không hư. Phải chăng, Chàng muốn tự an ủi mình rằng Nàng vẫn còn ở đâu đó, có thể Nàng đang ẩn hiện trong làn khói sương thu phơ phất, có thể Nàng đang ẩn hiện trong ánh trăng khoá thân xạm máu. Vì sợ rằng, nếu Chàng ngoái nhìn, Nàng sẽ lập tức tan biến đi? Lời khuyên kia, thật ra, cũng là từ tâm thư Chàng dấy lên, vừa tỉnh ninh, vừa mơ hồ. Nàng vừa là ảnh thực, vừa là ảnh ảo trong tâm thư Chàng. Đây cũng chính là sự giằng xé, niềm rầy rức khôn người suốt đời của thi sĩ. Muốn một câu

chuyện tình để nói lên thâm phạm mớ cõi, bơ vơ của kiếp người. Câu hỏi không lời đáp. Lời đáp nằm ngay trong câu hỏi. Thôi Hộ, sau khi tham văn bên thân xác Nàng đã chết, chỉ còn chút hơi ấm, nhưng điệu kỳ diệu đã giúp Nàng hồi sinh và trùng phùng, tái hợp với Thôi Hộ trọn đời. Nhưng câu chuyện ấy cũng chỉ là một huyền thoại. Ồ!!! Orphée sau khi bị đám nữ thần lên cơn ghen tức đâm chết, mới "gặp" lại Erydice ở cõi "bên kia" và "sống" với nhau trọn đời. Cũng chỉ là thần thoại. Ồ!!!

Hai câu chuyện có hậu của huyền thoại và thần thoại, chỉ để làm thỏa lòng người nghe chuyện. Trở lại "Ngôi Nhà Đỏ, Trăng Hồng," câu chuyện tình hư hư thực thực từ đầu đến cuối, mờ ra nhưng không khép lại, không có hậu. Chàng là "kẻ lạ mặt", Nàng là một ảnh ảo, rất mơ hồ, đang quẩn quanh, đầu đờ. Chàng và Nàng ẩn hiện, bay, lướt, chìm, tan trong âm vang và sắc màu miên man bất tận. Sáu biến khúc "Thế có lãng mạn quá không?" - Câu hỏi đầy cảm xúc, hưng khởi của thi sĩ. Tôi thẩm nhủ: "Quá đi chứ! Và còn rất, rất siêu thực nữa." Một cảm xúc, hưng khởi trên cả tuyệt vời. "Ngôi Nhà Đỏ, Trăng Hồng," với một thủ pháp cấu trúc, ngôn ngữ thơ thuộc loại bậc thầy! Đúng là một "Âm Vang Khác" rất lung linh, huyền ảo, rất Thanh Tâm Tuyền.

Thi tập "Thơ Ở Đâu Xa" (Trần Phục Khác xuất bản, 1990, Hoa Kỳ.) cũng là một "Âm Vang Khác" của Thanh Tâm Tuyền. Những bài thơ làm trong chốn tù ngục, đọa đày khác nghiệt, nhưng tâm

hồn, thần thái của thi sĩ vẫn ung dung, tự tại, cam nhiên chịu đựng bi kịch, tai ách, tuyệt không thù hận, oán than. Thơ trong tù được nghiền ngấm trong trí nhớ, được lưu giữ trong óc, trong tim, mà vẫn mải sức, có động ý từ, gây nhiều cảm xúc cho người đọc. Cái tâm, cái tầm của thi sĩ thật đáng kính nể. Cuộc đời trảm thế của thi sĩ tuy đã khép lại, nhưng phẩm cách con người, tâm hồn Thanh Tâm Tuyền vẫn mãi đẹp, như chính mong ước, khát vọng của ông:

"Sẽ chết như sao rơi vào bất tận, Sẽ mãi yêu như giọt nước hân hoan."

NGUYỄN LUONG VY
Calif., 03 - 04.03.2012

(Nhân kỷ niệm lần thứ 76, ngày sinh [15.03] và lần thứ 6 ngày mất [22.03] của Thanh Tâm Tuyền.)

CHÚ THÍCH

Về thân thế và sự nghiệp của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, đã có rất nhiều tập chỉ văn học nghệ thuật rất nhiều trang mạng đáng tin, nên xin được phép không ghi chi trong bài viết này.

(1),(6.) Nguồn: <http://phannguyjenartist.blogspot.com/2011/12/thanh-tam-tuyen>. (Vừa qua, trang mạng phannguyjenartist.blogspot.com, trong chủ đề "Mượn Đèn Thái Gian," đã công bố, lần đầu tiên, di cảo, gồm một số thư từ và một số bài thơ của thi sĩ (vào các ngày: 22.12.2011 - 08.01.2012 - 30.01.2012 - 07.02.2012 - 20.02.2012 - 25.02.2012 - 01.03.2012.) Xin trân trọng giới thiệu trang mạng nơi trên, để bạn đọc nào chưa biết có dịp thưởng thức và cảm nhận thêm những "Âm Vang Khác" của Thanh Tâm Tuyền.)

(2) Thôi Hộ, tự Ân Công, thi sĩ đời nhà Trung Đường, bên Tầu, bài thơ thất ngôn tứ tuyệt của Thôi Hộ mà Thanh Tâm Tuyền trích trong bức thư trên có nhan đề là "Đề Đền Thánh Nam

tiếp theo trang 44

3.

Trang sách khởi đầu viết
mắt người cảm ánh sáng
môi người cảm mặt trời
bàn tay đời mặt trời
và ngực em tự do
của anh của anh tất cả

Em gói đầu sương xuống
chuyện trò bằng bóng hình

Tôi đẹp như hình tôi
như cuộc đời
như mọi người
như chút thời
anh yêu lấy em

Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát
sớm mai khuya thư nhiều nhớ thương
em là cánh hoa là sương khói
đêm màu hồng

Vòng tay di vãng và bất ngất
chỗ yên nghỉ cuối cùng
dưới mắt sao dưới bàn chân những đứa con

4.

Tôi chờ đợi
một người không
nhiều người
ở thánh phố thiếu thốn
ở làng mạc đọa đầy
tôi là tiếng nói là tiếng khóc
những người bỏ đi hện trở về
những người mìm hơi thừa chịu đựng
tôi chờ đợi
tôi là tiếng thơ là tiếng cười
mái Việt Nam hỡi mái Việt Nam

THANH TÂM TUYỀN

MỘT THỜI TRUYỀN LUẬT

diệt tẩn, chắc thực tế khó có trường hợp diệt tẩn vậy ra. Ngoài đời, ngay cả trong thời vua chúa, chỉ khi ăn cướp có giết người, hay trộm đồ tể khi trong tông miếu, mới bị tử hình. Nếu đối chiếu theo mức định tội như luật ngoài đời hiện nay: thấp nhất là tội phạt vì cảnh, Kế nữa là tội xử theo mức tiểu hình. Cao nhất là mức của tòa đại hình. Tội ăn cắp, nếu tương đương mức xử đại hình thì bị diệt tẩn.

Hòa thượng đồng ý quan điểm giải thích này.

Đại loại các buổi học luật và thảo luận luật như vậy liên tục suốt trong ba năm, với Hòa thượng chủ trì, Hòa thượng Đồng Minh nêu ý kiến về đề nghị những giải thích. Phần tôi thì ghi chép tổng hợp. Kết quả tập hợp thành bộ Tư pháp hiệp chủ, mà tên gọi đầy đủ là Đám-vô-đầu bộ Tư pháp luật Tỳ kheo giới bốn hiệp chủ. Đó là công trình tâm huyết một đời của Hòa thượng để lại.

Người học luật mà không hành trì, khó mà hiểu hết những điều được học có nghĩa lý gì. Trì luật, không phải chỉ sống thanh bạch một mình trên núi rừng với nai với khỉ, độc thiện kỳ thân. Luật, được Phật chế, với mục đích nhiếp tăng. Vị nào chưa từng sống nhiều năm trong tăng, chưa từng xử lý

việc tăng, cũng khó mà hiểu hết giá trị những điều luật.

Thừa đời Tùy bên Trung Quốc, có Luật sư Hồng chuyên giảng Tư pháp. Pháp sư Tăng Hữu nghe giảng có đến hơn 30 lần, rồi nói với đồ chúng: "Tôi dự nghe cũng nhiều. Về kinh luận, nghe qua một lần có thể hiểu hết. Nhưng về luật, càng nghe càng mờ mịt. Thế nên biết, lý thì có thể huc cấu, mà sự thì khó bề thông hội." Bởi vì, về lý thì có thể hiểu suông, suy diễn thế nào cũng được. Cứ xem các triết gia tranh luận ráo riết với nhau thế kỷ này sang thế kỷ khác không bao giờ dứt, thì đủ biết. Nhưng về sự, nếu không đi vào thực tế, thì không thể thông được. Khi đàm chuyện này. Hành Sự Sao Tư Trì Kỳ còn chưa thêm: Về quý về ma thì dễ đẹp, nhưng về chó về ngựa thì khó mà giống cho được. Nói vậy, vẫn có nhiều trường hợp ông thầy về với nhiều chuyện, gọi là chế tác hay cảnh cái đúng theo tinh thần luật, rồi truyền trò, lâu đời thành nếp, khó sửa. Một người học Luật tốt nghiệp, lâu bao nhiêu năm chưa biết, nhưng có thể nói tiếng. Tuy thế, ông chưa bao giờ ngồi ghế chánh án, hay bồi thẩm, cũng chưa giờ làm luật sư biện hộ cho ai; bắt chợt ông được giao cho biên soạn bộ luật hình sự. Bộ luật ấy nếu áp dụng cho các tòa

xét xử, chắc có nhiều người chết oan mạng. Luật Phật hướng đến giải thoát. Người chưa giải thoát, còn đây đây tham sân, mà không gặp cơ hội để phát tác, tự bản thân đã chưa thể giải thoát, làm sao có thể đặt luật cho người khác hành trì! Hòa thượng thường hay nhắc nhở: ở đời đi dạy học, nếu dạy sai một vài bài toán, thì khó lắm cùng chỉ trong một đời người thôi. Nhưng hướng dẫn người sai lạc, khiến người ta muốn kiếp đọa lạc, thì tội của mình không phải là nhỏ. Làm thầy độ người, phải cẩn thận. Trong suốt đời chuyên trách giáo dục đào tạo tăng tài, Hòa thượng cũng đã bao che cho nhiều học tăng phạm kỷ luật, theo lẽ phải bị trục xuất. Nhưng vì ấy về sau lại trở nên tinh tấn, giới hạnh thanh khiết. Hòa thượng nói, giới luật để uốn nắn người xấu thành người tốt, chứ không phải chỉ để trừng trị.

Tuổi trẻ tốt có những ngồng cuồng, nhiều khi vượt quá quy luật. Nhân một hôm không có giờ dạy, tôi về chùa hầu Hòa thượng. Tối hôm đó, lúc tôi đang ngồi hầu chuyện Hòa thượng thì hai ông bà Ngô Trọng Anh cùng đến thăm. Sau một hồi chuyện trò, Bà Ngô bạch: "Bạch Hòa thượng, con biết có mấy chủ trong chùa trốn đi vô quán. Buổi đó trời mưa, con nhìn xuống thấy hai

ống quần, biết mấy chủ này trộm áo mưa đi quán."

Hòa thượng không nói gì. Ông Anh lên tiếng: "Bà này thật nhiều chuyện. Người ta đã sợ. Nên phải lên che rồi, mà bà còn mách."

Hòa thượng cũng không nói gì. Nhưng kể nhiều chuyện vui khác. Một lúc sau, lại kể chuyện xưa, thời Hòa thượng còn niên thiếu. Nói là niên thiếu, lúc bấy giờ cũng khoảng 40, hay nhiều hơn, lại thuộc hàng lãnh đạo Phật Giáo Trung phần. Nhân một buổi được Hội Phật Giáo phân công tác vào Bình Định giải quyết một số vấn đề Phật sự. Cùng đi là ngài Mật Nguyện. Hai vị đến Quy Nhơn, giải quyết xong Phật sự, bên bên riêng. Bình Định nổi tiếng là quê hương của hát bội. Các ngài tán thưởng hát bội vì điệu bộ nghệ thuật, lại thêm văn chương thâm thúy. Nhân dịp này, nếu bỏ qua không thưởng thức thì cũng uổng. Nhưng trong cương vị lãnh đạo tinh thần đối với tăng ni và Phật tử ở đây, làm sao có thể đường đột mà đi. Hai vị bên quán khăm lên đầu, chỉ cốt không ra về trang trọng để người đời không lưu ý thôi, chứ vẫn khoác y phục nhà chùa thì đi đâu cũng được nhem ra là ông thầy. Nhưng hai vị tin rằng ở Bình Định không mấy ai biết mặt mình.

Khi vào rạp, đang tìm chỗ ngồi, chẳng may gặp phải quan Tuần phủ cũng vừa đi đến. Ông quan này trước ở Kinh thành, lại là hàng văn nho tao nhã, nên cũng rất thân với Hòa thượng Tri Thủ. Bất chợt như người "đào trái tha hương ngộ tri cố", kẻ trốn nọ đi tha phương mà ở đó lại

còn gặp cố tri nhìn ra mặt, thật là không may. Trong khi chưa biết tránh đi đâu, thì ông quan vốn đã bước đến chào hỏi: "Ừa, chỗ hai thầy, vô khi mô? đi thăm chi trong ni? Nhân tiện, mời hai thầy lên ngồi với tui."

Hóa ra, là khách quý bất đắc dĩ, hai vị theo ông quan Tuần phủ lên ngồi hàng ghế danh dự trong rạp hát. Nghe xong câu chuyện, ông Ngô Trọng Anh phát cười, rất tâm đắc. Ông hiểu ý Hòa thượng muốn nói gì.

Những chuyện tương tự như vậy lớn có nhỏ có, chuyện tầm thường có, mà chuyện trời cũng có, đã xảy ra suốt cuộc đời của tri luật và truyền luật của Hòa thượng, cần phải có những phân đoán và quyết định, để giúp những người lỡ sa ngã còn có thể đứng dậy để tiếp tục cho đến cuối con đường Đạo của mình. Ở đây tôi chỉ có thể kể vài câu chuyện mà tự thân may mắn được nghe, được biết, để tường nhớ công hạnh một đời truyền luật. Không truyền luật như vị giáo thọ ngồi trên bục giảng, mà truyền dạy ngay trong thực tế sinh hoạt hằng ngày.

Nghiêm khắc, nhưng luôn luôn sẵn sàng tha thứ, để uốn nắn dần. Điều này đơn giản, nhưng trong thực tế, đầu tinh, đầu lý; sự quyết đoán không phải dễ. Luật để nâng đỡ những tâm hồn yếu đuối, không phải để dẫm đạp những người đã té ngã, khiến cho vinh viễn đọa lạc. Cho nên, khi tôn giả Bạt-đà-lị hỏi Phật vì sao có trường hợp cùng phạm giới ngang nhau nhưng vị này được tăng xử trị nhẹ nhàng,

THANH TÂM TUYỂN ÂM VANG KHẮC t.

Trương' (Đề [Tho] Tại Trương [Trái] Phía Nam Thành Đô.) Thành Đô, từ Trương An, lãnh đạo nhà Đường. Bài thơ của Thôi Hộ, theo truyền thuyết được kể lại, đại ý như vậy: "Một lần nhân tiết Thanh Minh, Thôi Hộ dạo chơi phía nam Thành Đô, nhân thấy một khu vườn bóng đào rất đẹp, tuy tối thẫm nhưng hoa chàng đến gõ cửa vào xin nước uống. Lúc sau, lại thấy một thiếu nữ rất đẹp ở đây trong vườn đào. Uống nước xong, chàng ra đi. Đến năm sau, cũng trong tiết Thanh Minh, chàng trở lại thăm cô, gọi mãi không thấy; ai. Chàng viết bài thơ rồi dán trên cửa, ra đi. Thôi

giác lần sau nữa, khi trở lại, chợt nghe tiếng khoe từ trong nhà vọng ra, rồi thấy một ông lão xuất hiện, hỏi chàng có phải là Thôi Hộ không, và cho biết con gái của ông lâu sau khi được xong bài thơ, đã bị lụy sâu thương, bỏ cả ăn uống, và đã chết nằm vòm con quăng ở trong nhà. Thôi Hộ âm vào đến bên xác người thiếu nữ, tự đã tắt thở nhưng vẫn còn hơi ấm và một mảng vòm tươi nhuận. Chàng quý xuống thân vòm kẻ lệ. Người con gái sống lại và họ trở thành vợ chồng." Bài thơ ghi lại mối tơ duyên bất hủ như một câu chuyện tình đẹp. Bài thơ thực sự thể hiện chàng biết nhưng chỉ

biết đây là một bài thơ tình thuộc loại hiếm và đẹp của Thôi Hộ, từ phiên bóng bóng láng, niêm hoặc cảm mang mang, âm hưởng đẹp dịu dàng.

(3) Tạm dịch nghĩa bốn câu thơ trên của Thôi Hộ: "Ngày này năm ngoài tại cửa này (Sắc diện) hoa đào và gương mặt người càng ánh lên sắc hồng Gương mặt (người xưa) không biết giờ đây (năm này) đã ở nơi chốn nào (Sắc diện) hoa đào vẫn như cũ, đang cười với gió đông."

(4) Nguồn: tenve.org.

(5) Tóm lược Chuyện Tình Của Orphée và Eurydice:

Thần thoại Hy Lạp kể rằng, Orphée là một thi sĩ tài hoa con của vua xứ Thracie, có tài đàn hát tuyệt vời. Giọng ca của chàng đã quyến

rũ tất cả thần thánh, thiên nhiên, con người, ma quỷ và cả những sinh vật khác.

Orphée và nữ thần Eurydice đã yêu nhau đắm say thiết tha đến tận cùng của sự chết. Họ đã chung sống rất hạnh phúc. Rồi một ngày, Orphée đã vắng, Eurydice cảm thấy cô đơn và nhớ nhà, nên quyết định trở về thăm nhà. Khi đã ngang qua một khu rừng, Eurydice đã bị một con rắn độc cắn chết.

Orphée đau đớn chôn cất Eurydice và quyết định ra đi, tìm đến Diêm Vương để mong cứu được Eurydice.

Orphée gặp Diêm Vương, cất giọng hát để bày tỏ tình yêu của mình với Eurydice, làm cho Diêm Vương động lòng thương cảm, trả lại Diêm Vương hứa sẽ cho Eurydice sống lại, trở về sống với Orphée, với điều kiện là

Orphée không được quay lại ngoái nhìn Eurydice. Do quá nóng lòng, lo sợ Eurydice lạc mất trên đường về, Orphée quên lời dặn của Diêm Vương, đã quay lại ngoái nhìn. Eurydice tan biến dần trong đêm khuya tình yêu. Nàng đã chết lần thứ hai!

Quá đau khổ, Orphée âm thầm trở lại âm phủ, nhưng đã tự tuyệt vọng. Chàng trở về sống với lòng hối hận khôn nguôi hình bóng của Eurydice. Một hôm, có một đoàn nữ thần uống rượu, trong con say, bất gặp Orphée đang tham thò mắt tình tự tuyệt vọng của mình. Do ghen tị với Eurydice tội đồ, họ nói gièm nếm đã giết chết Orphée. Linh hồn Orphée trở xuống Âm Phủ và gặp lại Eurydice. Họ đã đoàn tụ, mãi mãi sống bên nhau với mối tình tuyệt đẹp.



H. L. UYEN NGUYEN

trong khi vị khác bị xử trị rất nặng? Phật bảo: như người có hai con mắt mà một con đã bị hư thì cần phải giữ gìn con kia cẩn thận. Cũng vậy, người yếu đuối nên đề hỷ phạm giới. Do tinh thần yếu đuối, nếu xử trị nặng, người ấy bất kham có thể dẫn đến đọa lạc. Với người ý chí kiên cường, việc xử trị nặng là tôi luyện cho ý chí được bền chắc hơn.

Bên ngoài, nhìn vào luật, với nhiều cấm đoán khắt khe, chỉ thấy sự nghiêm khắc của luật, mà không thấy được tâm từ bi bao dung rộng lớn của luật.

Vào những ngày cuối đời, Hòa thượng càng lưu tâm tha thiết với sự mệnh giáo dục tăng ni. Khi

lần đầu tôi được thả ra khỏi trại giam, chưa trở về chùa ngày; Hòa thượng gọi tôi đến dạy: Một ngày không thể thiếu mặt trời. Tăng chúng cũng không thể một ngày thiếu tu, thiếu học. Và do vậy lớp học tại chùa Già Lam được Hòa thượng ưu mang rộng rãi bốn năm. Thời gian không dài lắm, nhưng một thời thù thích, và chịu đựng, thời gian đó không phải ngắn. Tôi vẫn còn ngậm ngùi khi hồi tưởng lại những hôm, thức dậy lúc 3 giờ rưỡi sáng, đang chuẩn bị cho buổi trà sớm xong, để lên Chánh điện lễ Phật. Bỗng thị giả bước vào thưa: Hòa thượng dậy lúc 2 giờ sáng, đợi thầy sang uống trà. Tôi biết Hòa thượng thường thức cho đến 12 giờ khuya mới đi tịnh. Có thể suốt đêm này Hòa

thượng không ngủ. Tâm sự năm canh một bóng đèn.

Tết năm đó Hòa thượng về thăm Huế. Chùa Già Lam, Thấy Trụ trì Đức Chơn cũng chuẩn bị đón Hòa thượng về chùa. Trước khi đưa xe ra sân ga đón Hòa thượng, Đạt Đạo đến nói với tôi: "Mấy hôm nay Thấy Trụ trì bận việc, quên không gọi thơ thỉnh Ôn vô. Các thầy ngoài Báo Quốc bảo, coi chừng Ôn không về Già Lam. Ôn nói, chùa không ai cấm đến Ôn nữa, thì thôi. Anh đi đón Ôn cho Ôn vui."

Tôi vui vẻ theo Đạt Đạo đi đón Hòa thượng. Hòa thượng cũng vui vẻ về chùa, không thấy có gì lạ.

Nhưng đây không phải đơn giản là chuyện vui buồn,

để Hòa thượng về chùa với Chúng hay không. Bên trong đó là tâm sự thiết tha của người luôn luôn muốn sống, và chỉ sống, vì ích lợi cho người, vì mọi người đang cần. Đòi cần thì ta đến, đòi không cần nữa thì ta đi. Có gì mà vui hay buồn trong đây? Cho nên, năm đó, Hòa thượng làm bài thơ này: Sáu bảy xuân thu giữa cuộc đời Buồn vui mừng giận khéo trêu người Thăm này đã hứa cùng non nước Vinh nhục khen chê chỉ mỉm cười

Năm đó, là năm mà Hòa thượng bị đặt trước một quyết định sinh tử, không chỉ quyết định vinh nhục của bản thân, mà quyết định liên hệ đến vinh nhục, tôn vọng của Đạo pháp. Đó là quyết định mà người xưa nói, hoặc

"lưu phương thiên cổ", hoặc "đi tù vạn niên".

Hành xử của bậc trượng phu xuất thế, bằng tâm lượng nhỏ nhoi của người thường, đủ thiếu vào đâu mà đàm tiếu, khen chê? Chỉ nhị trùng hà tri chi? Muộn lợi Trang Tử để nói vậy: "Hai con sâu con ốc mà biết gì?" Làm sao hai con chim sẽ nhỏ kia mà biết được chi con đại bàng vỗ cánh trên bầu trời vạn dặm kia?

Chuyện Trang Tử, vì cho trượng phu chỉ lớn giữa đời. Nhưng với những bậc "xuất trần thượng sĩ", thì ví von ấy chỉ để ví von cho thú vị tạo nhả văn chương vậy thôi.

TUỆ SỸ



tiếp theo trang 35

SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI PHƯƠNG NAM

bấy đời. Ông không thuộc dòng quan lại; đã Việt hóa hoàn toàn nên sử Trung Hoa mới gọi là "thổ nhân." Lý Bôn người huyện Thái Bình, theo Khâm Định Việt Sử huyện này thuộc Phong Châu, vốn có truyền thống khởi nghĩa từ thời Hai Bà Trưng. Chắc chắn ông được giáo dục theo Nho giáo, vì ông từng sang làm một chức quan nhỏ ở kinh đô nhà Lương. Sau khi khởi nghĩa thành công năm 541, năm 544 ông tự xưng là Nam Việt Vương, sau được suy tôn làm Lý Nam Đế. Nhà Tiền Lý đánh dấu một cột mốc trong ý thức độc lập của dân Việt. Hơn 600 năm sau khi nước Nam Việt của Triệu Đà bị nhà Hán xóa bỏ mới có một người ở nước ta xưng đế, đặt niên hiệu Thiên Đức. Hành động dứt khoát không dùng niên hiệu các ông vua bên Tàu trong các văn kiện hành chính hay hiệu lệnh binh sĩ, là một

cách xác định "Son hà cương vực đã chia!" Chúng ta chứng kiến cảnh dân tộc đang chuyển hóa, ý thức dân tộc của người Việt đã thay đổi rất nhiều so với thời Hai Bà Trưng. Bà Triệu, khi mà người mình vẫn chỉ suy tôn các nữ anh hùng là Vương mà thôi. Hành động quyết liệt khác là Lý Bôn đặt quốc hiệu Vạn Xuân cho một quốc gia mới; cái tên cho thấy ý hướng quốc gia này còn kéo dài mãi mãi. Các hành động trên cho thấy vào lúc đó ý thức tự chủ của dân ta đã rất cao. Nhưng các quyết định lớn đó được các thủ lĩnh người gốc Việt thuần túy cùng hợp tác với một người lãnh đạo gốc Hoa thực hiện. Người cùng khởi nghĩa với Lý Bôn là Tinh Thiều, cũng gốc Trung Hoa. Nhưng Lý Bôn mời Triệu Túc làm thái phó, một chức vụ lớn nhất trong triều theo truyền thống từ đời nhà Chu bên Tàu.

Triệu Túc được sách sử Trung Hoa ghi là một thủ lĩnh sắc tộc ở Châu Diên. Chắc ông phải là người Việt thuần túy, có thể thuộc dòng dõi các lạc hầu đời xưa, vẫn tiếp tục vai trò lãnh đạo địa phương. Keith W. Taylor (The Birth of Việt Nam) nhấn mạnh tới vai trò Phật Giáo trong cuộc khởi nghĩa năm 544, đoán rằng Triệu Túc thuộc một gia đình hào phú ở vùng Chu Diên, có liên hệ chặt chẽ với các cộng đồng Phật Giáo đang phát triển tại đó. Châu Diên nằm giữa sông Hồng và sông Đáy, cũng là quê của Thi Sách, chồng Bà Trưng. Trong bốn thế kỷ, đất đai được mở rộng thêm ra biển, trở thành vùng đất nuôi dưỡng, bảo vệ truyền thống di sản văn minh Lạc Việt. Phật Giáo phát triển trong vùng này khiến cho các nhà sư danh tiếng từ xa cũng phải tìm tới. Keith Taylor cho rằng chính Triệu Túc đã gọi ý cho Lý Bôn lập các chùa Khai Quốc và chùa thờ Phật A Di Đà tại kinh đô, một hành động nhằm thu hút đa số dân theo Phật Giáo ủng hộ. Khi Lý Bôn còn điều quân tại mặt trận Cửu Chân, Triệu Túc đã tự dẫn binh từ Châu Diên tấn công thủ phủ quan đô hộ nhà Lương, thử sử

Tiêu Tư phải hồi lộ để tìm đường chạy trốn. Triệu Túc mời Lý Bôn về thành, theo sử diễn tả, vì "cảm phục tài đức" của ông. Hai người thể hiện cuộc hợp tác giữa người Việt thuần túy với con cháu người Việt gốc Hoa, khác với các cuộc nổi dậy của Lý Tồn hay Lý Trường Nhân trong hai thế kỷ trước. Hợp tác giữa một nhà hào phú gốc Hoa ở Phong Châu với một thủ lĩnh Việt ở Chu Diên nhắc nhở cho người dân cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Thi Sách. Người Việt với di dân Trung Hoa chắc đã hợp tác trong nhiều đời trong lãnh vực kinh tế, xã hội; đây là lần đầu tiên có một liên minh chính trị lớn cùng hướng vào một mục đích thành lập một quốc gia. Lý Bôn phong Triệu Túc chức Thái Phó, tức là thầy của vua, bày tỏ thái độ tôn trọng truyền thống văn minh Lạc Việt. Trong thời Bắc thuộc, mảnh đất giữ được truyền thống cũ bên bờ và vùng vàng nhất, với tinh thần để kháng cao nhất, là Cửu Chân, từ sông Mã trở vào. Trong một cuộc hành quân ở Cửu Chân, vùng Thanh Nghệ Tĩnh bấy giờ, Lý Bôn chỉ huy quân đội chống Lâm Ấp. Lý Bôn kể ông đã được Bà Triệu hiến lĩnh phủ

trợ, cho nên đã phong thần và lập miếu thờ Bà. Ông chứng tỏ lòng tôn kính một nữ anh hùng người Việt thuần túy, để thu phục lòng người. Việc phong thần Bà Triệu, người Thanh Hóa, cũng biểu tượng cho cuộc liên minh giữa tầng lớp lãnh đạo mới trong vùng sông Hồng với những người Việt còn giữ gốc cũ chiếm đa số tại vùng sông Mã. Hai vùng Mê Linh và Chu Diên (phía Bắc và Nam Hà Nội) đều chịu ảnh hưởng Hán hóa; nhưng ảnh hưởng không sâu đậm như các vùng gần biển hơn ở phía Đông và Đông Nam; nơi có nhiều di dân người Hoa hơn, cũng là nơi phát xuất các gia đình như họ Khúc hoặc nhà Trần sau này. Uy tín của Lý Bôn lan rộng khắp cả vùng châu thổ sông Hồng nơi phát xuất của dân tộc Việt. Phạm Huy Lê, trong bài viết về Kế Giá, (Tìm Về Cội Nguồn, II) đã nghiên cứu sự tích Lý Phục Man, là một vị tướng của Lý Bôn, có thể cũng mang tên khác là Phạm Tu. Lăng Kế Giá, tên chữ là Cố Sở, nằm trong một vùng bên sông Đáy, đã có dân cư ngụ từ giai đoạn văn minh Gò Mun (hơn 3000 năm trước) và Đông Sơn (2300 năm trước). Đáy



Black Book: MINH BRYEN NGUYEN

là một làng cổ xưa nhất, nằm giữa cái nôi của dân Lạc Việt. Các truyền thuyết và lịch sử đều ghi nhận Lý Phục Man sinh trưởng tại Cổ Sở, sau đã được dân làng thờ làm thần. Ông từng theo giúp Lý Bôn đi chống quân Lâm Ấp tại vùng Nghệ Tĩnh; sau được giao cho trấn nhậm ở Ba Vi. Ông được vua ban cho họ Lý. Sau ông từ trần trong cuộc chiến kháng cự quân nhà Lương, tới thế kỷ 11, đời nhà Lý sau, ông được dựng tượng, lập đền thờ. Tại Kê Giã, mỗi năm đến ngày Hội Giã có lễ "Niêm Quán." Trong lễ này, dân Kê Giã thuộc nhiều lớp tuổi, cả nam và nữ, đã biểu diễn "đấu ăn mặc, nài nịt gọn gàng, xếp thành đội hình hàng một, đi vòng xoay tròn ốc rồi tụ họp lại trước sân đình." Mỗi lớp tuổi mặc quần áo màu khác nhau, hàng năm biểu diễn như một cuộc duyệt binh. Phạm Huy Lê kết luận đó là một hình thức "diễn tả cảnh dân làng đi theo người anh hùng đánh giặc cứu làng cứu nước." Trước đời Lý Bôn hơn hai trăm năm, họ Sĩ cũng gồm những người gốc Hoa đứng ra tự lập, cai trị mấy đời. Nhưng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, khi bị quân nhà Ngô sang

đánh, "Sĩ Huy họp họ hàng gọi là 'tông binh' chống cự quân Ngô." Tông binh tức là những quân lính riêng của một gia đình, cùng một họ. Có thể đoán họ Sĩ thất bại vì binh lực vẫn chỉ dựa vào họ hàng, tức là những người gốc Hoa khác, chứ không được các thủ lĩnh của dân Việt ủng hộ. Có lẽ người dân gốc thuần Việt vẫn nhìn họ Sĩ như người ngoại quốc. Sau hai thế kỷ, những gia đình họ Lý đã Việt hóa rồi, cho nên cuộc khởi nghĩa thành công. Tuy thời kỳ Tiền Lý tổng cộng chỉ 60, 70 năm nhưng có ảnh hưởng quyết định. Người Việt đứng lên dứt khoát lập một nước có quốc hiệu, có hoàng đế và niên hiệu riêng; rồi còn chống cự ngoại xâm trong hai thế hệ nữa mới chịu thua. Nhưng chính ông vua nhà Lương sai quân sang đánh nước ta ngay sau đó cũng bị lật đổ, một triều đại mới lên thay thế. Với những kinh nghiệm như vậy, người Việt càng ý thức dân mình có khả năng trở thành một quốc gia độc lập. Người ta nuôi khát vọng này, không còn chấp nhận đóng vai một châu, một quận của Trung Quốc nữa. Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí đánh dấu sự hợp tác giữa những người

Việt vùng sông Hồng đã theo học văn minh Trung Hoa nhưng còn giữ gốc; cùng với những người gốc Hoa nhưng chia sẻ vận mệnh với dân chúng vẫn thuộc giống máu Việt cổ truyền. Cuộc hợp tác này tiếp tục trong các thế kỷ sau; nhưng các lãnh tụ cầm đầu các cuộc nổi dậy từ thế kỷ thứ sáu đều xuất phát từ xã hội Việt cổ truyền. Thế lực của các thủ lĩnh địa phương người Việt đã mạnh hơn, có thể do nhiều nguyên nhân. Dân số đã tăng lên, nông sản và thực phẩm dư dúng đủ cho các nhà hào nuôi thêm người làm những công việc khác; như nhà nghề thủ công và cả các đám quân để tự bảo vệ an ninh. Họ có thể đón các "ông đồ" về nuôi để dạy con cháu trong làng biết đọc biết viết. Nhiều gia đình cho con học với ước vọng làm quan, nhưng bị hạn chế, những "sĩ tử" này trở về sống bên các nông dân. Những kiến thức về sử sách Trung Hoa cho họ hiểu quyền hành do đâu mà ra, biết lịch sử luôn luôn biến đổi, các tay hào kiệt đều có cơ hội lập nghiệp vương bá, và cũng hiểu rõ cơ cấu quản trị xã hội của người Hán như thế nào. Mạng lưới

xã hội của người Việt được củng cố qua các làng xã; thêm vào đó là những cộng đồng Phật Giáo đã được xây dựng trong nhiều thế kỷ. Tất cả đều góp phần tạo thêm thế lực cho các thủ lĩnh địa phương gốc người Việt. Thế lực đó khiến guồng máy đồ họ phải chú ý, lợi dụng hoặc liên kết với họ nên càng mạnh hơn. Trong các thế kỷ sau có nhiều cuộc nổi dậy của binh lính vì bị bắt làm việc quá sức, như hai lần đám quân xây La Thành đã nổi loạn khiến các viên quan đồ họ phải bỏ chạy về Tàu; chắc nhiều thủ hạ cũng chạy theo. Khi đó, đám lính không tôn một thủ lĩnh của họ hay một viên quan cai trị cấp dưới lên nắm quyền mà lại tìm một hào trưởng địa phương. Sức mạnh đáng kể nhất của các hào trưởng là quyết tâm của dân Việt không chịu nô lệ mãi để bị biến thành người Hán. Ý thức rằng mình có khả năng tự chủ ngày càng mạnh hơn. Sau nhiều thế kỷ tiếp xúc với người Hán, dân Việt cũng không còn sợ nữa. Nhất là khi thấy nhiều người Hoa sang nước ta đã tự hội nhập, biến thành dân Việt. Những người Hoa được Việt hóa, sau nhiều đời hòa nhập

vào cộng đồng người bản địa. Tự nhiên họ có quan hệ với những người Việt đã Hán hóa ít nhiều. Hai nhóm này dần dần hòa hợp, sau nhiều thế kỷ chắc không còn phân biệt nguồn gốc khác nhau nữa. Hai bên giao hảo, thông gia với nhau, tạo thành một tầng lớp có ảnh hưởng lớn về kinh tế cũng như chính trị. Người Hoa thay đổi biến thành người Việt dễ dàng hơn. Vì quá trình Việt hóa của họ diễn ra trong đời sống hàng ngày, trong quần áo mặc, khi cần trừ tà, chữa bệnh, trong cách chào hỏi, đối đãi, và lúc cần cấp thì hàng xóm nhờ vả hoặc giúp đỡ lẫn nhau. Còn nền văn minh của người Hán được truyền sang cho người Việt qua sách vở khó thấm sâu vào cuộc sống người dân bình thường. Người Hoa di cư sang nước ta có rất nhiều lý do, từ kinh tế đến văn hóa, để hội nhập vào xã hội người Việt. Nhưng nguyên nhân kinh tế là yếu tố mạnh nhất, và dễ hiểu nhất.

NGÔ NHÂN DUNG

ra mắt
tiểu thuyết
nguyễn đình htoàn

2:00pm thứ bảy ngày 3 tháng 5, 2014

phòng sinh hoạt nhật báo NGƯỜI VIỆT
14771 moran street westminster, california 92683